

HỢP ĐỒNG CẦM CỔ CHỨNG KHOÁN¹

Số:/...../BD

Hôm nay, ngày tháng năm 200....., tại
..... chúng tôi gồm:

1. **Bên cầm cố²:**.....
 - Địa chỉ :
 - Điện thoại.....: Fax:
 - ĐKKD số : Nơi cấp: ngày:
 - Người đại diện:..... Chức vụ:
 - CMND số: Nơi cấp: ngày:
 - Số tài khoản tiền gửi đồng VN:..... Tại Ngân hàng... ..
 - Số tài khoản tiền gửi ngoại tệ:..... Tại Ngân hàng... ..
 - Giấy uỷ quyền số: ngày : của :
2. **Bên nhận cầm cố: Ngân hàng**.....
 - Địa chỉ :
 - Điện thoại.....: Fax:
 - ĐKKD số : Nơi cấp: ngày:
 - Đại diện : Chức vụ:
 - Giấy uỷ quyền số: ngày : của :

(Dưới đây, Bên nhận cầm cố được gọi tắt là “NGÂN HÀNG”)

Cùng nhau thỏa thuận và ký Hợp đồng cầm cổ chứng khoán theo các nội dung dưới đây:

Điều 1. Nghĩa vụ được bảo đảm

1. Bên cầm cổ đồng ý cầm cổ chứng khoán thuộc quyền sở hữu của mình để bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ dân sự của mình đối với NGÂN HÀNG, bao

¹ Áp dụng đối với trường hợp Bên vay vốn là Bên cầm cổ

² Nếu Bên cầm cổ là một hoặc nhiều cá nhân đồng sở hữu thì cần sửa đổi, bổ sung thêm thông tin cho phù hợp như : Hộ khẩu thường trú, Số CMTND/Hộ chiếu. Trường hợp Bên cầm cổ là hộ gia đình thì ghi thông tin về hộ gia đình đó và bổ sung thêm thông tin về người đại diện.

gồm nhưng không giới hạn là: Tiền vay (nợ gốc), lãi vay, lãi quá hạn, chi phí xử lý Tài sản, các khoản chi phí khác và tiền bồi thường thiệt hại theo (các) Hợp đồng tín dụng ký với NGÂN HÀNG kể từ ngày các bên ký Hợp đồng này.

2. Nghĩa vụ được bảo đảm đối với các Hợp đồng tín dụng theo thoả thuận tại khoản 1 của Điều này bao gồm cả các nghĩa vụ quy định tại các Phụ lục trong trường hợp Hợp đồng tín dụng được gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hoặc có sự sửa đổi, bổ sung làm thay đổi nghĩa vụ được bảo đảm.
3. Tổng giá trị nghĩa vụ được bảo đảm sẽ giảm theo mức độ giảm giá trị của tài sản cầm cố được xác định lại trong các Biên bản định giá lại hoặc các phụ lục hợp đồng được ký giữa các bên và cũng được sử dụng theo nguyên tắc trên. Tổng mức cho vay trong trường hợp này cũng giảm tương ứng mà không cần có sự đồng ý của Bên cầm cố.

Điều 2. Tài sản cầm cố

Tài sản cầm cố là chứng khoán thuộc quyền sở hữu của Bên cầm cố (dưới đây gọi tắt là “Tài sản”), chi tiết về Tài sản được mô tả đầy đủ theo các văn bản (Hợp đồng, giấy tờ, tài liệu) dưới đây:

1. Chứng khoán thuộc quyền sở hữu của Bên cầm cố gồm:

T	Chứng khoán, Công ty phát hành	Số, ký hiệu	Ngày phát hành	Mệnh giá (đồng)	Ghi chú
1.
2.
3.

2. Toàn bộ lợi tức và lợi ích vật chất phát sinh từ hoặc liên quan đến Tài sản cũng thuộc tài sản cầm cố trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.

Điều 3. Giá trị Tài sản

1. Tổng giá trị Tài sản nêu tại Điều 2 Hợp đồng này do Bên cầm cố và NGÂN HÀNG thoả thuận xác định là đồng theo Biên bản định giá tài sản ngày Mức giá định giá trên chỉ được làm mức giá trị tham chiếu để xác định mức cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng, không sử dụng để áp dụng trong trường hợp xử lý tài sản.
2. Với giá trị tài sản này, NGÂN HÀNG đồng ý cho Bên cầm cố vay tổng số tiền (nợ gốc) cao nhất là đồng.

Điều 4. Bàn giao, quản lý Tài sản

1. Trước hoặc ngay sau khi ký kết Hợp đồng này, Bên cầm cố phải bàn giao đầy đủ Tài sản kèm theo toàn bộ giấy tờ gốc về chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng,

quản lý tài sản cầm cố và các giấy tờ khác có liên quan cho NGÂN HÀNG hoặc Bên thứ ba được NGÂN HÀNG uỷ quyền/thuê gửi giữ.

2. Bên cầm cố và NGÂN HÀNG sẽ ký Biên bản bàn giao Tài sản và giấy tờ tài sản cầm cố theo mẫu của NGÂN HÀNG. Biên bản bàn giao là một phần không thể tách rời của Hợp đồng cầm cố này.
3. NGÂN HÀNG có toàn quyền quản lý, bảo quản Tài sản và các giấy tờ gốc về Tài sản hoặc chuyển giao, uỷ quyền cho Bên thứ ba quản lý, bảo quản Tài sản. Mọi chi phí quản lý, bảo quản và/hoặc gửi giữ phát sinh giữa NGÂN HÀNG với Bên thứ ba do Bên cầm cố chịu trách nhiệm thanh toán, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên cầm cố

1. Bên cầm cố có các quyền sau:
 - a) Được nhận lại Tài sản đã giao cho NGÂN HÀNG khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này.
 - b) Được yêu cầu NGÂN HÀNG hoặc Bên thứ ba bồi thường thiệt hại nếu làm mất, hư hỏng Tài sản.
 - c) Được bổ sung, thay thế Tài sản bằng một tài sản khác, được bán, trao đổi, tặng, cho, góp vốn liên doanh bằng Tài sản khi được NGÂN HÀNG chấp thuận trước bằng văn bản. Trường hợp bán Tài sản thì NGÂN HÀNG phải được nhận số tiền thu được từ việc bán Tài sản để thanh toán nghĩa vụ trả nợ đã cam kết theo Hợp đồng này.
2. Bên cầm cố có các nghĩa vụ sau:
 - a) Bàn giao Tài sản cho NGÂN HÀNG trước hoặc ngay khi ký Hợp đồng này.
 - b) Thanh toán mọi chi phí quản lý, bảo quản và/hoặc gửi giữ Tài sản, giấy tờ về Tài sản phát sinh giữa NGÂN HÀNG với Bên thứ ba theo Hợp đồng gửi giữ Tài sản hoặc thoả thuận liên quan, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.
 - c) Phải thông báo bằng văn bản cho NGÂN HÀNG về quyền của Bên thứ ba đối với Tài sản (nếu có). Trong trường hợp không thông báo hoặc thông báo không đúng, không đầy đủ thì căn cứ vào mức độ nghiêm trọng của vi phạm NGÂN HÀNG có quyền yêu cầu bổ sung, thay thế tài sản bảo đảm, huỷ hợp đồng cầm cố và yêu cầu bồi thường thiệt hại đồng thời áp dụng các biện pháp khác để ngừng giải ngân và thu hồi nợ trước hạn.
 - d) Không được sử dụng Tài sản để cầm cố hoặc bảo đảm cho nghĩa vụ khác; không được chuyển nhượng, trao đổi, tặng cho, góp vốn hoặc có bất kỳ hình thức nào chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng Tài sản, trừ trường hợp có sự chấp thuận bằng văn bản của NGÂN HÀNG.
 - e) Bên cầm cố có trách nhiệm bổ sung Tài sản, thay thế bằng biện pháp bảo đảm khác hoặc trả bớt nợ vay cho NGÂN HÀNG trong những trường hợp sau:

- Giá trị Tài sản tại thời điểm định giá gần nhất đã giảm xuống dưới 75% so với Giá trị định giá ban đầu;
- Khi Bên phát hành Tài sản cầm cố thực hiện việc giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể hoặc bị phá sản.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của NGÂN HÀNG

1. NGÂN HÀNG có các quyền sau:

- a) Được khai thác công dụng Tài sản và hưởng hoa lợi, lợi tức từ Tài sản, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.
- b) Được yêu cầu Bên cầm cố cung cấp thông tin về thực trạng Tài sản và giám sát, kiểm tra đột xuất hoặc định kỳ Tài sản;
- c) Được quyền yêu cầu bên thứ ba giữ Tài sản giao Tài sản cho mình để xử lý thu hồi nợ trong trường hợp đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà Bên cầm cố không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đủ các nghĩa vụ cam kết.
- d) Được xử lý tài sản, chuyển giao quyền thu hồi nợ hoặc uỷ quyền cho bên thứ ba xử lý Tài sản theo quy định của Hợp đồng này hoặc quy định pháp luật có liên quan để thu hồi nợ.
- e) Các quyền khác theo thoả thuận hoặc quy định của pháp luật.

2. NGÂN HÀNG có các nghĩa vụ sau:

- a) Bảo quản và lưu giữ an toàn Tài sản và bản gốc các giấy tờ chứng minh quyền sử dụng, quyền sở hữu và các giấy tờ khác có liên quan đến Tài sản của Bên cầm cố.
- b) Trả lại bản gốc các giấy tờ về Tài sản khi Bên cầm cố đã hoàn thành nghĩa vụ bảo đảm hoặc Tài sản được thay thế bằng tài sản bảo đảm khác hoặc giao cho người mua Tài sản khi Tài sản được xử lý theo quy định của Hợp đồng này và quy định pháp luật liên quan.
- c) Trả lại bản gốc các giấy tờ về tài sản (nếu có) tương ứng với số nợ Bên cầm cố đã trả, nếu việc giải chấp một phần tài sản không ảnh hưởng đến tính chất, tính năng sử dụng ban đầu và giá trị của tài sản cầm cố còn lại.
- d) Bồi thường thiệt hại nếu làm hư hỏng, mất bản gốc các giấy tờ về Tài sản của Bên cầm cố.

Điều 7. Xử lý Tài sản

1. Các trường hợp xử lý Tài sản:

- a) Khi đến thời hạn trả nợ (kể cả trường hợp phải trả nợ trước hạn) theo Hợp đồng tín dụng mà Bên cầm cố không thực hiện, thực hiện không đúng, không đủ hoặc vi phạm nghĩa vụ trả nợ NGÂN HÀNG;
- b) Khi tài sản cầm cố giảm giá trị theo quy định của Hợp đồng này nhưng Bên cầm cố không khôi phục, bổ sung, thay thế được tài sản khác theo yêu

cầu của NGÂN HÀNG hoặc khôi phục, bổ sung, thay thế không đủ giá trị cầm cố ban đầu;

- c) Các trường hợp pháp luật quy định Tài sản phải được xử lý để Bên cầm cố thực hiện nghĩa vụ khác đã đến hạn.
- d) Bên cầm cố³ thực hiện chuyển đổi (cổ phần hoá, chia, tách, sáp nhập, chuyển nhượng hoặc thay đổi loại hình tổ chức hoạt động) mà:
 - Không trả hết nợ gốc và lãi vay được bảo đảm bằng tài sản cho NGÂN HÀNG trong vòng 30 ngày kể từ khi có quyết định chuyển đổi; hoặc
 - Không thông báo bằng văn bản cho NGÂN HÀNG về việc chuyển đổi và đề nghị cho chuyển nghĩa vụ được bảo đảm bằng tài sản cầm cố sang tổ chức mới trong trường hợp không thể trả hết nợ theo quy định trên; hoặc
 - Không có văn bản đồng ý nhận nợ của doanh nghiệp hình thành từ chuyển đổi hoặc văn bản đồng ý nhận nợ trên không được NGÂN HÀNG chấp thuận;
- e) Bên cầm cố bị phá sản, giải thể trước khi đến hạn trả nợ hoặc không còn khả năng thanh toán nợ.
- f) Bên cầm cố bị tuyên bố hạn chế, mất năng lực hành vi và năng lực pháp luật theo quy định của pháp luật, bị chết hoặc bị tuyên bố chết, bị mất tích hoặc bị tuyên bố mất tích, bị khởi tố, ly hôn hoặc liên quan đến các vụ kiện làm ảnh hưởng đến Tài sản.
- g) Các trường hợp mà NGÂN HÀNG đơn phương xét thấy cần thiết phải xử lý Tài sản để thu hồi nợ vay trước hạn.
- h) Các trường hợp khác do các bên thoả thuận hoặc theo quy định pháp luật.
- i) Trong các trường hợp trên, mọi khoản nợ của Bên cầm cố tại NGÂN HÀNG chưa đến hạn cũng được coi là đến hạn và Tài sản đã cầm cố sẽ được xử lý để thu nợ.

2. Các phương thức xử lý Tài sản:

Trong trường hợp phải xử lý Tài sản để thu hồi nợ theo một trong các trường hợp nêu tại Khoản 1 Điều này thì Bên cầm cố bằng Hợp đồng này uỷ quyền không huỷ ngang, vô điều kiện và không hạn chế thời gian cho NGÂN HÀNG đại diện Bên cầm cố để:

- a) Lựa chọn phương thức bán Tài sản là đưa ra bán trực tiếp hoặc uỷ quyền cho cá nhân, cơ quan, tổ chức bán trực tiếp.
- b) Bán Tài sản với giá thấp nhất do NGÂN HÀNG xác định căn cứ vào Biên bản định giá, định giá lại Tài sản của NGÂN HÀNG tại thời điểm gần nhất hoặc giá thị trường liên quan (thị trường chứng khoán, thị trường liên ngân hàng,...) tại thời điểm bán Tài sản.

³ Trường hợp Bên cầm cố là cá nhân, vợ chồng hoặc hộ gia đình thì bỏ các quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 1 Điều 7 Hợp đồng này.

- c) NGÂN HÀNG trực tiếp nhận các khoản tiền, tài sản từ bên thứ ba trong trường hợp bên thứ ba đồng ý trả thay cho Bên cầm cố.
 - d) NGÂN HÀNG nhận chính Tài sản để thay thế cho việc thanh toán một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ được bảo đảm. Giá nhận Tài sản do hai bên thoả thuận trên cơ sở tham khảo giá thị trường và quy định có liên quan của NGÂN HÀNG về xử lý tài sản bảo đảm.
 - e) Thay mặt Bên cầm cố lập, ký tên trên các văn bản, giấy tờ, tài liệu, hợp đồng liên quan tới Tài sản và việc bán Tài sản với các cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan.
 - f) Trường hợp Tài sản bao gồm nhiều vật, nhiều phần hoặc có thể tách riêng, NGÂN HÀNG được chọn tài sản cụ thể để xử lý, đảm bảo thu hồi đủ số nợ, bao gồm nhưng không giới hạn là nợ gốc, nợ lãi (trong hạn, quá hạn), các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan (nếu có).
 - g) Trong thời gian chờ bán Tài sản, NGÂN HÀNG được quyền khai thác, sử dụng và thu hoa lợi, lợi tức từ Tài sản để thu hồi nợ.
3. Số tiền thu được từ việc xử lý Tài sản, sẽ được NGÂN HÀNG tự động trích để thanh toán các khoản nợ mà Bên cầm cố phải trả cho NGÂN HÀNG bao gồm nhưng không giới hạn theo thứ tự ưu tiên như sau:
- a) Chi phí bảo quản, bán tài sản và các chi phí phát sinh khác có liên quan;
 - b) Nợ lãi quá hạn;
 - c) Nợ lãi trong hạn;
 - d) Nợ gốc;
 - e) Số tiền còn dư sẽ trả lại cho Bên cầm cố, nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản không đủ để trả nợ thì Bên cầm cố phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho NGÂN HÀNG.
4. Bên cầm cố tự nguyện từ bỏ mọi quyền khiếu nại, khiếu kiện NGÂN HÀNG đối với việc NGÂN HÀNG thực hiện xử lý Tài sản theo các nội dung quy định tại Điều này. NGÂN HÀNG có toàn quyền thực hiện xử lý Tài sản như nêu trên mà không cần kiện ra Toà án hay cơ quan có thẩm quyền khác. Mọi vấn đề khác có liên quan đến việc xử lý tài sản cầm cố được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp

1. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này, trước hết sẽ được các bên trực tiếp thương lượng để giải quyết trên tinh thần thiện chí, tôn trọng các quyền và lợi ích hợp pháp của nhau. Trường hợp thương lượng không thành thì các bên có quyền yêu cầu Toà án nhân dân có thẩm quyền nơi có trụ sở của NGÂN HÀNG hoặc Toà án nhân dân nơi có Tài sản để giải quyết. Quyết định của Toà án có hiệu lực bắt buộc đối với các bên theo quy định của pháp luật.
2. Hợp đồng này được xác lập, điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

Điều 9. Cam kết của các bên

1. Bên cầm cố cam kết những thông tin về nhân thân và Tài sản đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật và tại thời điểm ký Hợp đồng này, Tài sản nói trên:
 - a) Được phép cầm cố theo quy định của Pháp luật;
 - b) Hoàn toàn thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Bên cầm cố và không có bất kỳ sự tranh chấp nào;
 - c) Chưa được chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng dưới mọi hình thức hoặc dùng để bảo đảm cho bất kỳ nghĩa vụ dân sự nào;
 - d) Không bị kê biên để bảo đảm thi hành án hoặc có bất kỳ quyết định nào của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hạn chế quyền sở hữu, quyền sử dụng ngoài những hạn chế đã được nêu tại Hợp đồng này;
 - e) Không có giấy tờ nào khác ngoài giấy tờ nêu tại Điều 2 của Hợp đồng này.
2. Các bên cam kết:
 - a) Việc giao kết Hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối và cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận trong Hợp đồng này;
 - b) Đã tự đọc hoặc được nghe đọc đúng, hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này.

Điều 10. Hiệu lực của Hợp đồng

1. Trường hợp (các) Hợp đồng tín dụng đã ký giữa Bên vay vốn với NGÂN HÀNG được chuyển giao từ đơn vị kinh doanh (Bên nhận cầm cố) cho bất kỳ đơn vị kinh doanh nào khác trong hệ thống NGÂN HÀNG hoặc đơn vị kinh doanh có sự thay đổi về tên gọi, mô hình tổ chức, hoạt động thì các bên không phải ký lại Hợp đồng cầm cố, chỉ cần lập văn bản ghi nhận về việc thay đổi Bên nhận cầm cố và phải đăng ký lại giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật (nếu có).
2. Trường hợp Bên cầm cố tổ chức lại pháp nhân (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi) khi Hợp đồng này vẫn còn thời hạn thực hiện thì các bên không phải ký kết lại Hợp đồng, chỉ cần lập văn bản ghi nhận về việc thay đổi Bên cầm cố và phải đăng ký lại giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật (nếu có)⁴.
3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ khi tất cả các bên ký vào Hợp đồng và được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật (nếu có). Các Hợp đồng, phụ lục hợp đồng hoặc văn bản, tài liệu, giấy tờ được các bên thống nhất sửa đổi, bổ sung, thay thế một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng này hoặc liên quan đến Hợp đồng này là bộ phận kèm theo và có giá trị pháp lý theo Hợp đồng.
4. Các Hợp đồng được bảo đảm bằng Tài sản theo Hợp đồng cầm cố này nếu vô hiệu không làm Hợp đồng này vô hiệu. Trong trường hợp do có sự thay đổi về luật pháp, quy định hiện hành làm cho việc cầm cố tài sản đối với một hoặc một số tài sản nêu tại Điều 2 Hợp đồng này hoặc bất kỳ điều khoản nào trong

⁴ Trường hợp Bên cầm cố là cá nhân, vợ chồng hoặc hộ gia đình thì bỏ nội dung này.

Hợp đồng này vô hiệu, thì Hợp đồng này vẫn có hiệu lực với những tài sản, điều khoản còn lại.

5. Trường hợp Bản án, quyết định của tổ chức, cơ quan có Nhà nước có thẩm quyền khẳng định Hợp đồng này bị vô hiệu về hình thức, thủ tục thực hiện thì các nội dung đã được thoả thuận thống nhất theo Hợp đồng này vẫn có hiệu lực giữa các bên.
6. Hợp đồng này chỉ chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - a) Bên cầm cố đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ trả nợ được bảo đảm của Hợp đồng cầm cố này;
 - b) Các bên thoả thuận nghĩa vụ được bảo đảm theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng biện pháp khác;
 - c) Tài sản cầm cố được xử lý để thu hồi nợ theo quy định của Hợp đồng này hoặc theo quy định pháp luật.
 - d) Các trường hợp khác do các bên thoả thuận hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Những vấn đề chưa được thoả thuận trong Hợp đồng này sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp luật.
2. Hợp đồng này được lập thành 04 bản chính, có giá trị pháp lý như nhau: NGÂN HÀNG giữ 02 bản, Bên cầm cố giữ 01 bản, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan giữ 01 bản (nếu có).

BÊN CẦM CỐ

(Ký, ghi rõ họ tên)

BÊN NHẬN CẦM CỐ

(Ký tên, đóng dấu)

HỢP ĐỒNG CẦM CỔ CHỨNG KHOÁN⁵

Số:/...../BD

Hôm nay, ngày tháng năm 200....., tại Ngân hàng
..... chúng tôi gồm:

3. **Bên cầm cổ**⁶:.....

- Địa chỉ :
- Điện thoại.....: Fax:
- ĐKKD số: Nơi cấp: ngày:
- Người đại diện:..... Chức vụ:
- CMND số: Nơi cấp: ngày:
- Số tài khoản tiền gửi đồng VN: Tại Ngân hàng... ..
- Số tài khoản tiền gửi ngoại tệ:..... Tại Ngân hàng... ..
- Giấy uỷ quyền số: ngày : của :

4. **Bên nhận cầm cổ: Ngân hàng**

-
- Địa chỉ :
 - Điện thoại.....: Fax:
 - ĐKKD số: Nơi cấp: ngày:
 - Đại diện : Chức vụ:
 - Giấy uỷ quyền số: ngày : của :
- (Dưới đây, Bên nhận cầm cổ được gọi tắt là “NGÂN HÀNG”)

Cùng nhau thỏa thuận và ký Hợp đồng cầm cổ chứng khoán theo các nội dung dưới đây:

Điều 1. Nghĩa vụ được bảo đảm

4. Bên cầm cổ đồng ý cầm cổ chứng khoán thuộc quyền sở hữu của mình để bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ dân sự của Bên vay vốn (là

⁵ Áp dụng trong trường hợp Bên vay vốn và Bên cầm cổ là hai bên độc lập.

⁶ Nếu Bên cầm cổ là một hoặc nhiều cá nhân đồng sở hữu thì cần sửa đổi, bổ sung thêm thông tin cho phù hợp như: Hộ khẩu thường trú, Số CMTND/Hộ chiếu. Trường hợp Bên cầm cổ là hộ gia đình thì ghi thông tin về hộ gia đình đó và bổ sung thêm thông tin về người đại diện.

Ông/bà:....., CMTND số:..... hoặc Công ty....., Giấy CNDKKD số:.....) đối với NGÂN HÀNG, bao gồm nhưng không giới hạn là: Tiền vay (nợ gốc), lãi vay, lãi quá hạn, chi phí xử lý Tài sản, các khoản chi phí khác và tiền bồi thường thiệt hại theo (các) Hợp đồng tín dụng ký với NGÂN HÀNG kể từ ngày các bên ký Hợp đồng này.

5. Nghĩa vụ được bảo đảm đối với các Hợp đồng tín dụng theo thoả thuận tại khoản 1 của Điều này bao gồm cả các nghĩa vụ quy định tại các Phụ lục trong trường hợp Hợp đồng tín dụng được gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hoặc có sự sửa đổi, bổ sung làm thay đổi nghĩa vụ được bảo đảm.
6. Tổng giá trị nghĩa vụ được bảo đảm sẽ giảm theo mức độ giảm giá trị của tài sản cầm cố được xác định lại trong các Biên bản định giá lại hoặc các phụ lục hợp đồng được ký giữa các bên và cũng được sử dụng theo nguyên tắc trên. Tổng mức cho vay trong trường hợp này cũng giảm tương ứng mà không cần có sự đồng ý của Bên cầm cố.

Điều 2. Tài sản cầm cố

Tài sản cầm cố là chứng khoán thuộc quyền sở hữu của Bên cầm cố (dưới đây gọi tắt là “Tài sản”), chi tiết về Tài sản được mô tả đầy đủ theo các văn bản (Hợp đồng, giấy tờ, tài liệu) dưới đây:

3. Chứng khoán thuộc quyền sở hữu của Bên cầm cố gồm:

T	Chứng khoán, Công ty phát hành	Số, ký hiệu	Ngày phát hành	Mệnh giá (đồng)	Ghi chú
4.
5.
6.

4. Toàn bộ lợi tức và lợi ích vật chất phát sinh từ hoặc liên quan đến Tài sản cũng thuộc tài sản cầm cố trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.

Điều 3. Giá trị Tài sản

3. Tổng giá trị Tài sản nêu tại Điều 2 Hợp đồng này do Bên cầm cố và NGÂN HÀNG thoả thuận xác định là đồng theo Biên bản định giá tài sản ngày Mức giá định giá trên chỉ được làm mức giá trị tham chiếu để xác định mức cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng, không sử dụng để áp dụng trong trường hợp xử lý tài sản.
4. Với giá trị tài sản này, NGÂN HÀNG đồng ý cho Bên vay vốn vay tổng số tiền (nợ gốc) cao nhất là đồng.

Điều 4. Bàn giao, quản lý Tài sản

4. Trước hoặc ngay sau khi ký kết Hợp đồng này, Bên cầm cố phải bàn giao đầy đủ Tài sản kèm theo toàn bộ giấy tờ gốc về chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng,

quản lý tài sản cầm cố và các giấy tờ khác có liên quan cho NGÂN HÀNG hoặc Bên thứ ba được NGÂN HÀNG uỷ quyền/thuê gửi giữ.

5. Bên cầm cố và NGÂN HÀNG sẽ ký Biên bản bàn giao Tài sản và giấy tờ tài sản cầm cố theo mẫu của NGÂN HÀNG. Biên bản bàn giao là một phần không thể tách rời của Hợp đồng cầm cố này.
6. NGÂN HÀNG có toàn quyền quản lý, bảo quản Tài sản và các giấy tờ gốc về Tài sản hoặc chuyển giao, uỷ quyền cho Bên thứ ba quản lý, bảo quản Tài sản. Mọi chi phí quản lý, bảo quản và/hoặc gửi giữ phát sinh giữa NGÂN HÀNG với Bên thứ ba do Bên cầm cố chịu trách nhiệm thanh toán, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên cầm cố

3. Bên cầm cố có các quyền sau:

- d) Được nhận lại Tài sản đã giao cho NGÂN HÀNG khi Bên vay vốn hoặc tự mình hoàn thành nghĩa vụ trả nợ nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này.
- e) Được yêu cầu NGÂN HÀNG hoặc Bên thứ ba bồi thường thiệt hại nếu làm mất, hư hỏng Tài sản.
- f) Được bổ sung, thay thế Tài sản bằng một tài sản khác, được bán, trao đổi, tặng, cho, góp vốn liên doanh bằng Tài sản khi được NGÂN HÀNG chấp thuận trước bằng văn bản. Trường hợp bán Tài sản thì NGÂN HÀNG phải được nhận số tiền thu được từ việc bán Tài sản để thanh toán nghĩa vụ trả nợ đã cam kết theo Hợp đồng này.

4. Bên cầm cố có các nghĩa vụ sau:

- f) Bàn giao Tài sản cho NGÂN HÀNG trước hoặc ngay khi ký Hợp đồng này.
- g) Thanh toán mọi chi phí quản lý, bảo quản và/hoặc gửi giữ Tài sản, giấy tờ về Tài sản phát sinh giữa NGÂN HÀNG với Bên thứ ba theo Hợp đồng gửi giữ Tài sản hoặc thoả thuận liên quan, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.
- h) Phải thông báo bằng văn bản cho NGÂN HÀNG về quyền của Bên thứ ba đối với Tài sản (nếu có). Trong trường hợp không thông báo hoặc thông báo không đúng, không đầy đủ thì căn cứ vào mức độ nghiêm trọng của vi phạm NGÂN HÀNG có quyền yêu cầu bổ sung, thay thế tài sản bảo đảm, huỷ hợp đồng cầm cố và yêu cầu bồi thường thiệt hại đồng thời áp dụng các biện pháp khác để ngừng giải ngân và thu hồi nợ trước hạn
- i) Không được sử dụng Tài sản để cầm cố hoặc bảo đảm cho nghĩa vụ khác; không được chuyển nhượng, trao đổi, tặng cho, góp vốn hoặc có bất kỳ hình thức nào chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng Tài sản, trừ trường hợp có sự chấp thuận bằng văn bản của NGÂN HÀNG.
- j) Bên cầm cố có trách nhiệm bổ sung Tài sản, thay thế bằng biện pháp bảo đảm khác hoặc trả bớt nợ vay cho NGÂN HÀNG trong những trường hợp sau:

- Giá trị Tài sản tại thời điểm định giá gần nhất đã giảm xuống dưới 75% so với Giá trị định giá ban đầu;
- Khi Bên phát hành Tài sản cầm cố thực hiện việc giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể hoặc bị phá sản.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của NGÂN HÀNG

3. NGÂN HÀNG có các quyền sau:

- f) Được khai thác công dụng Tài sản và hưởng hoa lợi, lợi tức từ Tài sản, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.
- g) Được yêu cầu Bên cầm cố cung cấp thông tin về thực trạng Tài sản và giám sát, kiểm tra đột xuất hoặc định kỳ Tài sản;
- h) Được quyền yêu cầu bên thứ ba giữ Tài sản giao Tài sản cho mình để xử lý thu hồi nợ trong trường hợp đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà Bên vay vốn, Bên cầm cố không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đủ các nghĩa vụ cam kết.
- i) Được xử lý tài sản, chuyển giao quyền thu hồi nợ hoặc uỷ quyền cho bên thứ ba xử lý Tài sản theo quy định của Hợp đồng này hoặc quy định pháp luật có liên quan để thu hồi nợ.
- j) Các quyền khác theo thoả thuận hoặc quy định của pháp luật.

4. NGÂN HÀNG có các nghĩa vụ sau:

- a) Bảo quản và lưu giữ an toàn Tài sản và bản gốc các giấy tờ chứng minh quyền sử dụng, quyền sở hữu và các giấy tờ khác có liên quan đến Tài sản của Bên cầm cố.
- b) Trả lại bản gốc các giấy tờ về Tài sản khi Bên vay vốn đã hoàn thành nghĩa vụ bảo đảm hoặc Tài sản được thay thế bằng tài sản bảo đảm khác hoặc giao cho người mua Tài sản khi Tài sản được xử lý theo quy định của Hợp đồng này và quy định pháp luật liên quan.
- c) Trả lại bản gốc các giấy tờ về tài sản (nếu có) tương ứng với số nợ Bên vay vốn hoặc Bên cầm cố đã trả, nếu việc giải chấp một phần tài sản không ảnh hưởng đến tính chất, tính năng sử dụng ban đầu và giá trị của tài sản cầm cố còn lại.
- d) Bồi thường thiệt hại nếu làm hư hỏng, mất bản gốc các giấy tờ về Tài sản của Bên cầm cố.

Điều 7. Xử lý Tài sản

5. Các trường hợp xử lý Tài sản:

- j) Khi đến thời hạn trả nợ (kể cả trường hợp phải trả nợ trước hạn) theo Hợp đồng tín dụng mà Bên vay vốn không thực hiện, thực hiện không đúng, không đủ hoặc vi phạm nghĩa vụ trả nợ NGÂN HÀNG;
- k) Khi tài sản cầm cố giảm giá trị theo quy định của Hợp đồng này nhưng Bên vay vốn, Bên cầm cố không khôi phục, bổ sung, thay thế được tài sản

khác theo yêu cầu của NGÂN HÀNG hoặc khôi phục, bổ sung, thay thế không đủ giá trị cầm cố ban đầu;

- l) Các trường hợp pháp luật quy định Tài sản phải được xử lý để Bên cầm cố, Bên vay vốn thực hiện nghĩa vụ khác đã đến hạn.
- m) Bên cầm cố hoặc Bên vay vốn⁷ thực hiện chuyển đổi (cổ phần hoá, chia, tách, sáp nhập, chuyển nhượng hoặc thay đổi loại hình tổ chức hoạt động) mà:
 - Không trả hết nợ gốc và lãi vay được bảo đảm bằng tài sản cho NGÂN HÀNG trong vòng 30 ngày kể từ khi có quyết định chuyển đổi; hoặc
 - Không thông báo bằng văn bản cho NGÂN HÀNG về việc chuyển đổi và đề nghị cho chuyển nghĩa vụ được bảo đảm bằng tài sản cầm cố sang tổ chức mới trong trường hợp không thể trả hết nợ theo quy định trên; hoặc
 - Không có văn bản đồng ý nhận nợ của doanh nghiệp hình thành từ chuyển đổi hoặc văn bản đồng ý nhận nợ trên không được NGÂN HÀNG chấp thuận;
- n) Bên cầm cố hoặc Bên vay vốn bị phá sản, giải thể trước khi đến hạn trả nợ hoặc không còn khả năng thanh toán nợ.
- o) Bên cầm cố hoặc Bên vay vốn bị tuyên bố hạn chế, mất năng lực hành vi và năng lực pháp luật theo quy định của pháp luật, bị chết hoặc bị tuyên bố chết, bị mất tích hoặc bị tuyên bố mất tích, bị khởi tố, ly hôn hoặc liên quan đến các vụ kiện làm ảnh hưởng đến Tài sản.
- p) Các trường hợp mà NGÂN HÀNG đơn phương xét thấy cần thiết phải xử lý Tài sản để thu hồi nợ vay trước hạn.
- q) Các trường hợp khác do các bên thoả thuận hoặc theo quy định pháp luật.
- r) Trong các trường hợp trên, mọi khoản nợ của Bên vay vốn tại NGÂN HÀNG chưa đến hạn cũng được coi là đến hạn và Tài sản đã cầm cố sẽ được xử lý để thu nợ.

6. Các phương thức xử lý Tài sản:

Trong trường hợp phải xử lý Tài sản để thu hồi nợ theo một trong các trường hợp nêu tại Khoản 1 Điều này thì Bên cầm cố bằng Hợp đồng này uỷ quyền không huỷ ngang, uỷ quyền vô điều kiện và không hạn chế thời gian cho NGÂN HÀNG đại diện Bên cầm cố để:

- a) Lựa chọn phương thức bán Tài sản là đưa ra bán trực tiếp hoặc uỷ quyền cho cá nhân, cơ quan, tổ chức bán trực tiếp.
- b) Bán Tài sản với giá thấp nhất do NGÂN HÀNG xác định căn cứ vào Biên bản định giá, định giá lại Tài sản của NGÂN HÀNG tại thời điểm gần nhất

⁷ Trường hợp Bên cầm cố, Bên vay vốn là cá nhân, vợ chồng hoặc hộ gia đình thì bỏ các quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 1 Điều 7 Hợp đồng này.

- hoặc giá thị trường liên quan (thị trường chứng khoán, thị trường liên ngân hàng,...) tại thời điểm bán Tài sản.
- c) Thay mặt Bên cầm cố lập, ký tên trên các văn bản, giấy tờ, tài liệu, hợp đồng liên quan tới Tài sản và việc bán Tài sản với các cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan.
 - d) NGÂN HÀNG trực tiếp nhận các khoản tiền, tài sản từ bên thứ ba trong trường hợp bên thứ ba đồng ý trả thay cho Bên cầm cố.
 - e) NGÂN HÀNG nhận chính Tài sản để thay thế cho việc thanh toán một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ được bảo đảm. Giá nhận Tài sản do hai bên thoả thuận trên cơ sở tham khảo giá thị trường và quy định có liên quan của NGÂN HÀNG về xử lý tài sản bảo đảm.
 - f) Trường hợp Tài sản bao gồm nhiều vật, nhiều phần hoặc có thể tách riêng, NGÂN HÀNG được chọn tài sản cụ thể để xử lý, đảm bảo thu hồi đủ số nợ, bao gồm nhưng không giới hạn là nợ gốc, nợ lãi (trong hạn, quá hạn), các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan (nếu có).
 - g) Trong thời gian chờ bán Tài sản, NGÂN HÀNG được quyền khai thác, sử dụng và thu hoa lợi, lợi tức từ Tài sản để thu hồi nợ.
7. Số tiền thu được từ việc xử lý Tài sản, sẽ được NGÂN HÀNG tự động trích để thanh toán các khoản nợ mà Bên vay vốn phải trả cho NGÂN HÀNG bao gồm nhưng không giới hạn theo thứ tự ưu tiên như sau:
- f) Chi phí bảo quản, bán tài sản và các chi phí phát sinh khác có liên quan;
 - g) Nợ lãi quá hạn;
 - h) Nợ lãi trong hạn;
 - i) Nợ gốc;
 - j) Số tiền còn dư sẽ trả lại cho Bên cầm cố, nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản không đủ để trả nợ thì Bên cầm cố, Bên vay vốn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho NGÂN HÀNG.
8. Bên cầm cố tự nguyện từ bỏ mọi quyền khiếu nại, khiếu kiện NGÂN HÀNG đối với việc NGÂN HÀNG thực hiện xử lý Tài sản theo các nội dung quy định tại Điều này. NGÂN HÀNG có toàn quyền thực hiện xử lý Tài sản như nêu trên mà không cần kiện ra Toà án hay cơ quan có thẩm quyền khác. Mọi vấn đề khác có liên quan đến việc xử lý tài sản cầm cố được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp

3. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này, trước hết sẽ được các bên trực tiếp thương lượng để giải quyết trên tinh thần thiện chí, tôn trọng các quyền và lợi ích hợp pháp của nhau. Trường hợp thương lượng không thành thì các bên có quyền yêu cầu Toà án nhân dân có thẩm quyền nơi có trụ sở của NGÂN HÀNG hoặc Toà án nhân dân nơi có Tài sản để giải quyết. Quyết định của Toà án có hiệu lực bắt buộc đối với các bên theo quy định của pháp luật.

4. Hợp đồng này được xác lập, điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

Điều 9. Cam kết của các bên

3. Bên cầm cố cam kết những thông tin về nhân thân và Tài sản đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật và tại thời điểm ký Hợp đồng này, Tài sản nói trên:

- f) Được phép cầm cố theo quy định của Pháp luật;
- g) Hoàn toàn thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Bên cầm cố và không có bất kỳ sự tranh chấp nào;
- h) Chưa được chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng dưới mọi hình thức hoặc dùng để bảo đảm cho bất kỳ nghĩa vụ dân sự nào;
- i) Không bị kê biên để bảo đảm thi hành án hoặc có bất kỳ quyết định nào của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hạn chế quyền sở hữu, quyền sử dụng ngoài những hạn chế đã được nêu tại Hợp đồng này;
- j) Không có giấy tờ nào khác ngoài giấy tờ nêu tại Điều 2 của Hợp đồng này.

4. Các bên cam kết:

- c) Việc giao kết Hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối và cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận trong Hợp đồng này;
- d) Đã tự đọc hoặc được nghe đọc đúng, hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này.

Điều 10. Hiệu lực của Hợp đồng

7. Trường hợp (các) Hợp đồng tín dụng đã ký giữa Bên vay vốn với NGÂN HÀNG được chuyển giao từ đơn vị kinh doanh (Bên nhận cầm cố) cho bất kỳ đơn vị kinh doanh nào khác trong hệ thống NGÂN HÀNG hoặc đơn vị kinh doanh có sự thay đổi về tên gọi, mô hình tổ chức, hoạt động thì các bên không phải ký lại Hợp đồng cầm cố, chỉ cần lập văn bản ghi nhận về việc thay đổi Bên nhận cầm cố và phải đăng ký lại giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật (nếu có).

8. Trường hợp Bên cầm cố tổ chức lại pháp nhân (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi) khi Hợp đồng này vẫn còn thời hạn thực hiện thì các bên không phải ký kết lại Hợp đồng, chỉ cần lập văn bản ghi nhận về việc thay đổi Bên cầm cố và phải đăng ký lại giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật (nếu có)⁸

9. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ khi tất cả các bên ký vào Hợp đồng và được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật (nếu có). Các Hợp đồng, phụ lục hợp đồng hoặc văn bản, tài liệu, giấy tờ được các bên thống nhất sửa đổi, bổ sung, thay thế một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng này hoặc liên quan đến Hợp đồng này là bộ phận kèm theo và có giá trị pháp lý theo Hợp đồng.

⁸ Trường hợp Bên cầm cố là cá nhân, vợ chồng hoặc hộ gia đình thì bỏ nội dung này.

10. Các Hợp đồng tín dụng được bảo đảm bằng Tài sản theo Hợp đồng cầm cố này nếu vô hiệu không làm Hợp đồng này vô hiệu. Trong trường hợp do có sự thay đổi về luật pháp, quy định hiện hành làm cho việc cầm cố tài sản đối với một hoặc một số tài sản nêu tại Điều 2 Hợp đồng này hoặc bất kỳ điều khoản nào trong Hợp đồng này vô hiệu, thì Hợp đồng này vẫn có hiệu lực với những tài sản, điều khoản còn lại.
11. Trường hợp Bản án, quyết định của tổ chức, cơ quan có Nhà nước có thẩm quyền khẳng định Hợp đồng này bị vô hiệu về hình thức, thủ tục thực hiện thì các nội dung đã được thoả thuận thống nhất theo Hợp đồng này vẫn có hiệu lực giữa các bên.
12. Hợp đồng này chỉ chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
- e) Bên cầm cố hoặc Bên vay vốn đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ trả nợ được bảo đảm của Hợp đồng cầm cố này;
 - f) Các bên thoả thuận nghĩa vụ được bảo đảm theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng biện pháp khác;
 - g) Tài sản cầm cố được xử lý để thu hồi nợ theo quy định của Hợp đồng này hoặc theo quy định pháp luật.
 - h) Các trường hợp khác do các bên thoả thuận hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Điều khoản thi hành

3. Những vấn đề chưa được thoả thuận trong Hợp đồng này sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp luật.
4. Hợp đồng này được lập thành 05 bản chính, có giá trị pháp lý như nhau: NGÂN HÀNG giữ 02 bản, Bên cầm cố giữ 01 bản, Bên vay vốn giữ 01 bản, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan giữ 01 bản (nếu có).

BÊN CẦM CỐ

(Ký, ghi rõ họ tên, gồm cả
đồng sở hữu, nếu có)

**BÊN NHẬN CẦM
CỐ**

(Ký tên, đóng dấu)

HỢP ĐỒNG CẦM CỔ CHỨNG KHOÁN⁹

Số:/...../BD

Hôm nay, ngày tháng năm 200....., tại Ngân hàng
..... chúng tôi gồm:

1. **Bên cầm cổ¹⁰:**.....
 - Địa chỉ :
 - Điện thoại.....: Fax:
 - ĐKKD số: Nơi cấp: ngày:
 - Người đại diện:..... Chức vụ:
 - CMND số: Nơi cấp: ngày:
 - Số tài khoản tiền gửi đồng VN: Tại Ngân hàng... ..
 - Số tài khoản tiền gửi ngoại tệ:..... Tại Ngân hàng... ..
 - Giấy uỷ quyền số: ngày : của :
2. **Bên nhận cầm cổ:** Ngân hàng.....
 - Địa chỉ :
 - Điện thoại.....: Fax:
 - ĐKKD số: Nơi cấp: ngày:
 - Đại diện : Chức vụ:
 - Giấy uỷ quyền số: ngày : của :
 - (Dưới đây, Bên nhận cầm cổ được gọi tắt là “NGÂN HÀNG”)
3. **Bên vay vốn:**
- Địa chỉ :
- Điện thoại.....: Fax:
- ĐKKD số: Nơi cấp: ngày:

⁹ Áp dụng đối với trường hợp cả 03 bên: Bên vay vốn, Bên cầm cổ và NGÂN HÀNG cùng ký Hợp đồng.

¹⁰ Nếu Bên cầm cổ là một hoặc nhiều cá nhân đồng sở hữu thì cần sửa đổi, bổ sung thêm thông tin cho phù hợp như : Hộ khẩu thường trú, Số CMTND/Hộ chiếu. Trường hợp Bên cầm cổ là hộ gia đình thì ghi thông tin về hộ gia đình đó và bổ sung thêm thông tin về người đại diện.

- Đại diện : Chức vụ:
- CMND số: Nơi cấp: ngày:
- Giấy uỷ quyền số: ngày : của :

Cùng nhau thỏa thuận và ký Hợp đồng cầm cố chứng khoán theo các nội dung dưới đây:

Điều 12. Nghĩa vụ được bảo đảm

7. Bên cầm cố đồng ý cầm cố chứng khoán thuộc quyền sở hữu của mình để bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ dân sự của Bên vay vốn đối với NGÂN HÀNG, bao gồm nhưng không giới hạn là: Tiền vay (nợ gốc), lãi vay, lãi quá hạn, chi phí xử lý Tài sản, các khoản chi phí khác và tiền bồi thường thiệt hại theo (các) Hợp đồng tín dụng ký với NGÂN HÀNG kể từ ngày các bên ký Hợp đồng này.
8. Nghĩa vụ được bảo đảm đối với các Hợp đồng tín dụng theo thỏa thuận tại khoản 1 của Điều này bao gồm cả các nghĩa vụ quy định tại các Phụ lục trong trường hợp Hợp đồng tín dụng được gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hoặc có sự sửa đổi, bổ sung làm thay đổi nghĩa vụ được bảo đảm.
9. Tổng giá trị nghĩa vụ được bảo đảm sẽ giảm theo mức độ giảm giá trị của tài sản cầm cố được xác định lại trong các Biên bản định giá lại hoặc các phụ lục hợp đồng được ký giữa các bên và cũng được sử dụng theo nguyên tắc trên. Tổng mức cho vay trong trường hợp này cũng giảm tương ứng mà không cần có sự đồng ý của Bên cầm cố.

Điều 13. Tài sản cầm cố

Tài sản cầm cố là chứng khoán thuộc quyền sở hữu của Bên cầm cố (dưới đây gọi tắt là “Tài sản”), chi tiết về Tài sản được mô tả đầy đủ theo các văn bản (Hợp đồng, giấy tờ, tài liệu) dưới đây:

5. Chứng khoán thuộc quyền sở hữu của Bên cầm cố gồm:

T T	Chứng khoán, Công ty phát hành	Số, ký hiệu	Ngày phát hành	Mệnh giá (đồng)	Ghi chú
7.
8.
9.

6. Toàn bộ lợi tức và lợi ích vật chất phát sinh từ hoặc liên quan đến Tài sản cũng thuộc tài sản cầm cố trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác bằng văn bản.

Điều 14. Giá trị Tài sản

5. Tổng giá trị Tài sản nêu tại Điều 2 Hợp đồng này do Bên cầm cố và NGÂN HÀNG thoả thuận xác định là đồng theo Biên bản định giá tài sản ngày Mức giá định giá trên chỉ được làm mức giá trị tham chiếu để xác định mức cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng, không sử dụng để áp dụng trong trường hợp xử lý tài sản.
6. Với giá trị tài sản này, NGÂN HÀNG đồng ý cho Bên vay vốn vay tổng số tiền (nợ gốc) cao nhất là đồng.

Điều 15. Bàn giao, quản lý Tài sản

7. Trước hoặc ngay sau khi ký kết Hợp đồng này, Bên cầm cố phải bàn giao đầy đủ Tài sản kèm theo toàn bộ giấy tờ gốc về chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng, quản lý tài sản cầm cố và các giấy tờ khác có liên quan cho NGÂN HÀNG hoặc Bên thứ ba được NGÂN HÀNG uỷ quyền/thuê gửi giữ.
8. Bên cầm cố và NGÂN HÀNG sẽ ký Biên bản bàn giao Tài sản và giấy tờ tài sản cầm cố theo mẫu của NGÂN HÀNG. Biên bản bàn giao là một phần không thể tách rời của Hợp đồng cầm cố này.
9. NGÂN HÀNG có toàn quyền quản lý, bảo quản Tài sản và các giấy tờ gốc về Tài sản hoặc chuyển giao, uỷ quyền cho Bên thứ ba quản lý, bảo quản Tài sản. Mọi chi phí quản lý, bảo quản và/hoặc gửi giữ phát sinh giữa NGÂN HÀNG với Bên thứ ba do Bên cầm cố chịu trách nhiệm thanh toán, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Bên cầm cố

5. Bên cầm cố có các quyền sau:
 - g) Được nhận lại Tài sản đã giao cho NGÂN HÀNG khi Bên vay vốn hoặc tự mình hoàn thành nghĩa vụ trả nợ nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này.
 - h) Được yêu cầu NGÂN HÀNG hoặc Bên thứ ba bồi thường thiệt hại nếu làm mất, hư hỏng Tài sản.
 - i) Được bổ sung, thay thế Tài sản bằng một tài sản khác, được bán, trao đổi, tặng, cho, góp vốn liên doanh bằng Tài sản khi được NGÂN HÀNG chấp thuận trước bằng văn bản. Trường hợp bán Tài sản thì NGÂN HÀNG phải được nhận số tiền thu được từ việc bán Tài sản để thanh toán nghĩa vụ trả nợ đã cam kết theo Hợp đồng này.
6. Bên cầm cố có các nghĩa vụ sau:
 - k) Bàn giao Tài sản cho NGÂN HÀNG trước hoặc ngay khi ký Hợp đồng này.
 - l) Thanh toán mọi chi phí quản lý, bảo quản và/hoặc gửi giữ Tài sản, giấy tờ về Tài sản phát sinh giữa NGÂN HÀNG với Bên thứ ba theo Hợp đồng gửi giữ Tài sản hoặc thoả thuận liên quan, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.
 - m) Phải thông báo bằng văn bản cho NGÂN HÀNG về quyền của Bên thứ ba đối với Tài sản (nếu có). Trong trường hợp không thông báo hoặc thông báo không đúng, không đầy đủ thì căn cứ vào mức độ nghiêm trọng của vi

phạm NGÂN HÀNG có quyền yêu cầu bổ sung, thay thế tài sản bảo đảm, huỷ hợp đồng cầm cố và yêu cầu bồi thường thiệt hại đồng thời áp dụng các biện pháp khác để ngừng giải ngân và thu hồi nợ trước hạn.

- n) Không được sử dụng Tài sản để cầm cố hoặc bảo đảm cho nghĩa vụ khác; không được chuyển nhượng, trao đổi, tặng cho, góp vốn hoặc có bất kỳ hình thức nào chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng Tài sản, trừ trường hợp có sự chấp thuận bằng văn bản của NGÂN HÀNG.
- o) Bên cầm cố có trách nhiệm bổ sung Tài sản, thay thế bằng biện pháp bảo đảm khác hoặc trả bớt nợ vay cho NGÂN HÀNG trong những trường hợp sau:
 - Giá trị Tài sản tại thời điểm định giá gần nhất đã giảm xuống dưới 75% so với Giá trị định giá ban đầu;
 - Khi Bên phát hành Tài sản cầm cố thực hiện việc giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể hoặc bị phá sản.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của NGÂN HÀNG

5. NGÂN HÀNG có các quyền sau:

- k) Được khai thác công dụng Tài sản và hưởng hoa lợi, lợi tức từ Tài sản, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.
- l) Được yêu cầu Bên cầm cố cung cấp thông tin về thực trạng Tài sản và giám sát, kiểm tra đột xuất hoặc định kỳ Tài sản;
- m) Được quyền yêu cầu bên thứ ba giữ Tài sản giao Tài sản cho mình để xử lý thu hồi nợ trong trường hợp đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà Bên vay vốn, Bên cầm cố không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đủ các nghĩa vụ cam kết.
- n) Được xử lý tài sản, chuyển giao quyền thu hồi nợ hoặc uỷ quyền cho bên thứ ba xử lý Tài sản theo quy định của Hợp đồng này hoặc quy định pháp luật có liên quan để thu hồi nợ.
- o) Các quyền khác theo thoả thuận hoặc quy định của pháp luật.

6. NGÂN HÀNG có các nghĩa vụ sau:

- a) Bảo quản và lưu giữ an toàn Tài sản và bản gốc các giấy tờ chứng minh quyền sử dụng, quyền sở hữu và các giấy tờ khác có liên quan đến Tài sản của Bên cầm cố.
- b) Trả lại bản gốc các giấy tờ về Tài sản khi Bên vay vốn đã hoàn thành nghĩa vụ bảo đảm hoặc Tài sản được thay thế bằng tài sản bảo đảm khác hoặc giao cho người mua Tài sản khi Tài sản được xử lý theo quy định của Hợp đồng này và quy định pháp luật liên quan.
- c) Trả lại bản gốc các giấy tờ về tài sản (nếu có) tương ứng với số nợ Bên vay vốn hoặc Bên cầm cố đã trả, nếu việc giải chấp một phần tài sản không ảnh hưởng đến tính chất, tính năng sử dụng ban đầu và giá trị của tài sản cầm cố còn lại.

- d) Bồi thường thiệt hại nếu làm hư hỏng, mất bản gốc các giấy tờ về Tài sản của Bên cầm cố.

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của Bên vay vốn

9. Được vay vốn theo các điều kiện tại Hợp đồng tín dụng ký với NGÂN HÀNG và Hợp đồng này;
10. Cùng Bên cầm cố thực hiện công chứng, chứng thực Hợp đồng cầm cố, đăng ký, xoá đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật hoặc theo yêu cầu của NGÂN HÀNG, chịu trách nhiệm thanh toán các chi phí liên quan đến việc đăng ký cầm cố theo quy định của Pháp luật, kể cả trường hợp gia hạn, sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cầm cố này.
11. Thực hiện quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại Hợp đồng này, Hợp đồng tín dụng đã ký với NGÂN HÀNG và của Pháp luật.

Điều 19. Xử lý Tài sản

12. Các trường hợp xử lý Tài sản:

- s) Khi đến thời hạn trả nợ (kể cả trường hợp phải trả nợ trước hạn) theo Hợp đồng tín dụng mà Bên vay vốn không thực hiện, thực hiện không đúng, không đủ hoặc vi phạm nghĩa vụ trả nợ NGÂN HÀNG;
- t) Khi tài sản cầm cố giảm giá trị theo quy định của Hợp đồng này nhưng Bên vay vốn, Bên cầm cố không khôi phục, bổ sung, thay thế được tài sản khác theo yêu cầu của NGÂN HÀNG hoặc khôi phục, bổ sung, thay thế không đủ giá trị cầm cố ban đầu;
- u) Các trường hợp pháp luật quy định Tài sản phải được xử lý để Bên cầm cố, Bên vay vốn thực hiện nghĩa vụ khác đã đến hạn.
- v) Bên cầm cố hoặc Bên vay vốn¹¹ thực hiện chuyển đổi (cổ phần hoá, chia, tách, sáp nhập, chuyển nhượng hoặc thay đổi loại hình tổ chức hoạt động) mà:
- Không trả hết nợ gốc và lãi vay được bảo đảm bằng tài sản cho NGÂN HÀNG trong vòng 30 ngày kể từ khi có quyết định chuyển đổi; hoặc
 - Không thông báo bằng văn bản cho NGÂN HÀNG về việc chuyển đổi và đề nghị cho chuyển nghĩa vụ được bảo đảm bằng tài sản cầm cố sang tổ chức mới trong trường hợp không thể trả hết nợ theo quy định trên; hoặc
 - Không có văn bản đồng ý nhận nợ của doanh nghiệp hình thành từ chuyển đổi hoặc văn bản đồng ý nhận nợ trên không được NGÂN HÀNG chấp thuận;
- w) Bên cầm cố hoặc Bên vay vốn bị phá sản, giải thể trước khi đến hạn trả nợ hoặc không còn khả năng thanh toán nợ.

¹¹ Trường hợp Bên cầm cố, Bên vay vốn đều là cá nhân, vợ chồng hoặc hộ gia đình thì bỏ các quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 1 Điều 8 Hợp đồng này.

- x) Bên cầm cố hoặc Bên vay vốn bị tuyên bố hạn chế, mất năng lực hành vi và năng lực pháp luật theo quy định của pháp luật, bị chết hoặc bị tuyên bố chết, bị mất tích hoặc bị tuyên bố mất tích, bị khởi tố, ly hôn hoặc liên quan đến các vụ kiện làm ảnh hưởng đến Tài sản.
- y) Các trường hợp mà NGÂN HÀNG đơn phương xét thấy cần thiết phải xử lý Tài sản để thu hồi nợ vay trước hạn.
- z) Các trường hợp khác do các bên thoả thuận hoặc theo quy định pháp luật.
- aa) Trong các trường hợp trên, mọi khoản nợ của Bên vay vốn tại NGÂN HÀNG chưa đến hạn cũng được coi là đến hạn và Tài sản đã cầm cố sẽ được xử lý để thu nợ.

13. Các phương thức xử lý Tài sản:

Trong trường hợp phải xử lý Tài sản để thu hồi nợ theo một trong các trường hợp nêu tại Khoản 1 Điều này thì Bên cầm cố bằng Hợp đồng này uỷ quyền không huỷ ngang, uỷ quyền vô điều kiện và không hạn chế thời gian cho NGÂN HÀNG đại diện Bên cầm cố để:

- h) Lựa chọn phương thức bán Tài sản là đưa ra bán trực tiếp hoặc uỷ quyền cho cá nhân, cơ quan, tổ chức bán trực tiếp.
- i) Bán Tài sản với giá thấp nhất do NGÂN HÀNG xác định căn cứ vào Biên bản định giá, định giá lại Tài sản của NGÂN HÀNG tại thời điểm gần nhất hoặc giá thị trường liên quan (thị trường chứng khoán, thị trường liên ngân hàng,...) tại thời điểm bán Tài sản.
- j) Thay mặt Bên cầm cố lập, ký tên trên các văn bản, giấy tờ, tài liệu, hợp đồng liên quan tới Tài sản và việc bán Tài sản với các cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan.
- k) NGÂN HÀNG trực tiếp nhận các khoản tiền, tài sản từ bên thứ ba trong trường hợp bên thứ ba đồng ý trả thay cho Bên cầm cố.
- l) NGÂN HÀNG nhận chính Tài sản để thay thế cho việc thanh toán một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ được bảo đảm. Giá nhận Tài sản do hai bên thoả thuận trên cơ sở tham khảo giá thị trường và quy định có liên quan của NGÂN HÀNG về xử lý tài sản bảo đảm.
- m) Trường hợp Tài sản bao gồm nhiều vật, nhiều phần hoặc có thể tách riêng, NGÂN HÀNG được chọn tài sản cụ thể để xử lý, đảm bảo thu hồi đủ số nợ, bao gồm nhưng không giới hạn là nợ gốc, nợ lãi (trong hạn, quá hạn), các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan (nếu có).
- n) Trong thời gian chờ bán Tài sản, NGÂN HÀNG được quyền khai thác, sử dụng và thu hoa lợi, lợi tức từ Tài sản để thu hồi nợ.

14. Số tiền thu được từ việc xử lý Tài sản, sẽ được NGÂN HÀNG tự động trích để thanh toán các khoản nợ mà Bên vay vốn phải trả cho NGÂN HÀNG bao gồm nhưng không giới hạn theo thứ tự ưu tiên như sau:

- k) Chi phí bảo quản, bán tài sản và các chi phí phát sinh khác có liên quan;
- l) Nợ lãi quá hạn;

- m) Nợ lãi trong hạn;
- n) Nợ gốc;
- o) Số tiền còn dư sẽ trả lại cho Bên cầm cố, nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản không đủ để trả nợ thì Bên cầm cố, Bên vay vốn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho NGÂN HÀNG.

15. Bên cầm cố tự nguyện từ bỏ mọi quyền khiếu nại, khiếu kiện NGÂN HÀNG đối với việc NGÂN HÀNG thực hiện xử lý Tài sản theo các nội dung quy định tại Điều này. NGÂN HÀNG có toàn quyền thực hiện xử lý Tài sản như nêu trên mà không cần kiện ra Tòa án hay cơ quan có thẩm quyền khác. Mọi vấn đề khác có liên quan đến việc xử lý tài sản cầm cố được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp

- 5. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này, trước hết sẽ được các bên trực tiếp thương lượng để giải quyết trên tinh thần thiện chí, tôn trọng các quyền và lợi ích hợp pháp của nhau. Trường hợp thương lượng không thành thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án nhân dân có thẩm quyền nơi có trụ sở của NGÂN HÀNG hoặc Tòa án nhân dân nơi có Tài sản để giải quyết. Quyết định của Tòa án có hiệu lực bắt buộc đối với các bên theo quy định của pháp luật.
- 6. Hợp đồng này được xác lập, điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

Điều 21. Cam kết của các bên

- 5. Bên cầm cố cam kết những thông tin về nhân thân và Tài sản đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật và tại thời điểm ký Hợp đồng này, Tài sản nói trên:
 - k) Được phép cầm cố theo quy định của Pháp luật;
 - l) Hoàn toàn thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Bên cầm cố và không có bất kỳ sự tranh chấp nào;
 - m) Chưa được chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng dưới mọi hình thức hoặc dùng để bảo đảm cho bất kỳ nghĩa vụ dân sự nào;
 - n) Không bị kê biên để bảo đảm thi hành án hoặc có bất kỳ quyết định nào của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hạn chế quyền sở hữu, quyền sử dụng ngoài những hạn chế đã được nêu tại Hợp đồng này;
 - o) Không có giấy tờ nào khác ngoài giấy tờ nêu tại Điều 2 của Hợp đồng này.
- 6. Các bên cam kết:
 - e) Việc giao kết Hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối và cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận trong Hợp đồng này;
 - f) Đã tự đọc hoặc được nghe đọc đúng, hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này.

Điều 22. Hiệu lực của Hợp đồng

13. Trường hợp (các) Hợp đồng tín dụng đã ký giữa Bên vay vốn với NGÂN HÀNG được chuyển giao từ đơn vị kinh doanh (Bên nhận cầm cố) cho bất kỳ đơn vị kinh doanh nào khác trong hệ thống NGÂN HÀNG hoặc đơn vị kinh doanh có sự thay đổi về tên gọi, mô hình tổ chức, hoạt động thì các bên không phải ký lại Hợp đồng cầm cố, chỉ cần lập văn bản ghi nhận về việc thay đổi Bên nhận cầm cố và phải đăng ký lại giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật (nếu có).
14. Trường hợp Bên cầm cố tổ chức lại pháp nhân (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi) khi Hợp đồng này vẫn còn thời hạn thực hiện thì các bên không phải ký kết lại Hợp đồng, chỉ cần lập văn bản ghi nhận về việc thay đổi Bên cầm cố và phải đăng ký lại giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật (nếu có).¹²
15. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ khi tất cả các bên ký vào Hợp đồng và được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật (nếu có). Các Hợp đồng, phụ lục hợp đồng hoặc văn bản, tài liệu, giấy tờ được các bên thống nhất sửa đổi, bổ sung, thay thế một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng này hoặc liên quan đến Hợp đồng này là bộ phận kèm theo và có giá trị pháp lý theo Hợp đồng.
16. Các Hợp đồng được bảo đảm bằng Tài sản theo Hợp đồng cầm cố này nếu vô hiệu không làm Hợp đồng này vô hiệu. Trong trường hợp do có sự thay đổi về luật pháp, quy định hiện hành làm cho việc cầm cố tài sản đối với một hoặc một số tài sản nêu tại Điều 2 Hợp đồng này hoặc bất kỳ điều khoản nào trong Hợp đồng này vô hiệu, thì Hợp đồng này vẫn có hiệu lực với những tài sản, điều khoản còn lại.
17. Trường hợp Bản án, quyết định của tổ chức, cơ quan có Nhà nước có thẩm quyền khẳng định Hợp đồng này bị vô hiệu về hình thức, thủ tục thực hiện thì các nội dung đã được thoả thuận thống nhất theo Hợp đồng này vẫn có hiệu lực giữa các bên.
18. Hợp đồng này chỉ chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
- i) Bên cầm cố hoặc Bên vay vốn đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ trả nợ được bảo đảm của Hợp đồng cầm cố này;
 - j) Các bên thoả thuận nghĩa vụ được bảo đảm theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng biện pháp khác;
 - k) Tài sản cầm cố được xử lý để thu hồi nợ theo quy định của Hợp đồng này hoặc theo quy định pháp luật.
 - l) Các trường hợp khác do các bên thoả thuận hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Điều khoản thi hành

5. Những vấn đề chưa được thoả thuận trong Hợp đồng này sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp luật.

¹² Trường hợp Bên cầm cố là cá nhân, vợ chồng hoặc hộ gia đình thì bỏ nội dung này.

6. Hợp đồng này được lập thành 05 bản chính, có giá trị pháp lý như nhau: NGÂN HÀNG giữ 02 bản, Bên cầm cố giữ 01 bản, Bên vay vốn giữ 01 bản, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan giữ 01 bản (nếu có).

BÊN CẦM CỐ

(Ký, ghi rõ họ tên, gồm cả
đồng sở hữu, nếu có)

BÊN VAY VỐN

(Ký, ghi rõ họ tên)

BÊN NHẬN CẦM
CỐ

(Ký tên, đóng dấu)

HỢP ĐỒNG CẦM CỐ CỔ PHIẾU¹³

Số:/...../BD

Hôm nay, ngày tháng năm 200....., tại
chúng tôi gồm:

5. **Bên cầm cố¹⁴:**.....

- Địa chỉ :
- Điện thoại.....: Fax:
- ĐKKD số: Nơi cấp: ngày:
- Người đại diện:..... Chức vụ:
- CMND số: Nơi cấp: ngày:
- Số tài khoản tiền gửi đồng VN: Tại Ngân hàng... ..
- Số tài khoản tiền gửi ngoại tệ:..... Tại Ngân hàng... ..
- Giấy uỷ quyền số: ngày : của :

6. **Bên nhận cầm cố: Ngân hàng**

- Địa chỉ :
 - Điện thoại.....: Fax:
 - ĐKKD số: Nơi cấp: ngày:
 - Đại diện : Chức vụ:
 - Giấy uỷ quyền số: ngày : của :
- (Dưới đây, Bên nhận cầm cố được gọi tắt là “NGÂN HÀNG”)

Cùng nhau thỏa thuận và ký Hợp đồng cầm cố cổ phiếu theo các nội dung dưới đây:

Điều 1. Nghĩa vụ được bảo đảm

10. Bên cầm cố đồng ý cầm cố cổ phiếu thuộc quyền sở hữu của mình để bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ dân sự của mình đối với NGÂN HÀNG, bao gồm nhưng không giới hạn là: Tiền vay (nợ gốc), lãi vay, lãi quá hạn, chi phí xử lý

¹³ Áp dụng trong trường hợp Bên cầm cố đồng thời là Bên vay vốn.

¹⁴ Nếu Bên cầm cố là một hoặc nhiều cá nhân đồng sở hữu thì cần sửa đổi, bổ sung thêm thông tin cho phù hợp như : Hộ khẩu thường trú, Số CMTND/Hộ chiếu. Trường hợp Bên cầm cố là hộ gia đình thì ghi thông tin về hộ gia đình đó và bổ sung thêm thông tin về người đại diện.

Tài sản, các khoản chi phí khác và tiền bồi thường thiệt hại theo (các) Hợp đồng tín dụng ký với NGÂN HÀNG kể từ ngày các bên ký Hợp đồng này.

11. Nghĩa vụ được bảo đảm đối với các Hợp đồng tín dụng theo thoả thuận tại khoản 1 của Điều này bao gồm cả các nghĩa vụ quy định tại các Phụ lục trong trường hợp Hợp đồng tín dụng được gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hoặc có sự sửa đổi, bổ sung làm thay đổi nghĩa vụ được bảo đảm.
12. Tổng giá trị nghĩa vụ được bảo đảm sẽ giảm theo mức độ giảm giá trị của tài sản cầm cố được xác định lại trong các Biên bản định giá lại hoặc các phụ lục hợp đồng được ký giữa các bên và cũng được sử dụng theo nguyên tắc trên. Tổng mức cho vay trong trường hợp này cũng giảm tương ứng mà không cần có sự đồng ý của Bên cầm cố.

Điều 2. Tài sản cầm cố

Tài sản cầm cố là cổ phiếu thuộc quyền sở hữu của Bên cầm cố (dưới đây gọi tắt là “Tài sản”), chi tiết về Tài sản được mô tả đầy đủ theo các văn bản (Hợp đồng, giấy tờ, tài liệu) dưới đây:

7. Cổ phiếu thuộc quyền sở hữu của Bên cầm cố gồm:

T	Cổ phiếu, nơi phát hành	Số, ký hiệu	Ngày phát hành	Mệnh giá (đồng)	Ghi chú
10
11
12

8. Toàn bộ lợi tức và lợi ích vật chất phát sinh từ hoặc liên quan đến Tài sản cũng thuộc tài sản cầm cố trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.

Điều 3. Giá trị Tài sản

7. Tổng giá trị Tài sản nêu tại Điều 2 Hợp đồng này do Bên cầm cố và NGÂN HÀNG thoả thuận xác định là đồng theo Biên bản định giá tài sản ngày Mức giá định giá trên chỉ được làm mức giá trị tham chiếu để xác định mức cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng, không sử dụng để áp dụng trong trường hợp xử lý tài sản.
8. Với giá trị tài sản này, NGÂN HÀNG đồng ý cho Bên cầm cố vay tổng số tiền (nợ gốc) cao nhất là đồng.

Điều 4. Bàn giao, quản lý Tài sản

10. Trước hoặc ngay sau khi ký kết Hợp đồng này, Bên cầm cố phải bàn giao đầy đủ Tài sản kèm theo toàn bộ giấy tờ gốc về chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng, quản lý tài sản cầm cố và các giấy tờ khác có liên quan cho NGÂN HÀNG hoặc Bên thứ ba được NGÂN HÀNG uỷ quyền/thuê gửi giữ.

11. Bên cầm cố và NGÂN HÀNG sẽ ký Biên bản bàn giao Tài sản và giấy tờ tài sản cầm cố theo mẫu của NGÂN HÀNG. Biên bản bàn giao là một phần không thể tách rời của Hợp đồng cầm cố này.
12. NGÂN HÀNG có toàn quyền quản lý, bảo quản Tài sản và các giấy tờ gốc về Tài sản hoặc chuyển giao, uỷ quyền cho Bên thứ ba quản lý, bảo quản Tài sản. Mọi chi phí quản lý, bảo quản và/hoặc gửi giữ phát sinh giữa NGÂN HÀNG với Bên thứ ba do Bên cầm cố chịu trách nhiệm thanh toán, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên cầm cố

7. Bên cầm cố có các quyền sau:

- j) Được nhận lại Tài sản đã giao cho NGÂN HÀNG khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này.
- k) Được yêu cầu NGÂN HÀNG hoặc Bên thứ ba bồi thường thiệt hại nếu làm mất, hư hỏng Tài sản.
- l) Được bổ sung, thay thế Tài sản bằng một tài sản khác, được bán, trao đổi, tặng, cho, góp vốn liên doanh bằng Tài sản khi được NGÂN HÀNG chấp thuận trước bằng văn bản. Trường hợp bán Tài sản thì NGÂN HÀNG phải được nhận số tiền thu được từ việc bán Tài sản để thanh toán nghĩa vụ trả nợ đã cam kết theo Hợp đồng này.

8. Bên cầm cố có các nghĩa vụ sau:

- p) Bàn giao Tài sản cho NGÂN HÀNG trước hoặc ngay khi ký Hợp đồng này.
- q) Thanh toán mọi chi phí quản lý, bảo quản và/hoặc gửi giữ Tài sản, giấy tờ về Tài sản phát sinh giữa NGÂN HÀNG với Bên thứ ba theo Hợp đồng gửi giữ Tài sản hoặc thoả thuận liên quan, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.
- r) Phải thông báo bằng văn bản cho NGÂN HÀNG về quyền của Bên thứ ba đối với Tài sản (nếu có). Trong trường hợp không thông báo hoặc thông báo không đúng, không đầy đủ thì căn cứ vào mức độ nghiêm trọng của vi phạm NGÂN HÀNG có quyền yêu cầu bổ sung, thay thế tài sản bảo đảm, huỷ hợp đồng cầm cố và yêu cầu bồi thường thiệt hại đồng thời áp dụng các biện pháp khác để ngừng giải ngân và thu hồi nợ trước hạn.
- s) Không được sử dụng Tài sản để cầm cố hoặc bảo đảm cho nghĩa vụ khác; không được chuyển nhượng, trao đổi, tặng cho, góp vốn hoặc có bất kỳ hình thức nào chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng Tài sản, trừ trường hợp có sự chấp thuận bằng văn bản của NGÂN HÀNG.
- t) Bên cầm cố có trách nhiệm bổ sung Tài sản, thay thế bằng biện pháp bảo đảm khác hoặc trả bớt nợ vay cho NGÂN HÀNG trong những trường hợp sau:
 - Giá trị Tài sản tại thời điểm định giá gần nhất đã giảm xuống dưới 75% so với Giá trị định giá ban đầu;

- Khi Bên phát hành Tài sản cầm cố thực hiện việc giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể hoặc bị phá sản.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của NGÂN HÀNG

7. NGÂN HÀNG có các quyền sau:

- p) Được khai thác công dụng Tài sản và hưởng hoa lợi, lợi tức từ Tài sản, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.
- q) Được yêu cầu Bên cầm cố cung cấp thông tin về thực trạng Tài sản và giám sát, kiểm tra đột xuất hoặc định kỳ Tài sản;
- r) Được quyền yêu cầu bên thứ ba giữ Tài sản giao Tài sản cho mình để xử lý thu hồi nợ trong trường hợp đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà Bên cầm cố không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đủ các nghĩa vụ cam kết.
- s) Được xử lý tài sản, chuyển giao quyền thu hồi nợ hoặc uỷ quyền cho bên thứ ba xử lý Tài sản theo quy định của Hợp đồng này hoặc quy định pháp luật có liên quan để thu hồi nợ.
- t) Các quyền khác theo thoả thuận hoặc quy định của pháp luật.

8. NGÂN HÀNG có các nghĩa vụ sau:

- a) Bảo quản và lưu giữ an toàn Tài sản và bản gốc các giấy tờ chứng minh quyền sử dụng, quyền sở hữu và các giấy tờ khác có liên quan đến Tài sản của Bên cầm cố.
- b) Trả lại bản gốc các giấy tờ về Tài sản khi Bên cầm cố đã hoàn thành nghĩa vụ bảo đảm hoặc Tài sản được thay thế bằng tài sản bảo đảm khác hoặc giao cho người mua Tài sản khi Tài sản được xử lý theo quy định của Hợp đồng này và quy định pháp luật liên quan.
- c) Trả lại bản gốc các giấy tờ về tài sản (nếu có) tương ứng với số nợ Bên cầm cố đã trả, nếu việc giải chấp một phần tài sản không ảnh hưởng đến tính chất, tính năng sử dụng ban đầu và giá trị của tài sản cầm cố còn lại.
- d) Bồi thường thiệt hại nếu làm hư hỏng, mất bản gốc các giấy tờ về Tài sản của Bên cầm cố.

Điều 7. Xử lý Tài sản

16. Các trường hợp xử lý Tài sản:

- bb) Khi đến thời hạn trả nợ (kể cả trường hợp phải trả nợ trước hạn) theo Hợp đồng tín dụng mà Bên cầm cố không thực hiện, thực hiện không đúng, không đủ hoặc vi phạm nghĩa vụ trả nợ NGÂN HÀNG;
- cc) Khi tài sản cầm cố giảm giá trị theo quy định của Hợp đồng này nhưng Bên cầm cố không khôi phục, bổ sung, thay thế được tài sản khác theo yêu cầu của NGÂN HÀNG hoặc khôi phục, bổ sung, thay thế không đủ giá trị cầm cố ban đầu;

- dd) Các trường hợp pháp luật quy định Tài sản phải được xử lý để Bên cầm cố thực hiện nghĩa vụ khác đã đến hạn.
- ee) Bên cầm cố¹⁵ thực hiện chuyển đổi (cổ phần hoá, chia, tách, sáp nhập, chuyển nhượng hoặc thay đổi loại hình tổ chức hoạt động) mà:
- Không trả hết nợ gốc và lãi vay được bảo đảm bằng tài sản cho NGÂN HÀNG trong vòng 30 ngày kể từ khi có quyết định chuyển đổi; hoặc
 - Không thông báo bằng văn bản cho NGÂN HÀNG về việc chuyển đổi và đề nghị cho chuyển nghĩa vụ được bảo đảm bằng tài sản cầm cố sang tổ chức mới trong trường hợp không thể trả hết nợ theo quy định trên; hoặc
 - Không có văn bản đồng ý nhận nợ của doanh nghiệp hình thành từ chuyển đổi hoặc văn bản đồng ý nhận nợ trên không được NGÂN HÀNG chấp thuận;
- ff) Bên cầm cố bị phá sản, giải thể trước khi đến hạn trả nợ hoặc không còn khả năng thanh toán nợ.
- gg) Bên cầm cố bị tuyên bố hạn chế, mất năng lực hành vi và năng lực pháp luật theo quy định của pháp luật, bị chết hoặc bị tuyên bố chết, bị mất tích hoặc bị tuyên bố mất tích, bị khởi tố, ly hôn hoặc liên quan đến các vụ kiện làm ảnh hưởng đến Tài sản.
- hh) Các trường hợp mà NGÂN HÀNG đơn phương xét thấy cần thiết phải xử lý Tài sản để thu hồi nợ vay trước hạn.
- ii) Các trường hợp khác do các bên thoả thuận hoặc theo quy định pháp luật.
- jj) Trong các trường hợp trên, mọi khoản nợ của Bên cầm cố tại NGÂN HÀNG chưa đến hạn cũng được coi là đến hạn và Tài sản đã cầm cố sẽ được xử lý để thu nợ.

17. Các phương thức xử lý Tài sản:

Trong trường hợp phải xử lý Tài sản để thu hồi nợ theo một trong các trường hợp nêu tại Khoản 1 Điều này thì Bên cầm cố bằng Hợp đồng này uỷ quyền không huỷ ngang, vô điều kiện và không hạn chế thời gian cho NGÂN HÀNG đại diện Bên cầm cố để:

- a) Lựa chọn phương thức bán Tài sản là đưa ra bán trực tiếp hoặc uỷ quyền cho cá nhân, cơ quan, tổ chức bán trực tiếp.
- b) Bán Tài sản với giá thấp nhất do NGÂN HÀNG xác định căn cứ vào Biên bản định giá, định giá lại Tài sản của NGÂN HÀNG tại thời điểm gần nhất hoặc giá thị trường liên quan (thị trường chứng khoán, thị trường liên ngân hàng,...) tại thời điểm bán Tài sản.
- c) NGÂN HÀNG trực tiếp nhận các khoản tiền, tài sản từ bên thứ ba trong trường hợp bên thứ ba đồng ý trả thay cho Bên cầm cố.

¹⁵ Trường hợp Bên cầm cố là cá nhân, vợ chồng hoặc hộ gia đình thì bỏ các quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 1 Điều 7 Hợp đồng này.

- d) NGÂN HÀNG nhận chính Tài sản để thay thế cho việc thanh toán một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ được bảo đảm. Giá nhận Tài sản do hai bên thoả thuận trên cơ sở tham khảo giá thị trường và quy định có liên quan của NGÂN HÀNG về xử lý tài sản bảo đảm.
 - e) Thay mặt Bên cầm cố lập, ký tên trên các văn bản, giấy tờ, tài liệu, hợp đồng liên quan tới Tài sản và việc bán Tài sản với các cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan..
 - f) Trường hợp Tài sản bao gồm nhiều vật, nhiều phần hoặc có thể tách riêng, NGÂN HÀNG được chọn tài sản cụ thể để xử lý, đảm bảo thu hồi đủ số nợ, bao gồm nhưng không giới hạn là nợ gốc, nợ lãi (trong hạn, quá hạn), các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan (nếu có).
 - g) Trong thời gian chờ bán Tài sản, NGÂN HÀNG được quyền khai thác, sử dụng và thu hoa lợi, lợi tức từ Tài sản để thu hồi nợ.
18. Số tiền thu được từ việc xử lý Tài sản, sẽ được NGÂN HÀNG tự động trích để thanh toán các khoản nợ mà Bên cầm cố phải trả cho NGÂN HÀNG bao gồm nhưng không giới hạn theo thứ tự ưu tiên như sau:
- p) Chi phí bảo quản, bán tài sản và các chi phí phát sinh khác có liên quan;
 - q) Nợ lãi quá hạn;
 - r) Nợ lãi trong hạn;
 - s) Nợ gốc;
 - t) Số tiền còn dư sẽ trả lại cho Bên cầm cố, nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản không đủ để trả nợ thì Bên cầm cố phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho NGÂN HÀNG.
19. Bên cầm cố tự nguyện từ bỏ mọi quyền khiếu nại, khiếu kiện NGÂN HÀNG đối với việc NGÂN HÀNG thực hiện xử lý Tài sản theo các nội dung quy định tại Điều này. NGÂN HÀNG có toàn quyền thực hiện xử lý Tài sản như nêu trên mà không cần kiện ra Toà án hay cơ quan có thẩm quyền khác. Mọi vấn đề khác có liên quan đến việc xử lý tài sản cầm cố được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp

- 7. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này, trước hết sẽ được các bên trực tiếp thương lượng để giải quyết trên tinh thần thiện chí, tôn trọng các quyền và lợi ích hợp pháp của nhau. Trường hợp thương lượng không thành thì các bên có quyền yêu cầu Toà án nhân dân có thẩm quyền nơi có trụ sở của NGÂN HÀNG hoặc Toà án nhân dân nơi có Tài sản để giải quyết. Quyết định của Toà án có hiệu lực bắt buộc đối với các bên theo quy định của pháp luật.
- 8. Hợp đồng này được xác lập, điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

Điều 9. Cam kết của các bên

7. Bên cầm cố cam kết những thông tin về nhân thân và Tài sản đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật và tại thời điểm ký Hợp đồng này, Tài sản nói trên:
- p) Được phép cầm cố theo quy định của Pháp luật;
 - q) Hoàn toàn thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Bên cầm cố và không có bất kỳ sự tranh chấp nào;
 - r) Chưa được chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng dưới mọi hình thức hoặc dùng để bảo đảm cho bất kỳ nghĩa vụ dân sự nào;
 - s) Không bị kê biên để bảo đảm thi hành án hoặc có bất kỳ quyết định nào của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hạn chế quyền sở hữu, quyền sử dụng ngoài những hạn chế đã được nêu tại Hợp đồng này;
 - t) Không có giấy tờ nào khác ngoài giấy tờ nêu tại Điều 2 của Hợp đồng này.
8. Các bên cam kết:
- g) Việc giao kết Hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối và cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận trong Hợp đồng này;
 - h) Đã tự đọc hoặc được nghe đọc đúng, hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này.

Điều 10. Hiệu lực của Hợp đồng

19. Trường hợp (các) Hợp đồng tín dụng đã ký giữa Bên vay vốn với NGÂN HÀNG được chuyển giao từ đơn vị kinh doanh (Bên nhận cầm cố) cho bất kỳ đơn vị kinh doanh nào khác trong hệ thống NGÂN HÀNG hoặc đơn vị kinh doanh có sự thay đổi về tên gọi, mô hình tổ chức, hoạt động thì các bên không phải ký lại Hợp đồng cầm cố, chỉ cần lập văn bản ghi nhận về việc thay đổi Bên nhận cầm cố và phải đăng ký lại giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật (nếu có).
20. Trường hợp Bên cầm cố tổ chức lại pháp nhân (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi) khi Hợp đồng này vẫn còn thời hạn thực hiện thì các bên không phải ký kết lại Hợp đồng, chỉ cần lập văn bản ghi nhận về việc thay đổi Bên cầm cố và phải đăng ký lại giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật (nếu có).¹⁶
21. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ khi tất cả các bên ký vào Hợp đồng và được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật (nếu có). Các Hợp đồng, phụ lục hợp đồng hoặc văn bản, tài liệu, giấy tờ được các bên thống nhất sửa đổi, bổ sung, thay thế một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng này hoặc liên quan đến Hợp đồng này là bộ phận kèm theo và có giá trị pháp lý theo Hợp đồng.
22. Các Hợp đồng được bảo đảm bằng Tài sản theo Hợp đồng cầm cố này nếu vô hiệu không làm Hợp đồng này vô hiệu. Trong trường hợp do có sự thay đổi về luật pháp, quy định hiện hành làm cho việc cầm cố tài sản đối với một hoặc một số tài sản nêu tại Điều 2 Hợp đồng này hoặc bất kỳ điều khoản nào trong

¹⁶ Trường hợp Bên cầm cố là cá nhân, vợ chồng hoặc hộ gia đình thì bỏ nội dung này.

Hợp đồng này vô hiệu, thì Hợp đồng này vẫn có hiệu lực với những tài sản, điều khoản còn lại.

23. Trường hợp Bản án, quyết định của tổ chức, cơ quan có Nhà nước có thẩm quyền khẳng định Hợp đồng này bị vô hiệu về hình thức, thủ tục thực hiện thì các nội dung đã được thoả thuận thống nhất theo Hợp đồng này vẫn có hiệu lực giữa các bên.

24. Hợp đồng này chỉ chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- m) Bên cầm cố đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ trả nợ được bảo đảm của Hợp đồng cầm cố này;
- n) Các bên thoả thuận nghĩa vụ được bảo đảm theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng biện pháp khác;
- o) Tài sản cầm cố được xử lý để thu hồi nợ theo quy định của Hợp đồng này hoặc theo quy định pháp luật.
- p) Các trường hợp khác do các bên thoả thuận hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Điều khoản thi hành

7. Những vấn đề chưa được thoả thuận trong Hợp đồng này sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp luật.

8. Hợp đồng này được lập thành 04 bản chính, có giá trị pháp lý như nhau: NGÂN HÀNG giữ 02 bản, Bên cầm cố giữ 01 bản, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan giữ 01 bản (nếu có).

BÊN CẦM CỐ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu
nếu có)

BÊN NHẬN CẦM CỐ

(Ký tên, đóng dấu)

HỢP ĐỒNG CẦM CỔ CỔ PHIẾU¹⁷

Số:/...../BD

Hôm nay, ngày tháng năm 200....., tại
..... chúng tôi gồm:

7. **Bên cầm cổ**¹⁸:.....

- Địa chỉ :
- Điện thoại.....: Fax:
- ĐKKD số: Nơi cấp: ngày:
- Người đại diện:..... Chức vụ:
- CMND số: Nơi cấp: ngày:
- Số tài khoản tiền gửi đồng VN: Tại Ngân hàng... ..
- Số tài khoản tiền gửi ngoại tệ:..... Tại Ngân hàng... ..
- Giấy uỷ quyền số: ngày : của :

8. **Bên nhận cầm cổ: Ngân hàng**

- Địa chỉ :
 - Điện thoại.....: Fax:
 - ĐKKD số: Nơi cấp: ngày:
 - Đại diện : Chức vụ:
 - Giấy uỷ quyền số: ngày : của :
- (Dưới đây, Bên nhận cầm cổ được gọi tắt là “NGÂN HÀNG”)

Cùng nhau thỏa thuận và ký Hợp đồng cầm cổ cổ phiếu theo các nội dung dưới đây:

Điều 1. Nghĩa vụ được bảo đảm

13. Bên cầm cổ đồng ý cầm cổ cổ phiếu thuộc quyền sở hữu của mình để bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ dân sự của Bên vay vốn (là Ông/bà:....., CMTND số:..... hoặc Công ty....., Giấy CNDKKD số:.....) đối với NGÂN HÀNG, bao gồm nhưng không

¹⁷ Áp dụng cho trường hợp Bên cầm cổ và Bên vay vốn là hai chủ thể độc lập

¹⁸ Nếu Bên cầm cổ là một hoặc nhiều cá nhân đồng sở hữu thì cần sửa đổi, bổ sung thêm thông tin cho phù hợp như : Hộ khẩu thường trú, Số CMTND/Hộ chiếu. Trường hợp Bên cầm cổ là hộ gia đình thì ghi thông tin về hộ gia đình đó và bổ sung thêm thông tin về người đại diện.

giới hạn là: Tiền vay (nợ gốc), lãi vay, lãi quá hạn, chi phí xử lý Tài sản, các khoản chi phí khác và tiền bồi thường thiệt hại theo (các) Hợp đồng tín dụng ký với NGÂN HÀNG kể từ ngày các bên ký Hợp đồng này.

14. Nghĩa vụ được bảo đảm đối với các Hợp đồng tín dụng theo thoả thuận tại khoản 1 của Điều này bao gồm cả các nghĩa vụ quy định tại các Phụ lục trong trường hợp Hợp đồng tín dụng được gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hoặc có sự sửa đổi, bổ sung làm thay đổi nghĩa vụ được bảo đảm.
15. Tổng giá trị nghĩa vụ được bảo đảm sẽ giảm theo mức độ giảm giá trị của tài sản cầm cố được xác định lại trong các Biên bản định giá lại hoặc các phụ lục hợp đồng được ký giữa các bên và cũng được sử dụng theo nguyên tắc trên. Tổng mức cho vay trong trường hợp này cũng giảm tương ứng mà không cần có sự đồng ý của Bên cầm cố.

Điều 2. Tài sản cầm cố

Tài sản cầm cố là cổ phiếu thuộc quyền sở hữu của Bên cầm cố (dưới đây gọi tắt là “Tài sản”), chi tiết về Tài sản được mô tả đầy đủ theo các văn bản (Hợp đồng, giấy tờ, tài liệu) dưới đây:

9. Cổ phiếu thuộc quyền sở hữu của Bên cầm cố gồm:

T	Cổ phiếu, nơi phát hành	Số, ký hiệu	Ngày phát hành	Mệnh giá (đồng)	Ghi chú
13
14
15

10. Toàn bộ lợi tức và lợi ích vật chất phát sinh từ hoặc liên quan đến Tài sản cũng thuộc tài sản cầm cố trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.

Điều 3. Giá trị Tài sản

9. Tổng giá trị Tài sản nêu tại Điều 2 Hợp đồng này do Bên cầm cố và NGÂN HÀNG thoả thuận xác định là đồng theo Biên bản định giá tài sản ngày Mức giá định giá trên chỉ được làm mức giá trị tham chiếu để xác định mức cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng, không sử dụng để áp dụng trong trường hợp xử lý tài sản.
10. Với giá trị tài sản này, NGÂN HÀNG đồng ý cho Bên vay vốn vay tổng số tiền (nợ gốc) cao nhất là đồng.

Điều 4. Bàn giao, quản lý Tài sản

13. Trước hoặc ngay sau khi ký kết Hợp đồng này, Bên cầm cố phải bàn giao đầy đủ Tài sản kèm theo toàn bộ giấy tờ gốc về chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng, quản lý tài sản cầm cố và các giấy tờ khác có liên quan cho NGÂN HÀNG hoặc Bên thứ ba được NGÂN HÀNG uỷ quyền/thuê gửi giữ.

14. Bên cầm cố và NGÂN HÀNG sẽ ký Biên bản bàn giao Tài sản và giấy tờ tài sản cầm cố theo mẫu của NGÂN HÀNG. Biên bản bàn giao là một phần không thể tách rời của Hợp đồng cầm cố này.
15. NGÂN HÀNG có toàn quyền quản lý, bảo quản Tài sản và các giấy tờ gốc về Tài sản hoặc chuyển giao, uỷ quyền cho Bên thứ ba quản lý, bảo quản Tài sản. Mọi chi phí quản lý, bảo quản và/hoặc gửi giữ phát sinh giữa NGÂN HÀNG với Bên thứ ba do Bên cầm cố chịu trách nhiệm thanh toán, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên cầm cố

9. Bên cầm cố có các quyền sau:

- m) Được nhận lại Tài sản đã giao cho NGÂN HÀNG khi Bên vay vốn hoặc tự mình hoàn thành nghĩa vụ trả nợ nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này.
- n) Được yêu cầu NGÂN HÀNG hoặc Bên thứ ba bồi thường thiệt hại nếu làm mất, hư hỏng Tài sản.
- o) Được bổ sung, thay thế Tài sản bằng một tài sản khác, được bán, trao đổi, tặng, cho, góp vốn liên doanh bằng Tài sản khi được NGÂN HÀNG chấp thuận trước bằng văn bản. Trường hợp bán Tài sản thì NGÂN HÀNG phải được nhận số tiền thu được từ việc bán Tài sản để thanh toán nghĩa vụ trả nợ đã cam kết theo Hợp đồng này.

10. Bên cầm cố có các nghĩa vụ sau:

- u) Bàn giao Tài sản cho NGÂN HÀNG trước hoặc ngay khi ký Hợp đồng này.
- v) Thanh toán mọi chi phí quản lý, bảo quản và/hoặc gửi giữ Tài sản, giấy tờ về Tài sản phát sinh giữa NGÂN HÀNG với Bên thứ ba theo Hợp đồng gửi giữ Tài sản hoặc thoả thuận liên quan, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.
- w) Phải thông báo bằng văn bản cho NGÂN HÀNG về quyền của Bên thứ ba đối với Tài sản (nếu có). Trong trường hợp không thông báo hoặc thông báo không đúng, không đầy đủ thì căn cứ vào mức độ nghiêm trọng của vi phạm NGÂN HÀNG có quyền yêu cầu bổ sung, thay thế tài sản bảo đảm, huỷ hợp đồng cầm cố và yêu cầu bồi thường thiệt hại đồng thời áp dụng các biện pháp khác để ngừng giải ngân và thu hồi nợ trước hạn.
- x) Không được sử dụng Tài sản để cầm cố hoặc bảo đảm cho nghĩa vụ khác; không được chuyển nhượng, trao đổi, tặng cho, góp vốn hoặc có bất kỳ hình thức nào chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng Tài sản, trừ trường hợp có sự chấp thuận bằng văn bản của NGÂN HÀNG.
- y) Bên cầm cố có trách nhiệm bổ sung Tài sản, thay thế bằng biện pháp bảo đảm khác hoặc trả bớt nợ vay cho NGÂN HÀNG trong những trường hợp sau:
 - Giá trị Tài sản tại thời điểm định giá gần nhất đã giảm xuống dưới 75% so với Giá trị định giá ban đầu;

- Khi Bên phát hành Tài sản cầm cố thực hiện việc giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể hoặc bị phá sản.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của NGÂN HÀNG

9. NGÂN HÀNG có các quyền sau:

- u) Được khai thác công dụng Tài sản và hưởng hoa lợi, lợi tức từ Tài sản, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.
- v) Được yêu cầu Bên cầm cố cung cấp thông tin về thực trạng Tài sản và giám sát, kiểm tra đột xuất hoặc định kỳ Tài sản;
- w) Được quyền yêu cầu bên thứ ba giữ Tài sản giao Tài sản cho mình để xử lý thu hồi nợ trong trường hợp đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà Bên vay vốn hoặc Bên cầm cố không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đủ các nghĩa vụ cam kết.
- x) Được xử lý tài sản, chuyển giao quyền thu hồi nợ hoặc uỷ quyền cho bên thứ ba xử lý Tài sản theo quy định của Hợp đồng này hoặc quy định pháp luật có liên quan để thu hồi nợ.
- y) Các quyền khác theo thoả thuận hoặc quy định của pháp luật.

10. NGÂN HÀNG có các nghĩa vụ sau:

- a) Bảo quản và lưu giữ an toàn Tài sản và bản gốc các giấy tờ chứng minh quyền sử dụng, quyền sở hữu và các giấy tờ khác có liên quan đến Tài sản của Bên cầm cố.
- b) Trả lại bản gốc các giấy tờ về Tài sản khi Bên vay vốn đã hoàn thành nghĩa vụ bảo đảm hoặc Tài sản được thay thế bằng tài sản bảo đảm khác hoặc giao cho người mua Tài sản khi Tài sản được xử lý theo quy định của Hợp đồng này và quy định pháp luật liên quan.
- c) Trả lại bản gốc các giấy tờ về tài sản (nếu có) tương ứng với số nợ Bên vay vốn hoặc Bên cầm cố đã trả, nếu việc giải chấp một phần tài sản không ảnh hưởng đến tính chất, tính năng sử dụng ban đầu và giá trị của tài sản cầm cố còn lại.
- d) Bồi thường thiệt hại nếu làm hư hỏng, mất bản gốc các giấy tờ về Tài sản của Bên cầm cố.

Điều 7. Xử lý Tài sản

20. Các trường hợp xử lý Tài sản:

- kk) Khi đến thời hạn trả nợ (kể cả trường hợp phải trả nợ trước hạn) theo Hợp đồng tín dụng mà Bên vay vốn không thực hiện, thực hiện không đúng, không đủ hoặc vi phạm nghĩa vụ trả nợ NGÂN HÀNG;
- ll) Khi tài sản cầm cố giảm giá trị theo quy định của Hợp đồng này nhưng Bên vay vốn và/hoặc Bên cầm cố không khôi phục, bổ sung, thay thế được tài sản khác theo yêu cầu của NGÂN HÀNG hoặc khôi phục, bổ sung, thay thế không đủ giá trị cầm cố ban đầu;

- mm) Các trường hợp pháp luật quy định Tài sản phải được xử lý để Bên cầm cố, Bên vay vốn thực hiện nghĩa vụ khác đã đến hạn.
- nn) Bên cầm cố hoặc Bên vay vốn¹⁹ thực hiện chuyển đổi (cổ phần hoá, chia, tách, sáp nhập, chuyển nhượng hoặc thay đổi loại hình tổ chức hoạt động) mà:
- Không trả hết nợ gốc và lãi vay được bảo đảm bằng tài sản cho NGÂN HÀNG trong vòng 30 ngày kể từ khi có quyết định chuyển đổi; hoặc
 - Không thông báo bằng văn bản cho NGÂN HÀNG về việc chuyển đổi và đề nghị cho chuyển nghĩa vụ được bảo đảm bằng tài sản cầm cố sang tổ chức mới trong trường hợp không thể trả hết nợ theo quy định trên; hoặc
 - Không có văn bản đồng ý nhận nợ của doanh nghiệp hình thành từ chuyển đổi hoặc văn bản đồng ý nhận nợ trên không được NGÂN HÀNG chấp thuận;
- oo) Bên cầm cố hoặc Bên vay vốn bị phá sản, giải thể trước khi đến hạn trả nợ hoặc không còn khả năng thanh toán nợ.
- pp) Bên cầm cố hoặc Bên vay vốn bị tuyên bố hạn chế, mất năng lực hành vi và năng lực pháp luật theo quy định của pháp luật, bị chết hoặc bị tuyên bố chết, bị mất tích hoặc bị tuyên bố mất tích, bị khởi tố, ly hôn hoặc liên quan đến các vụ kiện làm ảnh hưởng đến Tài sản.
- qq) Các trường hợp mà NGÂN HÀNG đơn phương xét thấy cần thiết phải xử lý Tài sản để thu hồi nợ vay trước hạn.
- rr) Các trường hợp khác do các bên thoả thuận hoặc theo quy định pháp luật.
- ss) Trong các trường hợp trên, mọi khoản nợ của Bên vay vốn tại NGÂN HÀNG chưa đến hạn cũng được coi là đến hạn và Tài sản đã cầm cố sẽ được xử lý để thu nợ.

21. Các phương thức xử lý Tài sản:

Trong trường hợp phải xử lý Tài sản để thu hồi nợ theo một trong các trường hợp nêu tại Khoản 1 Điều này thì Bên cầm cố bằng Hợp đồng này uỷ quyền không huỷ ngang, vô điều kiện và không hạn chế thời gian cho NGÂN HÀNG đại diện Bên cầm cố để:

- a) Lựa chọn phương thức bán Tài sản là đưa ra bán trực tiếp hoặc uỷ quyền cho cá nhân, cơ quan, tổ chức bán trực tiếp.
- b) Bán Tài sản với giá thấp nhất do NGÂN HÀNG xác định căn cứ vào Biên bản định giá, định giá lại Tài sản của NGÂN HÀNG tại thời điểm gần nhất hoặc giá thị trường liên quan (thị trường chứng khoán, thị trường liên ngân hàng,...) tại thời điểm bán Tài sản.

¹⁹ Trường hợp Bên cầm cố, Bên vay vốn đều là cá nhân, vợ chồng hoặc hộ gia đình thì bỏ các quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 1 Điều 7 Hợp đồng này.

- c) NGÂN HÀNG trực tiếp nhận các khoản tiền, tài sản từ bên thứ ba trong trường hợp bên thứ ba đồng ý trả thay cho Bên cầm cố.
 - d) NGÂN HÀNG nhận chính Tài sản để thay thế cho việc thanh toán một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ được bảo đảm. Giá nhận Tài sản do hai bên thoả thuận trên cơ sở tham khảo giá thị trường và quy định có liên quan của NGÂN HÀNG về xử lý tài sản bảo đảm.
 - e) Thay mặt Bên cầm cố lập, ký tên trên các văn bản, giấy tờ, tài liệu, hợp đồng liên quan tới Tài sản và việc bán Tài sản với các cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan..
 - f) Trường hợp Tài sản bao gồm nhiều vật, nhiều phần hoặc có thể tách riêng, NGÂN HÀNG được chọn tài sản cụ thể để xử lý, đảm bảo thu hồi đủ số nợ, bao gồm nhưng không giới hạn là nợ gốc, nợ lãi (trong hạn, quá hạn), các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan (nếu có).
 - g) Trong thời gian chờ bán Tài sản, NGÂN HÀNG được quyền khai thác, sử dụng và thu hoa lợi, lợi tức từ Tài sản để thu hồi nợ.
22. Số tiền thu được từ việc xử lý Tài sản, sẽ được NGÂN HÀNG tự động trích để thanh toán các khoản nợ mà Bên cầm cố phải trả cho NGÂN HÀNG bao gồm nhưng không giới hạn theo thứ tự ưu tiên như sau:
- u) Chi phí bảo quản, bán tài sản và các chi phí phát sinh khác có liên quan;
 - v) Nợ lãi quá hạn;
 - w) Nợ lãi trong hạn;
 - x) Nợ gốc;
 - y) Số tiền còn dư sẽ trả lại cho Bên cầm cố, nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản không đủ để trả nợ thì Bên cầm cố, Bên vay vốn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho NGÂN HÀNG.

23. Bên cầm cố tự nguyện từ bỏ mọi quyền khiếu nại, khiếu kiện NGÂN HÀNG đối với việc NGÂN HÀNG thực hiện xử lý Tài sản theo các nội dung quy định tại Điều này. NGÂN HÀNG có toàn quyền thực hiện xử lý Tài sản như nêu trên mà không cần kiện ra Tòa án hay cơ quan có thẩm quyền khác. Mọi vấn đề khác có liên quan đến việc xử lý tài sản cầm cố được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp

- 9. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này, trước hết sẽ được các bên trực tiếp thương lượng để giải quyết trên tinh thần thiện chí, tôn trọng các quyền và lợi ích hợp pháp của nhau. Trường hợp thương lượng không thành thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án nhân dân có thẩm quyền nơi có trụ sở của NGÂN HÀNG hoặc Tòa án nhân dân nơi có Tài sản để giải quyết. Quyết định của Tòa án có hiệu lực bắt buộc đối với các bên theo quy định của pháp luật.
- 10. Hợp đồng này được xác lập, điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

Điều 9. Cam kết của các bên

9. Bên cầm cố cam kết những thông tin về nhân thân và Tài sản đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật và tại thời điểm ký Hợp đồng này, Tài sản nói trên:
- u) Được phép cầm cố theo quy định của Pháp luật;
 - v) Hoàn toàn thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Bên cầm cố và không có bất kỳ sự tranh chấp nào;
 - w) Chưa được chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng dưới mọi hình thức hoặc dùng để bảo đảm cho bất kỳ nghĩa vụ dân sự nào;
 - x) Không bị kê biên để bảo đảm thi hành án hoặc có bất kỳ quyết định nào của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hạn chế quyền sở hữu, quyền sử dụng ngoài những hạn chế đã được nêu tại Hợp đồng này;
 - y) Không có giấy tờ nào khác ngoài giấy tờ nêu tại Điều 2 của Hợp đồng này.
10. Các bên cam kết:
- i) Việc giao kết Hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối và cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận trong Hợp đồng này;
 - j) Đã tự đọc hoặc được nghe đọc đúng, hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này.

Điều 10. Hiệu lực của Hợp đồng

1. Trường hợp (các) Hợp đồng tín dụng đã ký giữa Bên vay vốn với NGÂN HÀNG được chuyển giao từ đơn vị kinh doanh (Bên nhận cầm cố) cho bất kỳ đơn vị kinh doanh nào khác trong hệ thống NGÂN HÀNG hoặc đơn vị kinh doanh có sự thay đổi về tên gọi, mô hình tổ chức, hoạt động thì các bên không phải ký lại Hợp đồng cầm cố, chỉ cần lập văn bản ghi nhận về việc thay đổi Bên nhận cầm cố và phải đăng ký lại giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật (nếu có).
2. Trường hợp Bên cầm cố tổ chức lại pháp nhân (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi) khi Hợp đồng này vẫn còn thời hạn thực hiện thì các bên không phải ký kết lại Hợp đồng, chỉ cần lập văn bản ghi nhận về việc thay đổi Bên cầm cố và phải đăng ký lại giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật (nếu có).²⁰
3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ khi tất cả các bên ký vào Hợp đồng và được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật (nếu có). Các Hợp đồng, phụ lục hợp đồng hoặc văn bản, tài liệu, giấy tờ được các bên thống nhất sửa đổi, bổ sung, thay thế một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng này hoặc liên quan đến Hợp đồng này là bộ phận kèm theo và có giá trị pháp lý theo Hợp đồng.
4. Các Hợp đồng được bảo đảm bằng Tài sản theo Hợp đồng cầm cố này nếu vô hiệu không làm Hợp đồng này vô hiệu. Trong trường hợp do có sự thay đổi về luật pháp, quy định hiện hành làm cho việc cầm cố tài sản đối với một hoặc một số tài sản nêu tại Điều 2 Hợp đồng này hoặc bất kỳ điều khoản nào trong

²⁰ Trường hợp Bên cầm cố là cá nhân, vợ chồng hoặc hộ gia đình thì bỏ nội dung này.

Hợp đồng này vô hiệu, thì Hợp đồng này vẫn có hiệu lực với những tài sản, điều khoản còn lại.

5. Trường hợp Bản án, quyết định của tổ chức, cơ quan có Nhà nước có thẩm quyền khẳng định Hợp đồng này bị vô hiệu về hình thức, thủ tục thực hiện thì các nội dung đã được thoả thuận thống nhất theo Hợp đồng này vẫn có hiệu lực giữa các bên.
6. Hợp đồng này chỉ chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - q) Bên cầm cố hoặc Bên vay vốn đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ trả nợ được bảo đảm của Hợp đồng cầm cố này;
 - r) Các bên thoả thuận nghĩa vụ được bảo đảm theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng biện pháp khác;
 - s) Tài sản cầm cố được xử lý để thu hồi nợ theo quy định của Hợp đồng này hoặc theo quy định pháp luật.
 - t) Các trường hợp khác do các bên thoả thuận hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Điều khoản thi hành

9. Những vấn đề chưa được thoả thuận trong Hợp đồng này sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp luật.
10. Hợp đồng này được lập thành 05 bản chính, có giá trị pháp lý như nhau: NGÂN HÀNG giữ 02 bản, Bên cầm cố giữ 01 bản, Bên vay vốn giữ 01 bản, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan giữ 01 bản (nếu có).

BÊN CẦM CỐ

(Ký, ghi rõ họ tên, gồm cả
đồng sở hữu, nếu có)

**BÊN NHẬN CẦM
CỐ**

(Ký tên, đóng dấu)

HỢP ĐỒNG CẦM CỔ CỔ PHIẾU²¹

Số:/...../BD

Hôm nay, ngày tháng năm 200....., tại
..... chúng tôi gồm:

9. **Bên cầm cổ²²:**.....

- Địa chỉ :
- Điện thoại.....: Fax:
- ĐKKD số: Nơi cấp: ngày:
- Người đại diện:..... Chức vụ:
- CMND số: Nơi cấp: ngày:
- Số tài khoản tiền gửi đồng VN: Tại Ngân hàng... ..
- Số tài khoản tiền gửi ngoại tệ:..... Tại Ngân hàng... ..
- Giấy uỷ quyền số: ngày : của :

10. **Bên nhận cầm cổ: Ngân hàng**

- Địa chỉ :
 - Điện thoại.....: Fax:
 - ĐKKD số: Nơi cấp: ngày:
 - Đại diện : Chức vụ:
 - Giấy uỷ quyền số: ngày : của :
- (Dưới đây, Bên nhận cầm cổ được gọi tắt là “NGÂN HÀNG”)

11. **Bên vay vốn:**

- Địa chỉ :
- Điện thoại.....: Fax:
- ĐKKD số: Nơi cấp: ngày:

²¹ Áp dụng đối với trường hợp cả 03 bên: Bên vay vốn, Bên cầm cổ và NGÂN HÀNG cùng ký Hợp đồng.

²² Nếu Bên cầm cổ là một hoặc nhiều cá nhân đồng sở hữu thì cần sửa đổi, bổ sung thêm thông tin cho phù hợp như : Hộ khẩu thường trú, Số CMTND/Hộ chiếu. Trường hợp Bên cầm cổ là hộ gia đình thì ghi thông tin về hộ gia đình đó và bổ sung thêm thông tin về người đại diện.

- Đại diện : Chức vụ:
- CMND số: Nơi cấp: ngày:
- Giấy uỷ quyền số: ngày : của :

Cùng nhau thỏa thuận và ký Hợp đồng cầm cố cổ phiếu theo các nội dung dưới đây:

Điều 12. Nghĩa vụ được bảo đảm

16. Bên cầm cố đồng ý cầm cố cổ phiếu thuộc quyền sở hữu của mình để bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ dân sự của Bên vay vốn đối với NGÂN HÀNG, bao gồm nhưng không giới hạn là: Tiền vay (nợ gốc), lãi vay, lãi quá hạn, chi phí xử lý Tài sản, các khoản chi phí khác và tiền bồi thường thiệt hại theo (các) Hợp đồng tín dụng ký với NGÂN HÀNG kể từ ngày các bên ký Hợp đồng này.
17. Nghĩa vụ được bảo đảm đối với các Hợp đồng tín dụng theo thỏa thuận tại khoản 1 của Điều này bao gồm cả các nghĩa vụ quy định tại các Phụ lục trong trường hợp Hợp đồng tín dụng được gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hoặc có sự sửa đổi, bổ sung làm thay đổi nghĩa vụ được bảo đảm.
18. Tổng giá trị nghĩa vụ được bảo đảm sẽ giảm theo mức độ giảm giá trị của tài sản cầm cố được xác định lại trong các Biên bản định giá lại hoặc các phụ lục hợp đồng được ký giữa các bên và cũng được sử dụng theo nguyên tắc trên. Tổng mức cho vay trong trường hợp này cũng giảm tương ứng mà không cần có sự đồng ý của Bên cầm cố.

Điều 13. Tài sản cầm cố

Tài sản cầm cố là cổ phiếu thuộc quyền sở hữu của Bên cầm cố (dưới đây gọi tắt là “Tài sản”), chi tiết về Tài sản được mô tả đầy đủ theo các văn bản (Hợp đồng, giấy tờ, tài liệu) dưới đây:

11. Cổ phiếu thuộc quyền sở hữu của Bên cầm cố gồm:

T T	Cổ phiếu, nơi phát hành	Số, ký hiệu	Ngày phát hành	Mệnh giá (đồng)	Ghi chú
16
17
18

12. Toàn bộ lợi tức và lợi ích vật chất phát sinh từ hoặc liên quan đến Tài sản cũng thuộc tài sản cầm cố trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác bằng văn bản.

Điều 14. Giá trị Tài sản

11. Tổng giá trị Tài sản nêu tại Điều 2 Hợp đồng này do Bên cầm cố và NGÂN HÀNG thoả thuận xác định là đồng theo Biên bản định giá tài sản ngày Mức giá định giá trên chỉ được làm mức giá trị tham chiếu để xác định mức cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng, không sử dụng để áp dụng trong trường hợp xử lý tài sản.
12. Với giá trị tài sản này, NGÂN HÀNG đồng ý cho Bên vay vốn vay tổng số tiền (nợ gốc) cao nhất là đồng.

Điều 15. Bàn giao, quản lý Tài sản

16. Trước hoặc ngay sau khi ký kết Hợp đồng này, Bên cầm cố phải bàn giao đầy đủ Tài sản kèm theo toàn bộ giấy tờ gốc về chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng, quản lý tài sản cầm cố và các giấy tờ khác có liên quan cho NGÂN HÀNG hoặc Bên thứ ba được NGÂN HÀNG uỷ quyền/thuê gửi giữ.
17. Bên cầm cố và NGÂN HÀNG sẽ ký Biên bản bàn giao Tài sản và giấy tờ tài sản cầm cố theo mẫu của NGÂN HÀNG. Biên bản bàn giao là một phần không thể tách rời của Hợp đồng cầm cố này.
18. NGÂN HÀNG có toàn quyền quản lý, bảo quản Tài sản và các giấy tờ gốc về Tài sản hoặc chuyển giao, uỷ quyền cho Bên thứ ba quản lý, bảo quản Tài sản. Mọi chi phí quản lý, bảo quản và/hoặc gửi giữ phát sinh giữa NGÂN HÀNG với Bên thứ ba do Bên cầm cố chịu trách nhiệm thanh toán, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Bên cầm cố

11. Bên cầm cố có các quyền sau:

- p) Được nhận lại Tài sản đã giao cho NGÂN HÀNG khi Bên vay vốn hoặc tự mình hoàn thành nghĩa vụ trả nợ nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này.
- q) Được yêu cầu NGÂN HÀNG hoặc Bên thứ ba bồi thường thiệt hại nếu làm mất, hư hỏng Tài sản.
- r) Được bổ sung, thay thế Tài sản bằng một tài sản khác, được bán, trao đổi, tặng, cho, góp vốn liên doanh bằng Tài sản khi được NGÂN HÀNG chấp thuận trước bằng văn bản. Trường hợp bán Tài sản thì NGÂN HÀNG phải được nhận số tiền thu được từ việc bán Tài sản để thanh toán nghĩa vụ trả nợ đã cam kết theo Hợp đồng này.

12. Bên cầm cố có các nghĩa vụ sau:

- z) Bàn giao Tài sản cho NGÂN HÀNG trước hoặc ngay khi ký Hợp đồng này.
- aa) Thanh toán mọi chi phí quản lý, bảo quản và/hoặc gửi giữ Tài sản, giấy tờ về Tài sản phát sinh giữa NGÂN HÀNG với Bên thứ ba theo Hợp đồng gửi giữ Tài sản hoặc thoả thuận liên quan, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.
- bb) Phải thông báo bằng văn bản cho NGÂN HÀNG về quyền của Bên thứ ba đối với Tài sản (nếu có). Trong trường hợp không thông báo hoặc thông báo không đúng, không đầy đủ thì căn cứ vào mức độ nghiêm trọng của vi

phạm NGÂN HÀNG có quyền yêu cầu bổ sung, thay thế tài sản bảo đảm, huỷ hợp đồng cầm cố và yêu cầu bồi thường thiệt hại đồng thời áp dụng các biện pháp khác để ngừng giải ngân và thu hồi nợ trước hạn

- cc) Không được sử dụng Tài sản để cầm cố hoặc bảo đảm cho nghĩa vụ khác; không được chuyển nhượng, trao đổi, tặng cho, góp vốn hoặc có bất kỳ hình thức nào chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng Tài sản, trừ trường hợp có sự chấp thuận bằng văn bản của NGÂN HÀNG.
- dd) Bên cầm cố có trách nhiệm bổ sung Tài sản, thay thế bằng biện pháp bảo đảm khác hoặc trả bớt nợ vay cho NGÂN HÀNG trong những trường hợp sau:
 - Giá trị Tài sản tại thời điểm định giá gần nhất đã giảm xuống dưới 75% so với Giá trị định giá ban đầu;
 - Khi Bên phát hành Tài sản cầm cố thực hiện việc giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể hoặc bị phá sản.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của NGÂN HÀNG

11. NGÂN HÀNG có các quyền sau:

- z) Được khai thác công dụng Tài sản và hưởng hoa lợi, lợi tức từ Tài sản, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.
- aa) Được yêu cầu Bên cầm cố cung cấp thông tin về thực trạng Tài sản và giám sát, kiểm tra đột xuất hoặc định kỳ Tài sản;
- bb) Được quyền yêu cầu bên thứ ba giữ Tài sản giao Tài sản cho mình để xử lý thu hồi nợ trong trường hợp đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà Bên vay vốn hoặc Bên cầm cố không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đủ các nghĩa vụ cam kết.
- cc) Được xử lý tài sản, chuyển giao quyền thu hồi nợ hoặc uỷ quyền cho bên thứ ba xử lý Tài sản theo quy định của Hợp đồng này hoặc quy định pháp luật có liên quan để thu hồi nợ.
- dd) Các quyền khác theo thoả thuận hoặc quy định của pháp luật.

12. NGÂN HÀNG có các nghĩa vụ sau:

- a) Bảo quản và lưu giữ an toàn Tài sản và bản gốc các giấy tờ chứng minh quyền sử dụng, quyền sở hữu và các giấy tờ khác có liên quan đến Tài sản của Bên cầm cố.
- b) Trả lại bản gốc các giấy tờ về Tài sản khi Bên vay vốn đã hoàn thành nghĩa vụ bảo đảm hoặc Tài sản được thay thế bằng tài sản bảo đảm khác hoặc giao cho người mua Tài sản khi Tài sản được xử lý theo quy định của Hợp đồng này và quy định pháp luật liên quan.
- c) Trả lại bản gốc các giấy tờ về tài sản (nếu có) tương ứng với số nợ Bên vay vốn hoặc Bên cầm cố đã trả, nếu việc giải chấp một phần tài sản không ảnh hưởng đến tính chất, tính năng sử dụng ban đầu và giá trị của tài sản cầm cố còn lại.

- d) Bồi thường thiệt hại nếu làm hư hỏng, mất bản gốc các giấy tờ về Tài sản của Bên cầm cố.

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của Bên vay vốn

1. Được vay vốn theo các điều kiện tại Hợp đồng tín dụng ký với NGÂN HÀNG và Hợp đồng này;
2. Cùng Bên cầm cố thực hiện công chứng, chứng thực Hợp đồng cầm cố, đăng ký, xoá đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật hoặc theo yêu cầu của NGÂN HÀNG, chịu trách nhiệm thanh toán các chi phí liên quan đến việc đăng ký cầm cố theo quy định của Pháp luật, kể cả trường hợp gia hạn, sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cầm cố này.
3. Thực hiện quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại Hợp đồng này, Hợp đồng tín dụng đã ký với NGÂN HÀNG và của Pháp luật.

Điều 19. Xử lý Tài sản

24. Các trường hợp xử lý Tài sản:

- tt) Khi đến thời hạn trả nợ (kể cả trường hợp phải trả nợ trước hạn) theo Hợp đồng tín dụng mà Bên vay vốn không thực hiện, thực hiện không đúng, không đủ hoặc vi phạm nghĩa vụ trả nợ NGÂN HÀNG;
- uu) Khi tài sản cầm cố giảm giá trị theo quy định của Hợp đồng này nhưng Bên vay vốn và/hoặc Bên cầm cố không khôi phục, bổ sung, thay thế được tài sản khác theo yêu cầu của NGÂN HÀNG hoặc khôi phục, bổ sung, thay thế không đủ giá trị cầm cố ban đầu;
- vv) Các trường hợp pháp luật quy định Tài sản phải được xử lý để Bên cầm cố, Bên vay vốn thực hiện nghĩa vụ khác đã đến hạn.
- ww) Bên cầm cố hoặc Bên vay vốn²³ thực hiện chuyển đổi (cổ phần hoá, chia, tách, sáp nhập, chuyển nhượng hoặc thay đổi loại hình tổ chức hoạt động) mà:
- Không trả hết nợ gốc và lãi vay được bảo đảm bằng tài sản cho NGÂN HÀNG trong vòng 30 ngày kể từ khi có quyết định chuyển đổi; hoặc
 - Không thông báo bằng văn bản cho NGÂN HÀNG về việc chuyển đổi và đề nghị cho chuyển nghĩa vụ được bảo đảm bằng tài sản cầm cố sang tổ chức mới trong trường hợp không thể trả hết nợ theo quy định trên; hoặc
 - Không có văn bản đồng ý nhận nợ của doanh nghiệp hình thành từ chuyển đổi hoặc văn bản đồng ý nhận nợ trên không được NGÂN HÀNG chấp thuận.
- xx) Bên cầm cố hoặc Bên vay vốn bị phá sản, giải thể trước khi đến hạn trả nợ hoặc không còn khả năng thanh toán nợ.

²³ Trường hợp Bên cầm cố, Bên vay vốn là cá nhân, vợ chồng hoặc hộ gia đình thì bỏ các quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 1 Điều 8 Hợp đồng này.

- yy) Bên cầm cố hoặc Bên vay vốn bị tuyên bố hạn chế, mất năng lực hành vi và năng lực pháp luật theo quy định của pháp luật, bị chết hoặc bị tuyên bố chết, bị mất tích hoặc bị tuyên bố mất tích, bị khởi tố, ly hôn hoặc liên quan đến các vụ kiện làm ảnh hưởng đến Tài sản.
- zz) Các trường hợp mà NGÂN HÀNG đơn phương xét thấy cần thiết phải xử lý Tài sản để thu hồi nợ vay trước hạn.
- aaa) Các trường hợp khác do các bên thoả thuận hoặc theo quy định pháp luật.
- bbb) Trong các trường hợp trên, mọi khoản nợ của Bên vay vốn tại NGÂN HÀNG chưa đến hạn cũng được coi là đến hạn và Tài sản đã cầm cố sẽ được xử lý để thu nợ.

25. Các phương thức xử lý Tài sản:

Trong trường hợp phải xử lý Tài sản để thu hồi nợ theo một trong các trường hợp nêu tại Khoản 1 Điều này thì Bên cầm cố bằng Hợp đồng này uỷ quyền không huỷ ngang, vô điều kiện và không hạn chế thời gian cho NGÂN HÀNG đại diện Bên cầm cố để:

- h) Lựa chọn phương thức bán Tài sản là đưa ra bán trực tiếp hoặc uỷ quyền cho cá nhân, cơ quan, tổ chức bán trực tiếp.
 - i) Bán Tài sản với giá thấp nhất do NGÂN HÀNG xác định căn cứ vào Biên bản định giá, định giá lại Tài sản của NGÂN HÀNG tại thời điểm gần nhất hoặc giá thị trường liên quan (thị trường chứng khoán, thị trường liên ngân hàng,...) tại thời điểm bán Tài sản.
 - j) NGÂN HÀNG trực tiếp nhận các khoản tiền, tài sản từ bên thứ ba trong trường hợp bên thứ ba đồng ý trả thay cho Bên cầm cố.
 - k) NGÂN HÀNG nhận chính Tài sản để thay thế cho việc thanh toán một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ được bảo đảm. Giá nhận Tài sản do hai bên thoả thuận trên cơ sở tham khảo giá thị trường và quy định có liên quan của NGÂN HÀNG về xử lý tài sản bảo đảm.
 - l) Thay mặt Bên cầm cố lập, ký tên trên các văn bản, giấy tờ, tài liệu, hợp đồng liên quan tới Tài sản và việc bán Tài sản với các cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan.
 - m) Trường hợp Tài sản bao gồm nhiều vật, nhiều phần hoặc có thể tách riêng, NGÂN HÀNG được chọn tài sản cụ thể để xử lý, đảm bảo thu hồi đủ số nợ, bao gồm nhưng không giới hạn là nợ gốc, nợ lãi (trong hạn, quá hạn), các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan (nếu có).
 - n) Trong thời gian chờ bán Tài sản, NGÂN HÀNG được quyền khai thác, sử dụng và thu hoa lợi, lợi tức từ Tài sản để thu hồi nợ.
26. Số tiền thu được từ việc xử lý Tài sản, sẽ được NGÂN HÀNG tự động trích để thanh toán các khoản nợ mà Bên cầm cố phải trả cho NGÂN HÀNG bao gồm nhưng không giới hạn theo thứ tự ưu tiên như sau:
- z) Chi phí bảo quản, bán tài sản và các chi phí phát sinh khác có liên quan;
 - aa) Nợ lãi quá hạn;

bb) Nợ lãi trong hạn;

cc) Nợ gốc;

dd) Số tiền còn dư sẽ trả lại cho Bên cầm cố, nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản không đủ để trả nợ thì Bên cầm cố, Bên vay vốn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho NGÂN HÀNG.

27. Bên cầm cố tự nguyện từ bỏ mọi quyền khiếu nại, khiếu kiện NGÂN HÀNG đối với việc NGÂN HÀNG thực hiện xử lý Tài sản theo các nội dung quy định tại Điều này. NGÂN HÀNG có toàn quyền thực hiện xử lý Tài sản như nêu trên mà không cần kiện ra Toà án hay cơ quan có thẩm quyền khác. Mọi vấn đề khác có liên quan đến việc xử lý tài sản cầm cố được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp

11. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này, trước hết sẽ được các bên trực tiếp thương lượng để giải quyết trên tinh thần thiện chí, tôn trọng các quyền và lợi ích hợp pháp của nhau. Trường hợp thương lượng không thành thì các bên có quyền yêu cầu Toà án nhân dân có thẩm quyền nơi có trụ sở của NGÂN HÀNG hoặc Toà án nhân dân nơi có Tài sản để giải quyết. Quyết định của Toà án có hiệu lực bắt buộc đối với các bên theo quy định của pháp luật.

12. Hợp đồng này được xác lập, điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

Điều 21. Cam kết của các bên

11. Bên cầm cố cam kết những thông tin về nhân thân và Tài sản đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật và tại thời điểm ký Hợp đồng này, Tài sản nói trên:

z) Được phép cầm cố theo quy định của Pháp luật;

aa) Hoàn toàn thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Bên cầm cố và không có bất kỳ sự tranh chấp nào;

bb) Chưa được chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng dưới mọi hình thức hoặc dùng để bảo đảm cho bất kỳ nghĩa vụ dân sự nào;

cc) Không bị kê biên để bảo đảm thi hành án hoặc có bất kỳ quyết định nào của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hạn chế quyền sở hữu, quyền sử dụng ngoài những hạn chế đã được nêu tại Hợp đồng này;

dd) Không có giấy tờ nào khác ngoài giấy tờ nêu tại Điều 2 của Hợp đồng này.

12. Các bên cam kết:

k) Việc giao kết Hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối và cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận trong Hợp đồng này;

l) Đã tự đọc hoặc được nghe đọc đúng, hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này.

Điều 22. Hiệu lực của Hợp đồng

7. Trường hợp (các) Hợp đồng tín dụng đã ký giữa Bên vay vốn với NGÂN HÀNG được chuyển giao từ đơn vị kinh doanh (Bên nhận cầm cố) cho bất kỳ đơn vị kinh doanh nào khác trong hệ thống NGÂN HÀNG hoặc đơn vị kinh doanh có sự thay đổi về tên gọi, mô hình tổ chức, hoạt động thì các bên không phải ký lại Hợp đồng cầm cố, chỉ cần lập văn bản ghi nhận về việc thay đổi Bên nhận cầm cố và phải đăng ký lại giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật (nếu có).
8. Trường hợp Bên cầm cố tổ chức lại pháp nhân (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi) khi Hợp đồng này vẫn còn thời hạn thực hiện thì các bên không phải ký kết lại Hợp đồng, chỉ cần lập văn bản ghi nhận về việc thay đổi Bên cầm cố và phải đăng ký lại giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật (nếu có).²⁴
9. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ khi tất cả các bên ký vào Hợp đồng và được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật (nếu có). Các Hợp đồng, phụ lục hợp đồng hoặc văn bản, tài liệu, giấy tờ được các bên thống nhất sửa đổi, bổ sung, thay thế một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng này hoặc liên quan đến Hợp đồng này là bộ phận kèm theo và có giá trị pháp lý theo Hợp đồng.
10. Các Hợp đồng được bảo đảm bằng Tài sản theo Hợp đồng cầm cố này nếu vô hiệu không làm Hợp đồng này vô hiệu. Trong trường hợp do có sự thay đổi về luật pháp, quy định hiện hành làm cho việc cầm cố tài sản đối với một hoặc một số tài sản nêu tại Điều 2 Hợp đồng này hoặc bất kỳ điều khoản nào trong Hợp đồng này vô hiệu, thì Hợp đồng này vẫn có hiệu lực với những tài sản, điều khoản còn lại.
11. Trường hợp Bản án, quyết định của tổ chức, cơ quan có Nhà nước có thẩm quyền khẳng định Hợp đồng này bị vô hiệu về hình thức, thủ tục thực hiện thì các nội dung đã được thoả thuận thống nhất theo Hợp đồng này vẫn có hiệu lực giữa các bên.
12. Hợp đồng này chỉ chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - u) Bên cầm cố hoặc Bên vay vốn đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ trả nợ được bảo đảm của Hợp đồng cầm cố này;
 - v) Các bên thoả thuận nghĩa vụ được bảo đảm theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng biện pháp khác;
 - w) Tài sản cầm cố được xử lý để thu hồi nợ theo quy định của Hợp đồng này hoặc theo quy định pháp luật.
 - x) Các trường hợp khác do các bên thoả thuận hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Điều khoản thi hành

11. Những vấn đề chưa được thoả thuận trong Hợp đồng này sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp luật.

²⁴ Trường hợp Bên cầm cố là cá nhân, vợ chồng hoặc hộ gia đình thì bỏ nội dung này.

12. Hợp đồng này được lập thành 05 bản chính, có giá trị pháp lý như nhau: NGÂN HÀNG giữ 02 bản, Bên cầm cố giữ 01 bản, Bên vay vốn giữ 01 bản, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan giữ 01 bản (nếu có).

BÊN CẦM CỐ

(Ký, ghi rõ họ tên, gồm cả
đồng sở hữu, nếu có)

BÊN VAY VỐN

(Ký, ghi rõ họ tên)

**BÊN NHẬN CẦM
CỐ**

(Ký tên, đóng dấu)

HỢP ĐỒNG CẦM CỐ GIẤY TỜ CÓ GIÁ²⁵

Số:/...../BD

*Hôm nay, ngày tháng năm 200....., tại Ngân hàng
..... chúng tôi gồm:*

12. **Bên cầm cố²⁶:**.....

- Địa chỉ :
- Điện thoại.....: Fax:
- ĐKKD số: Nơi cấp: ngày:
- Người đại diện:..... Chức vụ:
- CMND số: Nơi cấp: ngày:
- Số tài khoản tiền gửi đồng VN: Tại Ngân hàng... ..
- Số tài khoản tiền gửi ngoại tệ:..... Tại Ngân hàng... ..
- Giấy uỷ quyền số: ngày : của :

13. **Bên nhận cầm cố: Ngân hàng**

- Địa chỉ :
 - Điện thoại.....: Fax:
 - ĐKKD số: Nơi cấp: ngày:
 - Đại diện : Chức vụ:
 - Giấy uỷ quyền số: ngày : của :
- (Dưới đây, Bên nhận cầm cố được gọi tắt là “NGÂN HÀNG”)*

Cùng nhau thỏa thuận và ký Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá theo các nội dung dưới đây:

Điều 1. Nghĩa vụ được bảo đảm

19. Bên cầm cố đồng ý cầm cố Giấy tờ có giá thuộc quyền sở hữu của mình để bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ dân sự của mình đối với NGÂN HÀNG, bao gồm nhưng không giới hạn là: Tiền vay (nợ gốc), lãi vay, lãi quá hạn, chi phí xử lý Tài sản, các khoản chi phí khác và tiền bồi thường thiệt hại theo (các)

²⁵ Áp dụng trong trường hợp Bên vay vốn đồng thời là Bên cầm cố

²⁶ Nếu Bên cầm cố là một hoặc nhiều cá nhân đồng sở hữu thì cần sửa đổi, bổ sung thêm thông tin cho phù hợp như : Hộ khẩu thường trú, Số CMTND/Hộ chiếu. Trường hợp Bên cầm cố là hộ gia đình thì ghi thông tin về hộ gia đình đó và bổ sung thêm thông tin về người đại diện.

Hợp đồng tín dụng ký với NGÂN HÀNG kể từ ngày các bên ký Hợp đồng này.

20. Nghĩa vụ được bảo đảm đối với các Hợp đồng tín dụng theo thoả thuận tại khoản 1 của Điều này bao gồm cả các nghĩa vụ quy định tại các Phụ lục trong trường hợp Hợp đồng tín dụng được gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hoặc có sự sửa đổi, bổ sung làm thay đổi nghĩa vụ được bảo đảm.
21. Tổng giá trị nghĩa vụ được bảo đảm sẽ giảm theo mức độ giảm giá trị của tài sản cầm cố được xác định lại trong các Biên bản định giá lại hoặc các phụ lục hợp đồng được ký giữa các bên và cũng được sử dụng theo nguyên tắc trên. Tổng mức cho vay trong trường hợp này cũng giảm tương ứng mà không cần có sự đồng ý của Bên cầm cố.

Điều 2. Tài sản cầm cố

Tài sản cầm cố là Giấy tờ có giá thuộc quyền sở hữu của Bên cầm cố (dưới đây gọi tắt là “Tài sản”), chi tiết về Tài sản được mô tả đầy đủ theo các văn bản (Hợp đồng, giấy tờ, tài liệu) dưới đây:

13. Giấy tờ có giá thuộc quyền sở hữu của Bên cầm cố gồm:

TT	Tên, nơi phát hành Giấy tờ có giá	Số, ký hiệu	Mệnh giá (đồng)	Ngày phát hành	Ngày đến hạn
1.
2.
3.
	Tổng cộng:			

14. Toàn bộ lợi tức và lợi ích vật chất phát sinh từ hoặc liên quan đến Tài sản cũng thuộc tài sản cầm cố trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.

Điều 3. Giá trị Tài sản

13. Tổng giá trị Tài sản nêu tại Điều 2 Hợp đồng này do Bên cầm cố và NGÂN HÀNG thoả thuận xác định là đồng theo Biên bản định giá tài sản ngày Mức giá định giá trên chỉ được làm mức giá trị tham chiếu để xác định mức cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng, không sử dụng để áp dụng trong trường hợp xử lý tài sản.
14. Với giá trị tài sản này, NGÂN HÀNG đồng ý cho Bên cầm cố vay tổng số tiền (nợ gốc) cao nhất là đồng.

Điều 4. Bàn giao, quản lý Tài sản

19. Trước hoặc ngay sau khi ký kết Hợp đồng này, Bên cầm cố phải bàn giao đầy đủ Tài sản kèm theo toàn bộ giấy tờ gốc về chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng, quản lý tài sản cầm cố và các giấy tờ khác có liên quan cho NGÂN HÀNG hoặc Bên thứ ba được NGÂN HÀNG uỷ quyền/thuê gửi giữ.

20. Bên cầm cố và NGÂN HÀNG sẽ ký Biên bản bàn giao Tài sản và giấy tờ tài sản cầm cố theo mẫu của NGÂN HÀNG. Biên bản bàn giao là một phần không thể tách rời của Hợp đồng cầm cố này.
21. NGÂN HÀNG có toàn quyền quản lý, bảo quản Tài sản và các giấy tờ gốc về Tài sản hoặc chuyển giao, uỷ quyền cho Bên thứ ba quản lý, bảo quản Tài sản. Mọi chi phí quản lý, bảo quản và/hoặc gửi giữ phát sinh giữa NGÂN HÀNG với Bên thứ ba do Bên cầm cố chịu trách nhiệm thanh toán, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên cầm cố

13. Bên cầm cố có các quyền sau:

- s) Được nhận lại Tài sản đã giao cho NGÂN HÀNG khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này.
- t) Được yêu cầu NGÂN HÀNG hoặc Bên thứ ba bồi thường thiệt hại nếu làm mất, hư hỏng Tài sản.
- u) Được bổ sung, thay thế Tài sản bằng một tài sản khác, được bán, trao đổi, tặng, cho, góp vốn liên doanh bằng Tài sản khi được NGÂN HÀNG chấp thuận trước bằng văn bản. Trường hợp bán Tài sản thì NGÂN HÀNG phải được nhận số tiền thu được từ việc bán Tài sản để thanh toán nghĩa vụ trả nợ đã cam kết theo Hợp đồng này.

14. Bên cầm cố có các nghĩa vụ sau:

- ee) Bàn giao Tài sản cho NGÂN HÀNG trước hoặc ngay khi ký Hợp đồng này.
- ff) Thanh toán mọi chi phí quản lý, bảo quản và/hoặc gửi giữ Tài sản, giấy tờ về Tài sản phát sinh giữa NGÂN HÀNG với Bên thứ ba theo Hợp đồng gửi giữ Tài sản hoặc thoả thuận liên quan, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.
- gg) Phải thông báo bằng văn bản cho NGÂN HÀNG về quyền của Bên thứ ba đối với Tài sản (nếu có). Trong trường hợp không thông báo hoặc thông báo không đúng, không đầy đủ thì căn cứ vào mức độ nghiêm trọng của vi phạm NGÂN HÀNG có quyền yêu cầu bổ sung, thay thế tài sản bảo đảm, huỷ hợp đồng cầm cố và yêu cầu bồi thường thiệt hại đồng thời áp dụng các biện pháp khác để ngừng giải ngân và thu hồi nợ trước hạn.
- hh) Không được sử dụng Tài sản để cầm cố hoặc bảo đảm cho nghĩa vụ khác; không được chuyển nhượng, trao đổi, tặng cho, góp vốn hoặc có bất kỳ hình thức nào chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng Tài sản, trừ trường hợp có sự chấp thuận bằng văn bản của NGÂN HÀNG.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của NGÂN HÀNG

13. NGÂN HÀNG có các quyền sau:

- ee) Được khai thác công dụng Tài sản và hưởng hoa lợi, lợi tức từ Tài sản, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.

- ff) Được yêu cầu Bên cầm cố cung cấp thông tin về thực trạng Tài sản và giám sát, kiểm tra đột xuất hoặc định kỳ Tài sản;
- gg) Được quyền yêu cầu bên thứ ba giữ Tài sản giao Tài sản cho mình để xử lý thu hồi nợ trong trường hợp đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà Bên cầm cố không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đủ các nghĩa vụ cam kết.
- hh) Được xử lý tài sản, chuyển giao quyền thu hồi nợ hoặc uỷ quyền cho bên thứ ba xử lý Tài sản theo quy định của Hợp đồng này hoặc quy định pháp luật có liên quan để thu hồi nợ.
- ii) Các quyền khác theo thoả thuận hoặc quy định của pháp luật.

14. NGÂN HÀNG có các nghĩa vụ sau:

- a) Bảo quản và lưu giữ an toàn Tài sản và bản gốc các giấy tờ chứng minh quyền sử dụng, quyền sở hữu và các giấy tờ khác có liên quan đến Tài sản của Bên cầm cố.
- b) Trả lại bản gốc các giấy tờ về Tài sản khi Bên cầm cố đã hoàn thành nghĩa vụ bảo đảm hoặc Tài sản được thay thế bằng tài sản bảo đảm khác hoặc giao cho người mua Tài sản khi Tài sản được xử lý theo quy định của Hợp đồng này và quy định pháp luật liên quan.
- c) Trả lại bản gốc các giấy tờ về tài sản (nếu có) tương ứng với số nợ Bên cầm cố đã trả, nếu việc giải chấp một phần tài sản không ảnh hưởng đến tính chất, tính năng sử dụng ban đầu và giá trị của tài sản cầm cố còn lại.
- d) Bồi thường thiệt hại nếu làm hư hỏng, mất bản gốc các giấy tờ về Tài sản của Bên cầm cố.

Điều 7. Xử lý Tài sản

28. Các trường hợp xử lý Tài sản:

- ccc) Khi đến thời hạn trả nợ (kể cả trường hợp phải trả nợ trước hạn) theo Hợp đồng tín dụng mà Bên cầm cố không thực hiện, thực hiện không đúng, không đủ hoặc vi phạm nghĩa vụ trả nợ NGÂN HÀNG;
- ddd) Các trường hợp pháp luật quy định Tài sản phải được xử lý để Bên cầm cố thực hiện nghĩa vụ khác đã đến hạn.
- eee) Bên cầm cố²⁷ thực hiện chuyển đổi (cổ phần hoá, chia, tách, sáp nhập, chuyển nhượng hoặc thay đổi loại hình tổ chức hoạt động) mà:
 - Không trả hết nợ gốc và lãi vay được bảo đảm bằng tài sản cho NGÂN HÀNG trong vòng 30 ngày kể từ khi có quyết định chuyển đổi; hoặc
 - Không thông báo bằng văn bản cho NGÂN HÀNG về việc chuyển đổi và đề nghị cho chuyển nghĩa vụ được bảo đảm bằng tài sản cầm cố sang

²⁷ Trường hợp Bên cầm cố là cá nhân, vợ chồng hoặc hộ gia đình thì bỏ các quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 1 Điều 7 Hợp đồng này.

tổ chức mới trong trường hợp không thể trả hết nợ theo quy định trên;
hoặc

- Không có văn bản đồng ý nhận nợ của doanh nghiệp hình thành từ chuyên đổi hoặc văn bản đồng ý nhận nợ trên không được NGÂN HÀNG chấp thuận;

fff) Bên cầm cố bị phá sản, giải thể trước khi đến hạn trả nợ hoặc không còn khả năng thanh toán nợ.

ggg) Bên cầm cố bị tuyên bố hạn chế, mất năng lực hành vi và năng lực pháp luật theo quy định của pháp luật, bị chết hoặc bị tuyên bố chết, bị mất tích hoặc bị tuyên bố mất tích, bị khởi tố, ly hôn hoặc liên quan đến các vụ kiện làm ảnh hưởng đến Tài sản.

hhh) Các trường hợp mà NGÂN HÀNG đơn phương xét thấy cần thiết phải xử lý Tài sản để thu hồi nợ vay trước hạn.

iii) Các trường hợp khác do các bên thoả thuận hoặc theo quy định pháp luật.

jjj) Trong các trường hợp trên, mọi khoản nợ của Bên cầm cố tại NGÂN HÀNG chưa đến hạn cũng được coi là đến hạn và Tài sản đã cầm cố sẽ được xử lý để thu nợ.

29. Các phương thức xử lý Tài sản:

Trong trường hợp phải xử lý Tài sản để thu hồi nợ theo một trong các trường hợp nêu tại Khoản 1 Điều này thì Bên cầm cố bằng Hợp đồng này uỷ quyền không huỷ ngang, vô điều kiện và không hạn chế thời gian cho NGÂN HÀNG đại diện Bên cầm cố để:

- o) Lựa chọn phương thức bán Tài sản là đưa ra bán trực tiếp hoặc uỷ quyền cho cá nhân, cơ quan, tổ chức bán trực tiếp.
- p) Bán Tài sản với giá thấp nhất do NGÂN HÀNG xác định căn cứ vào Biên bản định giá, định giá lại Tài sản của NGÂN HÀNG tại thời điểm gần nhất hoặc giá thị trường liên quan (thị trường chứng khoán, thị trường liên ngân hàng,...) tại thời điểm bán Tài sản.
- q) NGÂN HÀNG trực tiếp nhận các khoản tiền, tài sản từ bên thứ ba trong trường hợp bên thứ ba đồng ý trả thay cho Bên cầm cố.
- r) NGÂN HÀNG nhận chính Tài sản để thay thế cho việc thanh toán một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ được bảo đảm. Giá nhận Tài sản do hai bên thoả thuận trên cơ sở tham khảo giá thị trường và quy định có liên quan của NGÂN HÀNG về xử lý tài sản bảo đảm.
- s) Thay mặt Bên cầm cố lập, ký tên trên các văn bản, giấy tờ, tài liệu, hợp đồng liên quan tới Tài sản và việc bán Tài sản với các cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan.
- t) Trường hợp Tài sản bao gồm nhiều vật hoặc có thể tách riêng, NGÂN HÀNG được chọn tài sản cụ thể để xử lý, đảm bảo thu hồi đủ số nợ, bao gồm nhưng không giới hạn là nợ gốc, nợ lãi (trong hạn, quá hạn), các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan (nếu có).

- u) Trong thời gian chờ bán Tài sản, NGÂN HÀNG được quyền khai thác, sử dụng và thu hoa lợi, lợi tức từ Tài sản để thu hồi nợ.
30. Số tiền thu được từ việc xử lý Tài sản, sẽ được NGÂN HÀNG tự động trích để thanh toán các khoản nợ mà Bên cầm cố phải trả cho NGÂN HÀNG bao gồm nhưng không giới hạn theo thứ tự ưu tiên như sau:
- ee) Chi phí bảo quản, bán tài sản và các chi phí phát sinh khác có liên quan;
 - ff) Nợ lãi quá hạn;
 - gg) Nợ lãi trong hạn;
 - hh) Nợ gốc;
 - ii) Số tiền còn dư sẽ trả lại cho Bên cầm cố, nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản không đủ để trả nợ thì Bên cầm cố phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho NGÂN HÀNG.
31. Bên cầm cố tự nguyện từ bỏ mọi quyền khiếu nại, khiếu kiện NGÂN HÀNG đối với việc NGÂN HÀNG thực hiện xử lý Tài sản theo các nội dung quy định tại Điều này. NGÂN HÀNG có toàn quyền thực hiện xử lý Tài sản như nêu trên mà không cần kiện ra Tòa án hay cơ quan có thẩm quyền khác. Mọi vấn đề khác có liên quan đến việc xử lý tài sản cầm cố được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp

13. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này, trước hết sẽ được các bên trực tiếp thương lượng để giải quyết trên tinh thần thiện chí, tôn trọng các quyền và lợi ích hợp pháp của nhau. Trường hợp thương lượng không thành thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án nhân dân có thẩm quyền nơi có trụ sở của NGÂN HÀNG hoặc Tòa án nhân dân nơi có Tài sản để giải quyết. Quyết định của Tòa án có hiệu lực bắt buộc đối với các bên theo quy định của pháp luật.
14. Hợp đồng này được xác lập, điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

Điều 9. Cam kết của các bên

13. Bên cầm cố cam kết những thông tin về nhân thân và Tài sản đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật và tại thời điểm ký Hợp đồng này, Tài sản nói trên:
- ee) Được phép cầm cố theo quy định của Pháp luật;
 - ff) Hoàn toàn thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Bên cầm cố và không có bất kỳ sự tranh chấp nào;
 - gg) Chưa được chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng dưới mọi hình thức hoặc dùng để bảo đảm cho bất kỳ nghĩa vụ dân sự nào;
 - hh) Không bị kê biên để bảo đảm thi hành án hoặc có bất kỳ quyết định nào của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hạn chế quyền sở hữu, quyền sử dụng ngoài những hạn chế đã được nêu tại Hợp đồng này;
 - ii) Không có giấy tờ nào khác ngoài giấy tờ nêu tại Điều 2 của Hợp đồng này.
14. Các bên cam kết:

- m) Việc giao kết Hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối và cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận trong Hợp đồng này;
- n) Đã tự đọc hoặc được nghe đọc đúng, hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này.

Điều 10. Hiệu lực của Hợp đồng

13. Trường hợp (các) Hợp đồng tín dụng đã ký giữa Bên vay vốn với NGÂN HÀNG được chuyển giao từ đơn vị kinh doanh (Bên nhận cầm cố) cho bất kỳ đơn vị kinh doanh nào khác trong hệ thống NGÂN HÀNG hoặc đơn vị kinh doanh có sự thay đổi về tên gọi, mô hình tổ chức, hoạt động thì các bên không phải ký lại Hợp đồng cầm cố, chỉ cần lập văn bản ghi nhận về việc thay đổi Bên nhận cầm cố và phải đăng ký lại giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật (nếu có).
14. Trường hợp Bên cầm cố tổ chức lại pháp nhân (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi) khi Hợp đồng này vẫn còn thời hạn thực hiện thì các bên không phải ký kết lại Hợp đồng, chỉ cần lập văn bản ghi nhận về việc thay đổi Bên cầm cố và phải đăng ký lại giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật (nếu có).²⁸
15. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ khi tất cả các bên ký vào Hợp đồng và được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật (nếu có). Các Hợp đồng, phụ lục hợp đồng hoặc văn bản, tài liệu, giấy tờ được các bên thống nhất sửa đổi, bổ sung, thay thế một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng này hoặc liên quan đến Hợp đồng này là bộ phận kèm theo và có giá trị pháp lý theo Hợp đồng.
16. Các Hợp đồng được bảo đảm bằng Tài sản theo Hợp đồng cầm cố này nếu vô hiệu không làm Hợp đồng này vô hiệu. Trong trường hợp do có sự thay đổi về luật pháp, quy định hiện hành làm cho việc cầm cố tài sản đối với một hoặc một số tài sản nêu tại Điều 2 Hợp đồng này hoặc bất kỳ điều khoản nào trong Hợp đồng này vô hiệu, thì Hợp đồng này vẫn có hiệu lực với những tài sản, điều khoản còn lại.
17. Trường hợp Bản án, quyết định của tổ chức, cơ quan có Nhà nước có thẩm quyền khẳng định Hợp đồng này bị vô hiệu về hình thức, thủ tục thực hiện thì các nội dung đã được thoả thuận thống nhất theo Hợp đồng này vẫn có hiệu lực giữa các bên.
18. Hợp đồng này chỉ chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - y) Bên cầm cố đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ trả nợ được bảo đảm của Hợp đồng cầm cố này;
 - z) Các bên thoả thuận nghĩa vụ được bảo đảm theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng biện pháp khác;

²⁸ Trường hợp Bên cầm cố là cá nhân, vợ chồng hoặc hộ gia đình thì bỏ nội dung này.

- aa) Tài sản cầm cố được xử lý để thu hồi nợ theo quy định của Hợp đồng này hoặc theo quy định pháp luật.
- bb) Các trường hợp khác do các bên thoả thuận hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Điều khoản thi hành

- 13. Những vấn đề chưa được thoả thuận trong Hợp đồng này sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp luật.
- 14. Hợp đồng này được lập thành 04 bản chính, có giá trị pháp lý như nhau: NGÂN HÀNG giữ 02 bản, Bên cầm cố giữ 01 bản, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan giữ 01 bản (nếu có).

BÊN CẦM CỐ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu,
nếu có)

BÊN NHẬN CẦM CỐ

(Ký tên, đóng dấu)

HỢP ĐỒNG CẦM CỐ GIẤY TỜ CÓ GIÁ²⁹

Số:/...../BD

Hôm nay, ngày tháng năm 200....., tại
chúng tôi gồm:

14. Bên cầm cố³⁰:.....

- Địa chỉ :
- Điện thoại.....: Fax:
- ĐKKD số: Nơi cấp: ngày:
- Người đại diện:..... Chức vụ:
- CMND số: Nơi cấp: ngày:
- Số tài khoản tiền gửi đồng VN: Tại Ngân hàng... ..
- Số tài khoản tiền gửi ngoại tệ:..... Tại Ngân hàng... ..
- Giấy uỷ quyền số: ngày : của :

15. Bên nhận cầm cố: Ngân hàng

- Địa chỉ :
 - Điện thoại.....: Fax:
 - ĐKKD số: Nơi cấp: ngày:
 - Đại diện : Chức vụ:
 - Giấy uỷ quyền số: ngày : của :
- (Dưới đây, Bên nhận cầm cố được gọi tắt là “NGÂN HÀNG”)

Cùng nhau thỏa thuận và ký Hợp đồng cầm cố Giấy tờ có giá theo các nội dung dưới đây:

Điều 1. Nghĩa vụ được bảo đảm

22. Bên cầm cố đồng ý cầm cố Giấy tờ có giá thuộc quyền sở hữu của mình để bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ dân sự của Bên vay vốn (là Ông/bà:....., CMTND số:..... hoặc Công ty....., Giấy CNDKKD số:.....) đối với NGÂN HÀNG, bao gồm nhưng không

²⁹ Áp dụng trong trường hợp Bên vay vốn và Bên cầm cố là hai chủ thể độc lập

³⁰ Nếu Bên cầm cố là một hoặc nhiều cá nhân đồng sở hữu thì cần sửa đổi, bổ sung thêm thông tin cho phù hợp như : Hộ khẩu thường trú, Số CMTND/Hộ chiếu. Trường hợp Bên cầm cố là hộ gia đình thì ghi thông tin về hộ gia đình đó và bổ sung thêm thông tin về người đại diện.

giới hạn là: Tiền vay (nợ gốc), lãi vay, lãi quá hạn, chi phí xử lý Tài sản, các khoản chi phí khác và tiền bồi thường thiệt hại theo (các) Hợp đồng tín dụng ký với NGÂN HÀNG kể từ ngày các bên ký Hợp đồng này.

23. Nghĩa vụ được bảo đảm đối với các Hợp đồng tín dụng theo thoả thuận tại khoản 1 của Điều này bao gồm cả các nghĩa vụ quy định tại các Phụ lục trong trường hợp Hợp đồng tín dụng được gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hoặc có sự sửa đổi, bổ sung làm thay đổi nghĩa vụ được bảo đảm.
24. Tổng giá trị nghĩa vụ được bảo đảm sẽ giảm theo mức độ giảm giá trị của tài sản cầm cố được xác định lại trong các Biên bản định giá lại hoặc các phụ lục hợp đồng được ký giữa các bên và cũng được sử dụng theo nguyên tắc trên. Tổng mức cho vay trong trường hợp này cũng giảm tương ứng mà không cần có sự đồng ý của Bên cầm cố.

Điều 2. Tài sản cầm cố

Tài sản cầm cố là Giấy tờ có giá thuộc quyền sở hữu của Bên cầm cố (dưới đây gọi tắt là “Tài sản”), chi tiết về Tài sản được mô tả đầy đủ theo các văn bản (Hợp đồng, giấy tờ, tài liệu) dưới đây:

15. Giấy tờ có giá thuộc quyền sở hữu của Bên cầm cố gồm:

TT	Tên, nơi phát hành Giấy tờ có giá	Số, ký hiệu	Mệnh giá (đồng)	Ngày phát hành	Ngày đến hạn
4.
5.
6.
	Tổng cộng:			

16. Toàn bộ lợi tức và lợi ích vật chất phát sinh từ hoặc liên quan đến Tài sản cũng thuộc tài sản cầm cố trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.

Điều 3. Giá trị Tài sản

15. Tổng giá trị Tài sản nêu tại Điều 2 Hợp đồng này do Bên cầm cố và NGÂN HÀNG thoả thuận xác định là đồng theo Biên bản định giá tài sản ngày Mức giá định giá trên chỉ được làm mức giá trị tham chiếu để xác định mức cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng, không sử dụng để áp dụng trong trường hợp xử lý tài sản.
16. Với giá trị tài sản này, NGÂN HÀNG đồng ý cho Bên vay vốn vay tổng số tiền (nợ gốc) cao nhất là đồng.

Điều 4. Bàn giao, quản lý Tài sản

22. Trước hoặc ngay sau khi ký kết Hợp đồng này, Bên cầm cố phải bàn giao đầy đủ Tài sản kèm theo toàn bộ giấy tờ gốc về chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng,

quản lý tài sản cầm cố và các giấy tờ khác có liên quan cho NGÂN HÀNG hoặc Bên thứ ba được NGÂN HÀNG uỷ quyền/thuê gửi giữ.

23. Bên cầm cố và NGÂN HÀNG sẽ ký Biên bản bàn giao Tài sản và giấy tờ tài sản cầm cố theo mẫu của NGÂN HÀNG. Biên bản bàn giao là một phần không thể tách rời của Hợp đồng cầm cố này.

24. NGÂN HÀNG có toàn quyền quản lý, bảo quản Tài sản và các giấy tờ gốc về Tài sản hoặc chuyển giao, uỷ quyền cho Bên thứ ba quản lý, bảo quản Tài sản. Mọi chi phí quản lý, bảo quản và/hoặc gửi giữ phát sinh giữa NGÂN HÀNG với Bên thứ ba do Bên cầm cố chịu trách nhiệm thanh toán, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên cầm cố

15. Bên cầm cố có các quyền sau:

- v) Được nhận lại Tài sản đã giao cho NGÂN HÀNG khi Bên vay vốn hoặc tự mình hoàn thành nghĩa vụ trả nợ nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này.
- w) Được yêu cầu NGÂN HÀNG hoặc Bên thứ ba bồi thường thiệt hại nếu làm mất, hư hỏng Tài sản.
- x) Được bổ sung, thay thế Tài sản bằng một tài sản khác, được bán, trao đổi, tặng, cho, góp vốn liên doanh bằng Tài sản khi được NGÂN HÀNG chấp thuận trước bằng văn bản. Trường hợp bán Tài sản thì NGÂN HÀNG phải được nhận số tiền thu được từ việc bán Tài sản để thanh toán nghĩa vụ trả nợ đã cam kết theo Hợp đồng này.

16. Bên cầm cố có các nghĩa vụ sau:

- ii) Bàn giao Tài sản cho NGÂN HÀNG trước hoặc ngay khi ký Hợp đồng này.
- jj) Thanh toán mọi chi phí quản lý, bảo quản và/hoặc gửi giữ Tài sản, giấy tờ về Tài sản phát sinh giữa NGÂN HÀNG với Bên thứ ba theo Hợp đồng gửi giữ Tài sản hoặc thoả thuận liên quan, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.
- kk) Phải thông báo bằng văn bản cho NGÂN HÀNG về quyền của Bên thứ ba đối với Tài sản (nếu có). Trong trường hợp không thông báo hoặc thông báo không đúng, không đầy đủ thì căn cứ vào mức độ nghiêm trọng của vi phạm NGÂN HÀNG có quyền yêu cầu bổ sung, thay thế tài sản bảo đảm, huỷ hợp đồng cầm cố và yêu cầu bồi thường thiệt hại đồng thời áp dụng các biện pháp khác để ngừng giải ngân và thu hồi nợ trước hạn.
- ll) Không được sử dụng Tài sản để cầm cố hoặc bảo đảm cho nghĩa vụ khác; không được chuyển nhượng, trao đổi, tặng cho, góp vốn hoặc có bất kỳ hình thức nào chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng Tài sản, trừ trường hợp có sự chấp thuận bằng văn bản của NGÂN HÀNG.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của NGÂN HÀNG

15. NGÂN HÀNG có các quyền sau:

- jj) Được khai thác công dụng Tài sản và hưởng hoa lợi, lợi tức từ Tài sản, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.
- kk) Được yêu cầu Bên cầm cố cung cấp thông tin về thực trạng Tài sản và giám sát, kiểm tra đột xuất hoặc định kỳ Tài sản;
- ll) Được quyền yêu cầu bên thứ ba giữ Tài sản giao Tài sản cho mình để xử lý thu hồi nợ trong trường hợp đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà Bên vay vốn hoặc Bên cầm cố không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đủ các nghĩa vụ cam kết.
- mm) Được xử lý tài sản, chuyển giao quyền thu hồi nợ hoặc uỷ quyền cho bên thứ ba xử lý Tài sản theo quy định của Hợp đồng này hoặc quy định pháp luật có liên quan để thu hồi nợ.
- nn) Các quyền khác theo thoả thuận hoặc quy định của pháp luật.

16. NGÂN HÀNG có các nghĩa vụ sau:

- a) Bảo quản và lưu giữ an toàn Tài sản và bản gốc các giấy tờ chứng minh quyền sử dụng, quyền sở hữu và các giấy tờ khác có liên quan đến Tài sản của Bên cầm cố.
- b) Trả lại bản gốc các giấy tờ về Tài sản khi Bên vay vốn đã hoàn thành nghĩa vụ bảo đảm hoặc Tài sản được thay thế bằng tài sản bảo đảm khác hoặc giao cho người mua Tài sản khi Tài sản được xử lý theo quy định của Hợp đồng này và quy định pháp luật liên quan.
- c) Trả lại bản gốc các giấy tờ về tài sản (nếu có) tương ứng với số nợ Bên vay vốn hoặc Bên cầm cố đã trả, nếu việc giải chấp một phần tài sản không ảnh hưởng đến tính chất, tính năng sử dụng ban đầu và giá trị của tài sản cầm cố còn lại.
- d) Bồi thường thiệt hại nếu làm hư hỏng, mất bản gốc các giấy tờ về Tài sản của Bên cầm cố.

Điều 7. Xử lý Tài sản

32. Các trường hợp xử lý Tài sản:

- kkk) Khi đến thời hạn trả nợ (kể cả trường hợp phải trả nợ trước hạn) theo Hợp đồng tín dụng mà Bên vay vốn không thực hiện, thực hiện không đúng, không đủ hoặc vi phạm nghĩa vụ trả nợ NGÂN HÀNG;
- lll) Các trường hợp pháp luật quy định Tài sản phải được xử lý để Bên cầm cố, Bên vay vốn thực hiện nghĩa vụ khác đã đến hạn.
- mmm)..... Bên cầm cố, Bên vay vốn³¹ thực hiện chuyển đổi (cổ phần hoá, chia, tách, sáp nhập, chuyển nhượng hoặc thay đổi loại hình tổ chức hoạt động) mà:
 - Không trả hết nợ gốc và lãi vay được bảo đảm bằng tài sản cho NGÂN HÀNG trong vòng 30 ngày kể từ khi có quyết định chuyển đổi; hoặc

³¹ Trường hợp Bên cầm cố, Bên vay vốn là cá nhân, vợ chồng hoặc hộ gia đình thì bỏ các quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 1 Điều 7 Hợp đồng này.

- Không thông báo bằng văn bản cho NGÂN HÀNG về việc chuyển đổi và đề nghị cho chuyển nghĩa vụ được bảo đảm bằng tài sản cầm cố sang tổ chức mới trong trường hợp không thể trả hết nợ theo quy định trên; hoặc
 - Không có văn bản đồng ý nhận nợ của doanh nghiệp hình thành từ chuyển đổi hoặc văn bản đồng ý nhận nợ trên không được NGÂN HÀNG chấp thuận;
- nnn) Bên cầm cố hoặc Bên vay vốn bị phá sản, giải thể trước khi đến hạn trả nợ hoặc không còn khả năng thanh toán nợ.
- ooo) Bên cầm cố hoặc Bên vay vốn bị tuyên bố hạn chế, mất năng lực hành vi và năng lực pháp luật theo quy định của pháp luật, bị chết hoặc bị tuyên bố chết, bị mất tích hoặc bị tuyên bố mất tích, bị khởi tố, ly hôn hoặc liên quan đến các vụ kiện làm ảnh hưởng đến Tài sản.
- ppp) Các trường hợp mà NGÂN HÀNG đơn phương xét thấy cần thiết phải xử lý Tài sản để thu hồi nợ vay trước hạn.
- qqq) Các trường hợp khác do các bên thoả thuận hoặc theo quy định pháp luật.
- rrr) Trong các trường hợp trên, mọi khoản nợ của Bên vay vốn tại NGÂN HÀNG chưa đến hạn cũng được coi là đến hạn và Tài sản đã cầm cố sẽ được xử lý để thu nợ.

33. Các phương thức xử lý Tài sản:

Trong trường hợp phải xử lý Tài sản để thu hồi nợ theo một trong các trường hợp nêu tại Khoản 1 Điều này thì Bên cầm cố bằng Hợp đồng này uỷ quyền không huỷ ngang, vô điều kiện và không hạn chế thời gian cho NGÂN HÀNG đại diện Bên cầm cố để:

- v) Lựa chọn phương thức bán Tài sản là đưa ra bán trực tiếp hoặc uỷ quyền cho cá nhân, cơ quan, tổ chức bán trực tiếp.
- w) Bán Tài sản với giá thấp nhất do NGÂN HÀNG xác định căn cứ vào Biên bản định giá, định giá lại Tài sản của NGÂN HÀNG tại thời điểm gần nhất hoặc giá thị trường liên quan (thị trường chứng khoán, thị trường liên ngân hàng,...) tại thời điểm bán Tài sản.
- x) NGÂN HÀNG trực tiếp nhận các khoản tiền, tài sản từ bên thứ ba trong trường hợp bên thứ ba đồng ý trả thay cho Bên cầm cố.
- y) NGÂN HÀNG nhận chính Tài sản để thay thế cho việc thanh toán một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ được bảo đảm. Giá nhận Tài sản do hai bên thoả thuận trên cơ sở tham khảo giá thị trường và quy định có liên quan của NGÂN HÀNG về xử lý tài sản bảo đảm
- z) Thay mặt Bên cầm cố lập, ký tên trên các văn bản, giấy tờ, tài liệu, hợp đồng liên quan tới Tài sản và việc bán Tài sản với các cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan..
- aa) Trường hợp Tài sản bao gồm nhiều phần hoặc có thể tách riêng, NGÂN HÀNG được chọn tài sản cụ thể để xử lý, đảm bảo thu hồi đủ số nợ, bao gồm

nhưng không giới hạn là nợ gốc, nợ lãi (trong hạn, quá hạn), các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan (nếu có).

bb) Trong thời gian chờ bán Tài sản, NGÂN HÀNG được quyền khai thác, sử dụng và thu hoa lợi, lợi tức từ Tài sản để thu hồi nợ.

34. Số tiền thu được từ việc xử lý Tài sản, sẽ được NGÂN HÀNG tự động trích để thanh toán các khoản nợ mà Bên cầm cố phải trả cho NGÂN HÀNG bao gồm nhưng không giới hạn theo thứ tự ưu tiên như sau:

jj) Chi phí bảo quản, bán tài sản và các chi phí phát sinh khác có liên quan;

kk) Nợ lãi quá hạn;

ll) Nợ lãi trong hạn;

mm) Nợ gốc;

nn) Số tiền còn dư sẽ trả lại cho Bên cầm cố, nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản không đủ để trả nợ thì Bên cầm cố, Bên vay vốn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho NGÂN HÀNG.

35. Bên cầm cố tự nguyện từ bỏ mọi quyền khiếu nại, khiếu kiện NGÂN HÀNG đối với việc NGÂN HÀNG thực hiện xử lý Tài sản theo các nội dung quy định tại Điều này. NGÂN HÀNG có toàn quyền thực hiện xử lý Tài sản như nêu trên mà không cần kiện ra Tòa án hay cơ quan có thẩm quyền khác. Mọi vấn đề khác có liên quan đến việc xử lý tài sản cầm cố được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp

15. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này, trước hết sẽ được các bên trực tiếp thương lượng để giải quyết trên tinh thần thiện chí, tôn trọng các quyền và lợi ích hợp pháp của nhau. Trường hợp thương lượng không thành thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án nhân dân có thẩm quyền nơi có trụ sở của NGÂN HÀNG hoặc Tòa án nhân dân nơi có Tài sản để giải quyết. Quyết định của Tòa án có hiệu lực bắt buộc đối với các bên theo quy định của pháp luật.

16. Hợp đồng này được xác lập, điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

Điều 9. Cam kết của các bên

15. Bên cầm cố cam kết những thông tin về nhân thân và Tài sản đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật và tại thời điểm ký Hợp đồng này, Tài sản nói trên:

jj) Được phép cầm cố theo quy định của Pháp luật;

kk) Hoàn toàn thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Bên cầm cố và không có bất kỳ sự tranh chấp nào;

ll) Chưa được chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng dưới mọi hình thức hoặc dùng để bảo đảm cho bất kỳ nghĩa vụ dân sự nào;

mm) Không bị kê biên để bảo đảm thi hành án hoặc có bất kỳ quyết định nào của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hạn chế quyền sở hữu, quyền sử dụng ngoài những hạn chế đã được nêu tại Hợp đồng này;

nn) Không có giấy tờ nào khác ngoài giấy tờ nêu tại Điều 2 của Hợp đồng này.

16. Các bên cam kết:

- o) Việc giao kết Hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối và cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận trong Hợp đồng này;
- p) Đã tự đọc hoặc được nghe đọc đúng, hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này.

Điều 10. Hiệu lực của Hợp đồng

- 19. Trường hợp (các) Hợp đồng tín dụng đã ký giữa Bên vay vốn với NGÂN HÀNG được chuyển giao từ đơn vị kinh doanh (Bên nhận cầm cố) cho bất kỳ đơn vị kinh doanh nào khác trong hệ thống NGÂN HÀNG hoặc đơn vị kinh doanh có sự thay đổi về tên gọi, mô hình tổ chức, hoạt động thì các bên không phải ký lại Hợp đồng cầm cố, chỉ cần lập văn bản ghi nhận về việc thay đổi Bên nhận cầm cố và phải đăng ký lại giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật (nếu có).
- 20. Trường hợp Bên cầm cố tổ chức lại pháp nhân (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi) khi Hợp đồng này vẫn còn thời hạn thực hiện thì các bên không phải ký kết lại Hợp đồng, chỉ cần lập văn bản ghi nhận về việc thay đổi Bên cầm cố và phải đăng ký lại giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật (nếu có).³²
- 21. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ khi tất cả các bên ký vào Hợp đồng và được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật (nếu có). Các Hợp đồng, phụ lục hợp đồng hoặc văn bản, tài liệu, giấy tờ được các bên thống nhất sửa đổi, bổ sung, thay thế một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng này hoặc liên quan đến Hợp đồng này là bộ phận kèm theo và có giá trị pháp lý theo Hợp đồng.
- 22. Các Hợp đồng được bảo đảm bằng Tài sản theo Hợp đồng cầm cố này nếu vô hiệu không làm Hợp đồng này vô hiệu. Trong trường hợp do có sự thay đổi về luật pháp, quy định hiện hành làm cho việc cầm cố tài sản đối với một hoặc một số tài sản nêu tại Điều 2 Hợp đồng này hoặc bất kỳ điều khoản nào trong Hợp đồng này vô hiệu, thì Hợp đồng này vẫn có hiệu lực với những tài sản, điều khoản còn lại.
- 23. Trường hợp Bản án, quyết định của tổ chức, cơ quan có Nhà nước có thẩm quyền khẳng định Hợp đồng này bị vô hiệu về hình thức, thủ tục thực hiện thì các nội dung đã được thoả thuận thống nhất theo Hợp đồng này vẫn có hiệu lực giữa các bên.
- 24. Hợp đồng này chỉ chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - cc) Bên cầm cố hoặc Bên vay vốn đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ trả nợ được bảo đảm của Hợp đồng cầm cố này;

³² Trường hợp Bên cầm cố là cá nhân, vợ chồng hoặc hộ gia đình thì bỏ nội dung này.

- dd) Các bên thoả thuận nghĩa vụ được bảo đảm theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng biện pháp khác;
- ee) Tài sản cầm cố được xử lý để thu hồi nợ theo quy định của Hợp đồng này hoặc theo quy định pháp luật.
- ff) Các trường hợp khác do các bên thoả thuận hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Điều khoản thi hành

- 15. Những vấn đề chưa được thoả thuận trong Hợp đồng này sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp luật.
- 16. Hợp đồng này được lập thành 04 bản chính, có giá trị pháp lý như nhau: NGÂN HÀNG giữ 02 bản, Bên cầm cố giữ 01 bản, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan giữ 01 bản (nếu có).

BÊN CẦM CỐ

(Ký, ghi rõ họ tên, gồm cả đồng sở hữu, nếu có)

BÊN NHẬN CẦM CỐ

(Ký tên, đóng dấu)

HỢP ĐỒNG CẦM CỐ GIẤY TỜ CÓ GIÁ³³...³⁴

Số:/...../BD

Hôm nay, ngày tháng năm 200....., tại
chúng tôi gồm:

16. **Bên cầm cố³⁵:**.....

- Địa chỉ :
- Điện thoại.....: Fax:
- ĐKKD số: Nơi cấp: ngày:
- Người đại diện:..... Chức vụ:
- CMND số: Nơi cấp: ngày:
- Số tài khoản tiền gửi đồng VN: Tại Ngân hàng... ..
- Số tài khoản tiền gửi ngoại tệ:..... Tại Ngân hàng... ..
- Giấy uỷ quyền số: ngày : của :

17. **Bên nhận cầm cố: Ngân hàng**

-
- Địa chỉ :
 - Điện thoại.....: Fax:
 - ĐKKD số: Nơi cấp: ngày:
 - Đại diện : Chức vụ:
 - Giấy uỷ quyền số: ngày : của :
- (Dưới đây, Bên nhận cầm cố được gọi tắt là “NGÂN HÀNG”)

18. **Bên vay vốn:**

- Địa chỉ :
- Điện thoại.....: Fax:

³³ Áp dụng đối với trường hợp cả 03 bên: Bên vay vốn, Bên cầm cố và NGÂN HÀNG cùng ký Hợp đồng.

³⁴ Ghi tên đơn vị phát hành

³⁵ Nếu Bên cầm cố là một hoặc nhiều cá nhân đồng sở hữu thì cần sửa đổi, bổ sung thêm thông tin cho phù hợp như : Hộ khẩu thường trú, Số CMTND/Hộ chiếu. Trường hợp Bên cầm cố là hộ gia đình thì ghi thông tin về hộ gia đình đó và bổ sung thêm thông tin về người đại diện.

- ĐKKD số:Nơi cấp:ngày:
- Đại diện :Chức vụ:
- CMND số:Nơi cấp:ngày:
- Giấy uỷ quyền số:ngày :của :

Cùng nhau thỏa thuận và ký Hợp đồng cầm cố Giấy tờ có giá theo các nội dung dưới đây:

Điều 1. Nghĩa vụ được bảo đảm

25. Bên cầm cố đồng ý cầm cố Giấy tờ có giá thuộc quyền sở hữu của mình để bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ dân sự của Bên vay vốn đối với NGÂN HÀNG, bao gồm nhưng không giới hạn là: Tiền vay (nợ gốc), lãi vay, lãi quá hạn, chi phí xử lý Tài sản, các khoản chi phí khác và tiền bồi thường thiệt hại theo (các) Hợp đồng tín dụng ký với NGÂN HÀNG kể từ ngày các bên ký Hợp đồng này.
26. Nghĩa vụ được bảo đảm đối với các Hợp đồng tín dụng theo thỏa thuận tại khoản 1 của Điều này bao gồm cả các nghĩa vụ quy định tại các Phụ lục trong trường hợp Hợp đồng tín dụng được gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hoặc có sự sửa đổi, bổ sung làm thay đổi nghĩa vụ được bảo đảm.
27. Tổng giá trị nghĩa vụ được bảo đảm sẽ giảm theo mức độ giảm giá trị của tài sản cầm cố được xác định lại trong các Biên bản định giá lại hoặc các phụ lục hợp đồng được ký giữa các bên và cũng được sử dụng theo nguyên tắc trên. Tổng mức cho vay trong trường hợp này cũng giảm tương ứng mà không cần có sự đồng ý của Bên cầm cố.

Điều 2. Tài sản cầm cố

Tài sản cầm cố là Giấy tờ có giá thuộc quyền sở hữu của Bên cầm cố (dưới đây gọi tắt là “Tài sản”), chi tiết về Tài sản được mô tả đầy đủ theo các văn bản (Hợp đồng, giấy tờ, tài liệu) dưới đây:

17. Giấy tờ có giá thuộc quyền sở hữu của Bên cầm cố gồm:

TT	Tên, nơi phát hành Giấy tờ có giá	Số, ký hiệu	Mệnh giá (đồng)	Ngày phát hành	Ngày đến hạn
7.
8.
9.
	Tổng cộng:			

18. Toàn bộ lợi tức và lợi ích vật chất phát sinh từ hoặc liên quan đến Tài sản cũng thuộc tài sản cầm cố trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.

Điều 3. Giá trị Tài sản

17. Tổng giá trị Tài sản nêu tại Điều 2 Hợp đồng này do Bên cầm cố và NGÂN HÀNG thoả thuận xác định là đồng theo Biên bản định giá tài sản ngày Mức giá định giá trên chỉ được làm mức giá trị tham chiếu để xác định mức cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng, không sử dụng để áp dụng trong trường hợp xử lý tài sản.

18. Với giá trị tài sản này, NGÂN HÀNG đồng ý cho Bên vay vốn vay tổng số tiền (nợ gốc) cao nhất là đồng.

Điều 4. Bàn giao, quản lý Tài sản

25. Trước hoặc ngay sau khi ký kết Hợp đồng này, Bên cầm cố phải bàn giao đầy đủ Tài sản kèm theo toàn bộ giấy tờ gốc về chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng, quản lý tài sản cầm cố và các giấy tờ khác có liên quan cho NGÂN HÀNG hoặc Bên thứ ba được NGÂN HÀNG uỷ quyền/thuê gửi giữ.

26. Bên cầm cố và NGÂN HÀNG sẽ ký Biên bản bàn giao Tài sản và giấy tờ tài sản cầm cố theo mẫu của NGÂN HÀNG. Biên bản bàn giao là một phần không thể tách rời của Hợp đồng cầm cố này.

27. NGÂN HÀNG có toàn quyền quản lý, bảo quản Tài sản và các giấy tờ gốc về Tài sản hoặc chuyển giao, uỷ quyền cho Bên thứ ba quản lý, bảo quản Tài sản. Mọi chi phí quản lý, bảo quản và/hoặc gửi giữ phát sinh giữa NGÂN HÀNG với Bên thứ ba do Bên cầm cố chịu trách nhiệm thanh toán, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên cầm cố

17. Bên cầm cố có các quyền sau:

y) Được nhận lại Tài sản đã giao cho NGÂN HÀNG khi Bên vay vốn hoặc tự mình hoàn thành nghĩa vụ trả nợ nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này.

z) Được yêu cầu NGÂN HÀNG hoặc Bên thứ ba bồi thường thiệt hại nếu làm mất, hư hỏng Tài sản.

aa) Được bổ sung, thay thế Tài sản bằng một tài sản khác, được bán, trao đổi, tặng, cho, góp vốn liên doanh bằng Tài sản khi được NGÂN HÀNG chấp thuận trước bằng văn bản. Trường hợp bán Tài sản thì NGÂN HÀNG phải được nhận số tiền thu được từ việc bán Tài sản để thanh toán nghĩa vụ trả nợ đã cam kết theo Hợp đồng này.

18. Bên cầm cố có các nghĩa vụ sau:

mm) Bàn giao Tài sản cho NGÂN HÀNG trước hoặc ngay khi ký Hợp đồng này.

nn) Thanh toán mọi chi phí quản lý, bảo quản và/hoặc gửi giữ Tài sản, giấy tờ về Tài sản phát sinh giữa NGÂN HÀNG với Bên thứ ba theo Hợp đồng

gửi giữ Tài sản hoặc thoả thuận liên quan, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.

- oo) Phải thông báo bằng văn bản cho NGÂN HÀNG về quyền của Bên thứ ba đối với Tài sản (nếu có). Trong trường hợp không thông báo hoặc thông báo không đúng, không đầy đủ thì căn cứ vào mức độ nghiêm trọng của vi phạm NGÂN HÀNG có quyền yêu cầu bổ sung, thay thế tài sản bảo đảm, huỷ hợp đồng cầm cố và yêu cầu bồi thường thiệt hại đồng thời áp dụng các biện pháp khác để ngừng giải ngân và thu hồi nợ trước hạn.
- pp) Không được sử dụng Tài sản để cầm cố hoặc bảo đảm cho nghĩa vụ khác; không được chuyển nhượng, trao đổi, tặng cho, góp vốn hoặc có bất kỳ hình thức nào chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng Tài sản, trừ trường hợp có sự chấp thuận bằng văn bản của NGÂN HÀNG.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của NGÂN HÀNG

17. NGÂN HÀNG có các quyền sau:

- oo) Được khai thác công dụng Tài sản và hưởng hoa lợi, lợi tức từ Tài sản, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.
- pp) Được yêu cầu Bên cầm cố cung cấp thông tin về thực trạng Tài sản và giám sát, kiểm tra đột xuất hoặc định kỳ Tài sản;
- qq) Được quyền yêu cầu bên thứ ba giữ Tài sản giao Tài sản cho mình để xử lý thu hồi nợ trong trường hợp đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà Bên vay vốn, Bên cầm cố không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đủ các nghĩa vụ cam kết.
- rr) Được xử lý tài sản, chuyển giao quyền thu hồi nợ hoặc uỷ quyền cho bên thứ ba xử lý Tài sản theo quy định của Hợp đồng này hoặc quy định pháp luật có liên quan để thu hồi nợ.
- ss) Các quyền khác theo thoả thuận hoặc quy định của pháp luật.

18. NGÂN HÀNG có các nghĩa vụ sau:

- a) Bảo quản và lưu giữ an toàn Tài sản và bản gốc các giấy tờ chứng minh quyền sử dụng, quyền sở hữu và các giấy tờ khác có liên quan đến Tài sản của Bên cầm cố.
- b) Trả lại bản gốc các giấy tờ về Tài sản khi Bên vay vốn đã hoàn thành nghĩa vụ bảo đảm hoặc Tài sản được thay thế bằng tài sản bảo đảm khác hoặc giao cho người mua Tài sản khi Tài sản được xử lý theo quy định của Hợp đồng này và quy định pháp luật liên quan.
- c) Trả lại bản gốc các giấy tờ về tài sản (nếu có) tương ứng với số nợ Bên vay vốn hoặc Bên cầm cố đã trả, nếu việc giải chấp một phần tài sản không ảnh hưởng đến tính chất, tính năng sử dụng ban đầu và giá trị của tài sản cầm cố còn lại.
- d) Bồi thường thiệt hại nếu làm hư hỏng, mất bản gốc các giấy tờ về Tài sản của Bên cầm cố.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Bên vay vốn

- 36.Được vay vốn theo các điều kiện tại Hợp đồng tín dụng ký với NGÂN HÀNG và Hợp đồng này.
- 37.Cùng Bên cầm cố thực hiện công chứng, chứng thực Hợp đồng cầm cố, đăng ký, xoá đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật hoặc theo yêu cầu của NGÂN HÀNG, chịu trách nhiệm thanh toán các chi phí liên quan đến việc đăng ký cầm cố theo quy định của Pháp luật, kể cả trường hợp gia hạn, sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cầm cố này.
- 38.Thực hiện quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại Hợp đồng này, Hợp đồng tín dụng đã ký với NGÂN HÀNG và của Pháp luật.

Điều 8. Xử lý Tài sản

1. Các trường hợp xử lý Tài sản:

- sss) Khi đến thời hạn trả nợ (kể cả trường hợp phải trả nợ trước hạn) theo Hợp đồng tín dụng mà Bên vay vốn không thực hiện, thực hiện không đúng, không đủ hoặc vi phạm nghĩa vụ trả nợ NGÂN HÀNG;
- ttt) Các trường hợp pháp luật quy định Tài sản phải được xử lý để Bên cầm cố, Bên vay vốn thực hiện nghĩa vụ khác đã đến hạn.
- uuu)..... Bên cầm cố, Bên vay vốn³⁶ thực hiện chuyển đổi (cổ phần hoá, chia, tách, sáp nhập, chuyển nhượng hoặc thay đổi loại hình tổ chức hoạt động) mà:
- Không trả hết nợ gốc và lãi vay được bảo đảm bằng tài sản cho NGÂN HÀNG trong vòng 30 ngày kể từ khi có quyết định chuyển đổi; hoặc
 - Không thông báo bằng văn bản cho NGÂN HÀNG về việc chuyển đổi và đề nghị cho chuyển nghĩa vụ được bảo đảm bằng tài sản cầm cố sang tổ chức mới trong trường hợp không thể trả hết nợ theo quy định trên; hoặc
 - Không có văn bản đồng ý nhận nợ của doanh nghiệp hình thành từ chuyển đổi hoặc văn bản đồng ý nhận nợ trên không được NGÂN HÀNG chấp thuận;
- vvv) Bên cầm cố, Bên vay vốn bị phá sản, giải thể trước khi đến hạn trả nợ hoặc không còn khả năng thanh toán nợ.
- www) Bên cầm cố hoặc Bên vay vốn bị tuyên bố hạn chế, mất năng lực hành vi và năng lực pháp luật theo quy định của pháp luật, bị chết hoặc bị tuyên bố chết, bị mất tích hoặc bị tuyên bố mất tích, bị khởi tố, ly hôn hoặc liên quan đến các vụ kiện làm ảnh hưởng đến Tài sản.
- xxx) Các trường hợp mà NGÂN HÀNG đơn phương xét thấy cần thiết phải xử lý Tài sản để thu hồi nợ vay trước hạn.

³⁶ Trường hợp Bên cầm cố, Bên vay vốn đều là cá nhân, vợ chồng hoặc hộ gia đình thì bỏ các quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 1 Điều 8 Hợp đồng này.

yyy) Các trường hợp khác do các bên thoả thuận hoặc theo quy định pháp luật.
zzz) Trong các trường hợp trên, mọi khoản nợ của Bên vay vốn tại NGÂN HÀNG chưa đến hạn cũng được coi là đến hạn và Tài sản đã cầm cố sẽ được xử lý để thu nợ.

2. Các phương thức xử lý Tài sản:

Trong trường hợp phải xử lý Tài sản để thu hồi nợ theo một trong các trường hợp nêu tại Khoản 1 Điều này thì Bên cầm cố bằng Hợp đồng này uỷ quyền không huỷ ngang, vô điều kiện và không hạn chế thời gian cho NGÂN HÀNG đại diện Bên cầm cố để:

cc) Lựa chọn phương thức bán Tài sản là đưa ra bán trực tiếp hoặc uỷ quyền cho cá nhân, cơ quan, tổ chức bán trực tiếp.

dd) Bán Tài sản với giá thấp nhất do NGÂN HÀNG xác định căn cứ vào Biên bản định giá, định giá lại Tài sản của NGÂN HÀNG tại thời điểm gần nhất hoặc giá thị trường liên quan (thị trường chứng khoán, thị trường liên ngân hàng,...) tại thời điểm bán Tài sản.

ee) NGÂN HÀNG trực tiếp nhận các khoản tiền, tài sản từ bên thứ ba trong trường hợp bên thứ ba đồng ý trả thay cho Bên cầm cố.

ff) NGÂN HÀNG nhận chính Tài sản để thay thế cho việc thanh toán một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ được bảo đảm. Giá nhận Tài sản do hai bên thoả thuận trên cơ sở tham khảo giá thị trường và quy định có liên quan của NGÂN HÀNG về xử lý tài sản bảo đảm

gg) Thay mặt Bên cầm cố lập, ký tên trên các văn bản, giấy tờ, tài liệu, hợp đồng liên quan tới Tài sản và việc bán Tài sản với các cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan..

hh) Trường hợp Tài sản bao gồm nhiều vật, nhiều phần hoặc có thể tách riêng, NGÂN HÀNG được chọn tài sản cụ thể để xử lý, đảm bảo thu hồi đủ số nợ, bao gồm nhưng không giới hạn là nợ gốc, nợ lãi (trong hạn, quá hạn), các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan (nếu có).

ii) Trong thời gian chờ bán Tài sản, NGÂN HÀNG được quyền khai thác, sử dụng và thu hoa lợi, lợi tức từ Tài sản để thu hồi nợ.

3. Số tiền thu được từ việc xử lý Tài sản, sẽ được NGÂN HÀNG tự động trích để thanh toán các khoản nợ mà Bên cầm cố phải trả cho NGÂN HÀNG bao gồm nhưng không giới hạn theo thứ tự ưu tiên như sau:

oo) Chi phí bảo quản, bán tài sản và các chi phí phát sinh khác có liên quan;

pp) Nợ lãi quá hạn;

qq) Nợ lãi trong hạn;

rr) Nợ gốc;

ss) Số tiền còn dư sẽ trả lại cho Bên cầm cố, nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản không đủ để trả nợ thì Bên cầm cố, Bên vay vốn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho NGÂN HÀNG.

4. Bên cầm cố tự nguyện từ bỏ mọi quyền khiếu nại, khiếu kiện NGÂN HÀNG đối với việc NGÂN HÀNG thực hiện xử lý Tài sản theo các nội dung quy định tại Điều này. NGÂN HÀNG có toàn quyền thực hiện xử lý Tài sản như nêu trên mà không cần kiện ra Toà án hay cơ quan có thẩm quyền khác. Mọi vấn đề khác có liên quan đến việc xử lý tài sản cầm cố được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp

17. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này, trước hết sẽ được các bên trực tiếp thương lượng để giải quyết trên tinh thần thiện chí, tôn trọng các quyền và lợi ích hợp pháp của nhau. Trường hợp thương lượng không thành thì các bên có quyền yêu cầu Toà án nhân dân có thẩm quyền nơi có trụ sở của NGÂN HÀNG hoặc Toà án nhân dân nơi có Tài sản để giải quyết. Quyết định của Toà án có hiệu lực bắt buộc đối với các bên theo quy định của pháp luật.
18. Hợp đồng này được xác lập, điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

Điều 10. Cam kết của các bên

17. Bên cầm cố cam kết những thông tin về nhân thân và Tài sản đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật và tại thời điểm ký Hợp đồng này, Tài sản nói trên:
- oo) Được phép cầm cố theo quy định của Pháp luật;
 - pp) Hoàn toàn thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Bên cầm cố và không có bất kỳ sự tranh chấp nào;
 - qq) Chưa được chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng dưới mọi hình thức hoặc dùng để bảo đảm cho bất kỳ nghĩa vụ dân sự nào;
 - rr) Không bị kê biên để bảo đảm thi hành án hoặc có bất kỳ quyết định nào của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hạn chế quyền sở hữu, quyền sử dụng ngoài những hạn chế đã được nêu tại Hợp đồng này;
 - ss) Không có giấy tờ nào khác ngoài giấy tờ nêu tại Điều 2 của Hợp đồng này.
18. Các bên cam kết:
- q) Việc giao kết Hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối và cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận trong Hợp đồng này;
 - r) Đã tự đọc hoặc được nghe đọc đúng, hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này.

Điều 11. Hiệu lực của Hợp đồng

25. Trường hợp (các) Hợp đồng tín dụng đã ký giữa Bên vay vốn với NGÂN HÀNG được chuyển giao từ đơn vị kinh doanh (Bên nhận cầm cố) cho bất kỳ đơn vị kinh doanh nào khác trong hệ thống NGÂN HÀNG hoặc đơn vị kinh doanh có sự thay đổi về tên gọi, mô hình tổ chức, hoạt động thì các bên không phải ký lại Hợp đồng cầm cố, chỉ cần lập văn bản ghi nhận về việc thay đổi

Bên nhận cầm cố và phải đăng ký lại giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật (nếu có).

26. Trường hợp Bên cầm cố tổ chức lại pháp nhân (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi) khi Hợp đồng này vẫn còn thời hạn thực hiện thì các bên không phải ký kết lại Hợp đồng, chỉ cần lập văn bản ghi nhận về việc thay đổi Bên cầm cố và phải đăng ký lại giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật (nếu có).³⁷
27. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ khi tất cả các bên ký vào Hợp đồng và được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật (nếu có). Các Hợp đồng, phụ lục hợp đồng hoặc văn bản, tài liệu, giấy tờ được các bên thống nhất sửa đổi, bổ sung, thay thế một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng này hoặc liên quan đến Hợp đồng này là bộ phận kèm theo và có giá trị pháp lý theo Hợp đồng.
28. Các Hợp đồng được bảo đảm bằng Tài sản theo Hợp đồng cầm cố này nếu vô hiệu không làm Hợp đồng này vô hiệu. Trong trường hợp do có sự thay đổi về luật pháp, quy định hiện hành làm cho việc cầm cố tài sản đối với một hoặc một số tài sản nêu tại Điều 2 Hợp đồng này hoặc bất kỳ điều khoản nào trong Hợp đồng này vô hiệu, thì Hợp đồng này vẫn có hiệu lực với những tài sản, điều khoản còn lại.
29. Trường hợp Bản án, quyết định của tổ chức, cơ quan có Nhà nước có thẩm quyền khẳng định Hợp đồng này bị vô hiệu về hình thức, thủ tục thực hiện thì các nội dung đã được thoả thuận thống nhất theo Hợp đồng này vẫn có hiệu lực giữa các bên.
30. Hợp đồng này chỉ chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - gg) Bên cầm cố hoặc Bên vay vốn đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ trả nợ được bảo đảm của Hợp đồng cầm cố này;
 - hh) Các bên thoả thuận nghĩa vụ được bảo đảm theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng biện pháp khác;
 - ii) Tài sản cầm cố được xử lý để thu hồi nợ theo quy định của Hợp đồng này hoặc theo quy định pháp luật.
 - jj) Các trường hợp khác do các bên thoả thuận hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Điều khoản thi hành

17. Những vấn đề chưa được thoả thuận trong Hợp đồng này sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp luật.
18. Hợp đồng này được lập thành 04 bản chính, có giá trị pháp lý như nhau: NGÂN HÀNG giữ 02 bản, Bên cầm cố giữ 01 bản, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan giữ 01 bản (nếu có).

³⁷ Trường hợp Bên cầm cố là cá nhân, vợ chồng hoặc hộ gia đình thì bỏ nội dung này.

BÊN CẦM CỐ
(Ký, ghi rõ họ tên, gồm cả
đồng sở hữu, nếu có)

BÊN VAY VỐN
(Ký, ghi rõ họ tên)

**BÊN NHẬN CẦM
CỐ**
(Ký tên, đóng dấu)

HỢP ĐỒNG CẦM CỐ TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ VỐN VAY³⁸

Số:/...../BD

Hôm nay, ngàytháng năm 200....., các bên gồm:

- **Bên cầm cố:**
 - Địa chỉ :
 - Điện thoại.....: Fax:
 - ĐKKD số:Nơi cấp:ngày:
 - Đại diện :Chức vụ:
 - CMND số:Nơi cấp:ngày:
 - Giấy uỷ quyền số:ngày :của :
- **Bên nhận cầm cố: Ngân hàng**
 - Địa chỉ :
 - Điện thoại.....: Fax:
 - Đại diện :Chức vụ:
 - Giấy uỷ quyền số:ngày :của :

***Đã thoả thuận và ký kết Hợp đồng cầm cố tài sản hình thành từ vốn vay
theo các điều khoản dưới đây:***

Điều 1. Nghĩa vụ được bảo đảm

28. Bên cầm cố đồng ý cầm cố tài sản thuộc quyền sở hữu của mình hình thành từ vốn vay để bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ dân sự của mình đối với NGÂN HÀNG, bao gồm nhưng không giới hạn là: Tiền vay (nợ gốc), lãi vay, lãi quá hạn, chi phí xử lý Tài sản, các khoản chi phí khác và tiền bồi thường thiệt hại theo (các) Hợp đồng tín dụng ký với NGÂN HÀNG kể từ ngày các bên ký Hợp đồng này.
29. Nghĩa vụ được bảo đảm đối với các Hợp đồng tín dụng theo thoả thuận tại khoản 1 của Điều này bao gồm cả các nghĩa vụ quy định tại các Phụ lục trong trường hợp Hợp đồng tín dụng được gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hoặc có sự sửa đổi, bổ sung làm thay đổi nghĩa vụ được bảo đảm.
30. Tổng giá trị nghĩa vụ được bảo đảm sẽ giảm theo mức độ giảm giá trị của tài sản cầm cố được xác định lại trong các Biên bản định giá lại hoặc các phụ lục hợp đồng được ký giữa các bên và cũng được sử dụng theo nguyên tắc trên.

³⁸ Áp dụng trong trường hợp Bên cầm cố đồng thời là Bên vay vốn.

Tổng mức cho vay trong trường hợp này cũng giảm tương ứng mà không cần có sự đồng ý của Bên cầm cố.

Điều 2. Tài sản cầm cố

Tài sản cầm cố làthuộc quyền sở hữu của Bên cầm cố (dưới đây gọi tắt là “Tài sản”), chi tiết về Tài sản được mô tả đầy đủ theo các văn bản (Hợp đồng, giấy tờ, tài liệu) dưới đây:

1. Tài sản cầm cố thuộc quyền sở hữu của Bên cầm cố gồm:

Số	Tên và đặc điểm của tài sản	Số lượng	Giấy tờ về tài sản (kể cả giấy tờ bảo hiểm)	Giá trị được
1.				
2.				
3.				

2. Toàn bộ lợi tức và lợi ích vật chất phát sinh từ, liên quan đến Tài sản, các khoản tiền bảo hiểm (nếu có) và toàn bộ vật phụ, cây trồng, trang thiết bị kèm theo, phần giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng thêm gắn liền với Tài sản cũng đều thuộc Tài sản theo Hợp đồng này trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác.

Điều 3. Giá trị Tài sản

19. Tổng giá trị Tài sản nêu tại Điều 2 Hợp đồng này do Bên cầm cố và NGÂN HÀNG thoả thuận xác định là đồng theo Biên bản định giá tài sản ngày Mức giá định giá trên chỉ được làm mức giá trị tham chiếu để xác định mức cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng, không sử dụng để áp dụng trong trường hợp xử lý tài sản.
20. Với giá trị tài sản này, NGÂN HÀNG đồng ý cho Bên cầm cố vay tổng số tiền (nợ gốc) cao nhất là đồng.

Điều 4. Bàn giao, quản lý Tài sản

28. Trước hoặc ngay sau khi ký kết Hợp đồng này, Bên cầm cố phải bàn giao đầy đủ Tài sản kèm theo toàn bộ giấy tờ gốc về chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng, quản lý tài sản cầm cố và các giấy tờ khác có liên quan cho NGÂN HÀNG hoặc Bên thứ ba được NGÂN HÀNG uỷ quyền/thuê gửi giữ.
29. Bên cầm cố và NGÂN HÀNG sẽ ký Biên bản bàn giao Tài sản và giấy tờ tài sản cầm cố theo mẫu của NGÂN HÀNG. Biên bản bàn giao là một phần không thể tách rời của Hợp đồng cầm cố này.
30. NGÂN HÀNG có toàn quyền quản lý, bảo quản Tài sản và các giấy tờ gốc về Tài sản hoặc chuyển giao, uỷ quyền cho Bên thứ ba quản lý, bảo quản Tài sản. Mọi chi phí quản lý, bảo quản và/hoặc gửi giữ phát sinh giữa NGÂN HÀNG

với Bên thứ ba do Bên cầm cố chịu trách nhiệm thanh toán, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên cầm cố

19. Bên cầm cố có các quyền sau:

- bb) Được nhận lại Tài sản đã giao cho NGÂN HÀNG khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này.
- cc) Được yêu cầu NGÂN HÀNG hoặc Bên thứ ba bồi thường thiệt hại nếu làm mất, hư hỏng Tài sản.
- dd) Được bổ sung, thay thế Tài sản bằng một tài sản khác, được bán, trao đổi, tặng, cho, góp vốn liên doanh bằng Tài sản khi được NGÂN HÀNG chấp thuận trước bằng văn bản. Trường hợp bán Tài sản thì NGÂN HÀNG phải được nhận số tiền thu được từ việc bán Tài sản để thanh toán nghĩa vụ trả nợ đã cam kết theo Hợp đồng này.

20. Bên cầm cố có các nghĩa vụ sau:

- tt) Phải thông báo cho NGÂN HÀNG về quá trình hình thành tài sản. Khi tài sản cầm cố hình thành và thuộc sở hữu của mình, thì bên cầm cố có nghĩa vụ phải giao tài sản cho NGÂN HÀNG trong thời hạn 3 ngày kể từ khi nhận được tài sản và giao giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản cho NGÂN HÀNG trong thời hạn 3 ngày kể từ khi nhận được tài sản và kể từ khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc nhận được từ các nơi khác;
- uu) Phải phối hợp với NGÂN HÀNG đăng ký giao dịch bảo đảm và chịu mọi chi phí liên quan đến việc đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của Pháp luật, kể cả trường hợp gia hạn, sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cầm cố tài sản;
- vv) Phải thông báo bằng văn bản cho NGÂN HÀNG về quyền của Bên thứ ba đối với Tài sản (nếu có). Trong trường hợp không thông báo hoặc thông báo không đúng, không đầy đủ thì căn cứ vào mức độ nghiêm trọng của vi phạm NGÂN HÀNG có quyền yêu cầu bổ sung, thay thế tài sản bảo đảm, huỷ hợp đồng cầm cố và yêu cầu bồi thường thiệt hại đồng thời áp dụng các biện pháp khác để ngừng giải ngân và thu hồi nợ trước hạn
- ww) Thanh toán mọi chi phí quản lý, bảo quản và/hoặc gửi giữ Tài sản, giấy tờ về Tài sản phát sinh giữa NGÂN HÀNG với Bên thứ ba theo Hợp đồng gửi giữ Tài sản hoặc thoả thuận liên quan, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.
- xx) Không được sử dụng Tài sản để cầm cố hoặc bảo đảm cho nghĩa vụ khác; không được chuyển nhượng, trao đổi, tặng cho, góp vốn hoặc có bất kỳ hình thức nào chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng Tài sản, trừ trường hợp có sự chấp thuận bằng văn bản của NGÂN HÀNG.
- yy) Mua và chịu chi phí mua bảo hiểm vật chất đối với Tài sản trong suốt thời gian vay vốn theo yêu cầu của NGÂN HÀNG. Hợp đồng bảo hiểm được

mua với hình thức có thể chuyển nhượng được và ký hậu theo lệnh/ký hậu đích danh NGÂN HÀNG; hoặc hợp đồng bảo hiểm nêu rõ người thụ hưởng là NGÂN HÀNG; đồng thời lập văn bản ủy quyền cho NGÂN HÀNG được hưởng tiền bảo hiểm; giao bản chính hợp đồng bảo hiểm và văn bản ủy quyền cho NGÂN HÀNG giữ. Trường hợp xảy ra các sự kiện bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm đối với Tài sản thì Bên cầm cố phải phối hợp với NGÂN HÀNG để tiến hành các thủ tục nhận tiền bảo hiểm từ tổ chức bảo hiểm để trả nợ cho NGÂN HÀNG. Trường hợp Bên cầm cố không mua, thì NGÂN HÀNG mua bảo hiểm thay cho Bên cầm cố và được tự động khấu trừ vào số tiền trả nợ.

- zz) Khi tài sản cầm cố bị hư hỏng, huỷ hoại, mất mát, giảm sút giá trị thì Bên cầm cố trong thời hạn 10 ngày hoặc thời hạn khác theo yêu cầu của NGÂN HÀNG, phải sửa chữa hoặc thay thế bằng tài sản khác có giá trị tương đương, nếu không thực hiện được, thì phải trả nợ NGÂN HÀNG trước hạn.
- aaa) Bên cầm cố có trách nhiệm bổ sung Tài sản, thay thế bằng biện pháp bảo đảm khác hoặc trả bớt nợ vay cho NGÂN HÀNG trong những trường hợp sau:
 - Giá trị Tài sản tại thời điểm định giá gần nhất đã giảm xuống dưới 75% so với Giá trị định giá ban đầu;
 - Khi Bên phát hành Tài sản cầm cố thực hiện việc giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể hoặc bị phá sản.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của NGÂN HÀNG

19. NGÂN HÀNG có các quyền sau:

- tt) Được giám sát, kiểm tra quá trình hình thành tài sản cầm cố;
- uu) Được yêu cầu Bên cầm cố cung cấp thông tin về thực trạng tài sản cầm cố và xem xét, kiểm tra trực tiếp tài sản cầm cố;
- vv) Được khai thác công dụng Tài sản và hưởng hoa lợi, lợi tức từ Tài sản, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.
- ww) Được yêu cầu Bên cầm cố cung cấp thông tin về thực trạng Tài sản và giám sát, kiểm tra đột xuất hoặc định kỳ Tài sản;
- xx) Được quyền yêu cầu bên thứ ba giữ Tài sản giao Tài sản cho mình để xử lý thu hồi nợ trong trường hợp đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà Bên cầm cố không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đủ các nghĩa vụ cam kết.
- yy) Được xử lý tài sản, chuyển giao quyền thu hồi nợ hoặc uỷ quyền cho bên thứ ba xử lý Tài sản theo quy định của Hợp đồng này hoặc quy định pháp luật có liên quan để thu hồi nợ.
- zz) Các quyền khác theo thoả thuận hoặc quy định của pháp luật.

20. NGÂN HÀNG có các nghĩa vụ sau:

- a) Bảo quản và lưu giữ an toàn Tài sản và bản gốc các giấy tờ chứng minh quyền sử dụng, quyền sở hữu và các giấy tờ khác có liên quan đến Tài sản của Bên cầm cố.
- b) Trả lại bản gốc các giấy tờ về Tài sản khi Bên cầm cố đã hoàn thành nghĩa vụ bảo đảm hoặc Tài sản được thay thế bằng tài sản bảo đảm khác hoặc giao cho người mua Tài sản khi Tài sản được xử lý theo quy định của Hợp đồng này và quy định pháp luật liên quan.
- c) Trả lại bản gốc các giấy tờ về tài sản (nếu có) tương ứng với số nợ Bên cầm cố đã trả, nếu việc giải chấp một phần tài sản không ảnh hưởng đến tính chất, tính năng sử dụng ban đầu và giá trị của tài sản cầm cố còn lại.
- d) Bồi thường thiệt hại nếu làm hư hỏng, mất bản gốc các giấy tờ về Tài sản của Bên cầm cố.

Điều 7. Xử lý Tài sản

39. Các trường hợp xử lý Tài sản:

- aaaa) Khi đến thời hạn trả nợ (kể cả trường hợp phải trả nợ trước hạn) theo Hợp đồng tín dụng mà Bên cầm cố không thực hiện, thực hiện không đúng, không đủ hoặc vi phạm nghĩa vụ trả nợ NGÂN HÀNG;
- bbbb) Khi tài sản cầm cố hư hỏng, xuống cấp, giảm giá trị theo quy định của Hợp đồng này nhưng Bên cầm cố không khôi phục, bổ sung, thay thế được tài sản khác theo yêu cầu của NGÂN HÀNG hoặc khôi phục, bổ sung, thay thế không đủ giá trị cầm cố ban đầu;
- cccc) Các trường hợp pháp luật quy định Tài sản phải được xử lý để Bên cầm cố thực hiện nghĩa vụ khác đã đến hạn.
- dddd) Bên cầm cố³⁹ thực hiện chuyển đổi (cổ phần hoá, chia, tách, sáp nhập, chuyển nhượng hoặc thay đổi loại hình tổ chức hoạt động) mà:
 - Không trả hết nợ gốc và lãi vay được bảo đảm bằng tài sản cho NGÂN HÀNG trong vòng 30 ngày kể từ khi có quyết định chuyển đổi; hoặc
 - Không thông báo bằng văn bản cho NGÂN HÀNG về việc chuyển đổi và đề nghị cho chuyển nghĩa vụ được bảo đảm bằng tài sản cầm cố sang tổ chức mới trong trường hợp không thể trả hết nợ theo quy định trên; hoặc
 - Không có văn bản đồng ý nhận nợ của doanh nghiệp hình thành từ chuyển đổi hoặc văn bản đồng ý nhận nợ trên không được NGÂN HÀNG chấp thuận;
- eeee) Bên cầm cố bị phá sản, giải thể trước khi đến hạn trả nợ hoặc không còn khả năng thanh toán nợ.

³⁹ Trường hợp Bên cầm cố là cá nhân, vợ chồng hoặc hộ gia đình thì bỏ các quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 1 Điều 7 Hợp đồng này.

ffff) Bên cầm cố bị tuyên bố hạn chế, mất năng lực hành vi và năng lực pháp luật theo quy định của pháp luật, bị chết hoặc bị tuyên bố chết, bị mất tích hoặc bị tuyên bố mất tích, bị khởi tố, ly hôn hoặc liên quan đến các vụ kiện làm ảnh hưởng đến Tài sản.

gggg) Các trường hợp mà NGÂN HÀNG đơn phương xét thấy cần thiết phải xử lý Tài sản để thu hồi nợ vay trước hạn.

hhhh) Các trường hợp khác do các bên thoả thuận hoặc theo quy định pháp luật.

iiii) Trong các trường hợp trên, mọi khoản nợ của Bên cầm cố tại NGÂN HÀNG chưa đến hạn cũng được coi là đến hạn và Tài sản đã cầm cố sẽ được xử lý để thu nợ.

40. Các phương thức xử lý Tài sản:

Trong trường hợp phải xử lý Tài sản để thu hồi nợ theo một trong các trường hợp nêu tại Khoản 1 Điều này thì Bên cầm cố bằng Hợp đồng này uỷ quyền không huỷ ngang, vô điều kiện và không hạn chế thời gian cho NGÂN HÀNG đại diện Bên cầm cố để:

jj) Lựa chọn phương thức bán Tài sản là đưa ra bán trực tiếp hoặc uỷ quyền cho cá nhân, cơ quan, tổ chức bán trực tiếp.

kk) Bán Tài sản với giá thấp nhất do NGÂN HÀNG xác định căn cứ vào Biên bản định giá, định giá lại Tài sản của NGÂN HÀNG tại thời điểm gần nhất hoặc giá thị trường liên quan (thị trường chứng khoán, thị trường liên ngân hàng,...) tại thời điểm bán Tài sản.

ll) NGÂN HÀNG trực tiếp nhận các khoản tiền, tài sản từ bên thứ ba trong trường hợp bên thứ ba đồng ý trả thay cho Bên cầm cố.

mm) NGÂN HÀNG nhận chính Tài sản để thay thế cho việc thanh toán một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ được bảo đảm. Giá nhận Tài sản do hai bên thoả thuận trên cơ sở tham khảo giá thị trường và quy định có liên quan của NGÂN HÀNG về xử lý tài sản bảo đảm.

nn) Thay mặt Bên cầm cố lập, ký tên trên các văn bản, giấy tờ, tài liệu, hợp đồng liên quan tới Tài sản và việc bán Tài sản với các cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan.

oo) Trường hợp Tài sản bao gồm nhiều vật, nhiều phần hoặc có thể tách riêng, NGÂN HÀNG được chọn tài sản cụ thể để xử lý, đảm bảo thu hồi đủ số nợ, bao gồm nhưng không giới hạn là nợ gốc, nợ lãi (trong hạn, quá hạn), các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan (nếu có).

pp) Trong thời gian chờ bán Tài sản, NGÂN HÀNG được quyền khai thác, sử dụng và thu hoa lợi, lợi tức từ Tài sản để thu hồi nợ.

41. Số tiền thu được từ việc xử lý Tài sản, sẽ được NGÂN HÀNG tự động trích để thanh toán các khoản nợ mà Bên cầm cố phải trả cho NGÂN HÀNG bao gồm nhưng không giới hạn theo thứ tự ưu tiên như sau:

tt) Chi phí bảo quản, bán tài sản và các chi phí phát sinh khác có liên quan;

uu) Nợ lãi quá hạn;

vv) Nợ lãi trong hạn;

ww) Nợ gốc;

xx) Số tiền còn dư sẽ trả lại cho Bên cầm cố, nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản không đủ để trả nợ thì Bên cầm cố phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho NGÂN HÀNG.

42. Bên cầm cố tự nguyện từ bỏ mọi quyền khiếu nại, khiếu kiện NGÂN HÀNG đối với việc NGÂN HÀNG thực hiện xử lý Tài sản theo các nội dung quy định tại Điều này. NGÂN HÀNG có toàn quyền thực hiện xử lý Tài sản như nêu trên mà không cần kiện ra Toà án hay cơ quan có thẩm quyền khác. Mọi vấn đề khác có liên quan đến việc xử lý tài sản cầm cố được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp

19. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này, trước hết sẽ được các bên trực tiếp thương lượng để giải quyết trên tinh thần thiện chí, tôn trọng các quyền và lợi ích hợp pháp của nhau. Trường hợp thương lượng không thành thì các bên có quyền yêu cầu Toà án nhân dân có thẩm quyền nơi có trụ sở của NGÂN HÀNG hoặc Toà án nhân dân nơi có Tài sản để giải quyết. Quyết định của Toà án có hiệu lực bắt buộc đối với các bên theo quy định của pháp luật.

20. Hợp đồng này được xác lập, điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

Điều 9. Cam kết của các bên

19. Bên cầm cố cam kết những thông tin về nhân thân và Tài sản đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật và tại thời điểm ký Hợp đồng này, Tài sản nói trên:

- a) Được phép cầm cố theo quy định của Pháp luật;
- b) Hoàn toàn thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Bên cầm cố và không có bất kỳ sự tranh chấp nào;
- c) Chưa được chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng dưới mọi hình thức hoặc dùng để bảo đảm cho bất kỳ nghĩa vụ dân sự nào;
- d) Không bị kê biên để bảo đảm thi hành án hoặc có bất kỳ quyết định nào của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hạn chế quyền sở hữu, quyền sử dụng ngoài những hạn chế đã được nêu tại Hợp đồng này;
- e) Không có giấy tờ nào khác ngoài giấy tờ nêu tại Điều 2 của Hợp đồng này.

20. Các bên cam kết:

- s) Việc giao kết Hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối và cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận trong Hợp đồng này;
- t) Sau khi Tài sản được hình thành xong, NGÂN HÀNG sẽ quyết định việc ký lại Hợp đồng hoặc Phụ lục Hợp đồng cầm cố trừ trường hợp phải thực hiện theo quy định của Pháp luật. Trường hợp Bên cầm cố vì bất kỳ lý do gì từ chối ký lại Hợp đồng hoặc Phụ lục Hợp đồng cầm cố theo quy định

của Pháp luật thì Hợp đồng này vẫn đương nhiên giữ nguyên hiệu lực và có giá trị pháp lý ràng buộc giữa các bên. Bên cầm cố phải chịu mọi trách nhiệm trước Pháp luật và NGÂN HÀNG về việc từ chối thực hiện nghĩa vụ nói trên .

- u) Đã tự đọc hoặc được nghe đọc đúng, hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này.

Điều 10. Hiệu lực của Hợp đồng

31. Trường hợp (các) Hợp đồng tín dụng đã ký giữa Bên vay vốn với NGÂN HÀNG được chuyển giao từ đơn vị kinh doanh (Bên nhận cầm cố) cho bất kỳ đơn vị kinh doanh nào khác trong hệ thống NGÂN HÀNG hoặc đơn vị kinh doanh có sự thay đổi về tên gọi, mô hình tổ chức, hoạt động thì các bên không phải ký lại Hợp đồng cầm cố, chỉ cần lập văn bản ghi nhận về việc thay đổi Bên nhận cầm cố và phải đăng ký lại giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật (nếu có).
32. Trường hợp Bên cầm cố tổ chức lại pháp nhân (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi) khi Hợp đồng này vẫn còn thời hạn thực hiện thì các bên không phải ký kết lại Hợp đồng, chỉ cần lập văn bản ghi nhận về việc thay đổi Bên cầm cố và phải đăng ký lại giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật (nếu có).⁴⁰
33. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ khi tất cả các bên ký vào Hợp đồng và được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật (nếu có). Các Hợp đồng, phụ lục hợp đồng hoặc văn bản, tài liệu, giấy tờ được các bên thống nhất sửa đổi, bổ sung, thay thế một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng này hoặc liên quan đến Hợp đồng này là bộ phận kèm theo và có giá trị pháp lý theo Hợp đồng.
34. Các Hợp đồng được bảo đảm bằng Tài sản theo Hợp đồng cầm cố này nếu vô hiệu không làm Hợp đồng này vô hiệu. Trong trường hợp do có sự thay đổi về luật pháp, quy định hiện hành làm cho việc cầm cố tài sản đối với một hoặc một số tài sản nêu tại Điều 2 Hợp đồng này hoặc bất kỳ điều khoản nào trong Hợp đồng này vô hiệu, thì Hợp đồng này vẫn có hiệu lực với những tài sản, điều khoản còn lại.
35. Trường hợp Bản án, quyết định của tổ chức, cơ quan có Nhà nước có thẩm quyền khẳng định Hợp đồng này bị vô hiệu về hình thức, thủ tục thực hiện thì các nội dung đã được thoả thuận thống nhất theo Hợp đồng này vẫn có hiệu lực giữa các bên.
36. Hợp đồng này chỉ chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
- kk) Bên cầm cố đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ trả nợ được bảo đảm của Hợp đồng cầm cố này;
 - ll) Các bên thoả thuận nghĩa vụ được bảo đảm theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng biện pháp khác;

⁴⁰ Trường hợp Bên cầm cố là cá nhân, vợ chồng hoặc hộ gia đình thì bỏ nội dung này.

mm) Tài sản cầm cố được xử lý để thu hồi nợ theo quy định của Hợp đồng này hoặc theo quy định pháp luật.

nn) Các trường hợp khác do các bên thoả thuận hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Điều khoản thi hành

19. Những vấn đề chưa được thoả thuận trong Hợp đồng này sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp luật.

20. Hợp đồng này được lập thành 04 bản chính, có giá trị pháp lý như nhau: NGÂN HÀNG giữ 02 bản, Bên cầm cố giữ 01 bản, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan giữ 01 bản (nếu có).

BÊN CẦM CỐ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu,
nếu có)

BÊN NHẬN CẦM CỐ

(Ký tên, đóng dấu)

HỢP ĐỒNG CẦM CỐ TÀI SẢN⁴¹

Số:/...../BD

*Hôm nay, ngày tháng năm 200....., tại
..... chúng tôi gồm:*

19. **Bên cầm cố⁴²:**.....
- Địa chỉ :
 - Điện thoại.....: Fax:
 - ĐKKD số : Nơi cấp: ngày:
 - Người đại diện:..... Chức vụ:
 - CMND số: Nơi cấp: ngày:
 - Số tài khoản tiền gửi đồng VN:..... Tại Ngân hàng... ..
 - Số tài khoản tiền gửi ngoại tệ:..... Tại Ngân hàng... ..
 - Giấy uỷ quyền số: ngày : của :
20. **Bên nhận cầm cố: Ngân hàng**
- Địa chỉ :
 - Điện thoại.....: Fax:
 - ĐKKD số : Nơi cấp: ngày:
 - Đại diện : Chức vụ:
 - Giấy uỷ quyền số: ngày : của :
- (Dưới đây, Bên nhận cầm cố được gọi tắt là “NGÂN HÀNG”)*

Cùng nhau thỏa thuận và ký Hợp đồng cầm cố tài sản theo các nội dung dưới đây:

Điều 12. Nghĩa vụ được bảo đảm

31. Bên cầm cố đồng ý cầm cố tài sản thuộc quyền sở hữu của mình để bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ dân sự của mình đối với NGÂN HÀNG, bao gồm nhưng không giới hạn là: Tiền vay (nợ gốc), lãi vay, lãi quá hạn, chi phí xử lý

⁴¹ Áp dụng trong trường hợp Bên cầm cố đồng thời là Bên vay vốn.

⁴² Nếu Bên cầm cố là một hoặc nhiều cá nhân đồng sở hữu thì cần sửa đổi, bổ sung thêm thông tin cho phù hợp như : Hộ khẩu thường trú, Số CMTND/Hộ chiếu. Trường hợp Bên cầm cố là hộ gia đình thì ghi thông tin về hộ gia đình đó và bổ sung thêm thông tin về người đại diện.

Tài sản, các khoản chi phí khác và tiền bồi thường thiệt hại theo (các) Hợp đồng tín dụng ký với NGÂN HÀNG kể từ ngày các bên ký Hợp đồng này.

32. Nghĩa vụ được bảo đảm đối với các Hợp đồng tín dụng theo thoả thuận tại khoản 1 của Điều này bao gồm cả các nghĩa vụ quy định tại các Phụ lục trong trường hợp Hợp đồng tín dụng được gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hoặc có sự sửa đổi, bổ sung làm thay đổi nghĩa vụ được bảo đảm.
33. Tổng giá trị nghĩa vụ được bảo đảm sẽ giảm theo mức độ giảm giá trị của tài sản cầm cố được xác định lại trong các Biên bản định giá lại hoặc các phụ lục hợp đồng được ký giữa các bên và cũng được sử dụng theo nguyên tắc trên. Tổng mức cho vay trong trường hợp này cũng giảm tương ứng mà không cần có sự đồng ý của Bên cầm cố.

Điều 13. Tài sản cầm cố

Tài sản cầm cố làthuộc quyền sở hữu của Bên cầm cố (dưới đây gọi tắt là “Tài sản”), chi tiết về Tài sản được mô tả đầy đủ theo các văn bản (Hợp đồng, giấy tờ, tài liệu) dưới đây:

3. Tài sản cầm cố thuộc quyền sở hữu của Bên cầm cố gồm:

	Tên và đặc	Số	Giấy tờ về tài sản	Giá
4.				
5.				
6.				

4. Toàn bộ lợi tức và lợi ích vật chất phát sinh từ, liên quan đến Tài sản, các khoản tiền bảo hiểm (nếu có) và toàn bộ vật phụ, cây trồng, trang thiết bị kèm theo, phần giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng thêm gắn liền với Tài sản cũng đều thuộc Tài sản theo Hợp đồng này trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác.

Điều 14. Giá trị Tài sản

21. Tổng giá trị Tài sản nêu tại Điều 2 Hợp đồng này do Bên cầm cố và NGÂN HÀNG thoả thuận xác định là đồng theo Biên bản định giá tài sản ngày Mức giá định giá trên chỉ được làm mức giá trị tham chiếu để xác định mức cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng, không sử dụng để áp dụng trong trường hợp xử lý tài sản.
22. Với giá trị tài sản này, NGÂN HÀNG đồng ý cho Bên cầm cố vay tổng số tiền (nợ gốc) cao nhất là đồng.

Điều 15. Bàn giao, quản lý Tài sản

31. Trước hoặc ngay sau khi ký kết Hợp đồng này, Bên cầm cố phải bàn giao đầy đủ Tài sản kèm theo toàn bộ giấy tờ gốc về chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng,

quản lý tài sản cầm cố và các giấy tờ khác có liên quan cho NGÂN HÀNG hoặc Bên thứ ba được NGÂN HÀNG uỷ quyền/thuê gửi giữ.

32. Bên cầm cố và NGÂN HÀNG sẽ ký Biên bản bàn giao Tài sản và giấy tờ tài sản cầm cố theo mẫu của NGÂN HÀNG. Biên bản bàn giao là một phần không thể tách rời của Hợp đồng cầm cố này.

33. NGÂN HÀNG có toàn quyền quản lý, bảo quản Tài sản và các giấy tờ gốc về Tài sản hoặc chuyển giao, uỷ quyền cho Bên thứ ba quản lý, bảo quản Tài sản. Mọi chi phí quản lý, bảo quản và/hoặc gửi giữ phát sinh giữa NGÂN HÀNG với Bên thứ ba do Bên cầm cố chịu trách nhiệm thanh toán, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Bên cầm cố

21. Bên cầm cố có các quyền sau:

ee) Được nhận lại Tài sản đã giao cho NGÂN HÀNG khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này.

ff) Được yêu cầu NGÂN HÀNG hoặc Bên thứ ba bồi thường thiệt hại nếu làm mất, hư hỏng Tài sản.

gg) Được bổ sung, thay thế Tài sản bằng một tài sản khác, được bán, trao đổi, tặng, cho, góp vốn liên doanh bằng Tài sản khi được NGÂN HÀNG chấp thuận trước bằng văn bản. Trường hợp bán Tài sản thì NGÂN HÀNG phải được nhận số tiền thu được từ việc bán Tài sản để thanh toán nghĩa vụ trả nợ đã cam kết theo Hợp đồng này.

22. Bên cầm cố có các nghĩa vụ sau:

qq) Bàn giao Tài sản cho NGÂN HÀNG trước hoặc ngay khi ký Hợp đồng này.

rr) Thanh toán mọi chi phí quản lý, bảo quản và/hoặc gửi giữ Tài sản, giấy tờ về Tài sản phát sinh giữa NGÂN HÀNG với Bên thứ ba theo Hợp đồng gửi giữ Tài sản hoặc thoả thuận liên quan, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.

ss) Phải thông báo bằng văn bản cho NGÂN HÀNG về quyền của Bên thứ ba đối với Tài sản (nếu có). Trong trường hợp không thông báo hoặc thông báo không đúng, không đầy đủ thì căn cứ vào mức độ nghiêm trọng của vi phạm NGÂN HÀNG có quyền yêu cầu bổ sung, thay thế tài sản bảo đảm, huỷ hợp đồng cầm cố và yêu cầu bồi thường thiệt hại đồng thời áp dụng các biện pháp khác để ngừng giải ngân và thu hồi nợ trước hạn

tt) Không được sử dụng Tài sản để cầm cố hoặc bảo đảm cho nghĩa vụ khác; không được chuyển nhượng, trao đổi, tặng cho, góp vốn hoặc có bất kỳ hình thức nào chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng Tài sản, trừ trường hợp có sự chấp thuận bằng văn bản của NGÂN HÀNG.

uu) Mua và chịu chi phí mua bảo hiểm vật chất đối với Tài sản trong suốt thời gian vay vốn theo yêu cầu của NGÂN HÀNG. Hợp đồng bảo hiểm được mua với hình thức có thể chuyển nhượng được và ký hậu theo lệnh/ký hậu đích danh NGÂN HÀNG; hoặc hợp đồng bảo hiểm nêu rõ người thụ hưởng

là NGÂN HÀNG; đồng thời lập văn bản ủy quyền cho NGÂN HÀNG được hưởng tiền bảo hiểm; giao bản chính hợp đồng bảo hiểm và văn bản ủy quyền cho NGÂN HÀNG giữ. Trường hợp xảy ra các sự kiện bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm đối với Tài sản thì Bên cầm cố phải phối hợp với NGÂN HÀNG để tiến hành các thủ tục nhận tiền bảo hiểm từ tổ chức bảo hiểm để trả nợ cho NGÂN HÀNG. Trường hợp Bên cầm cố không mua, thì NGÂN HÀNG mua bảo hiểm thay cho Bên cầm cố và được tự động khấu trừ vào số tiền trả nợ.

- vv) Khi tài sản cầm cố bị hư hỏng, huỷ hoại, mất mát, giảm sút giá trị thì Bên cầm cố trong thời hạn 10 ngày hoặc thời hạn khác theo yêu cầu của NGÂN HÀNG, phải sửa chữa hoặc thay thế bằng tài sản khác có giá trị tương đương, nếu không thực hiện được, thì phải trả nợ NGÂN HÀNG trước hạn.
- ww) Bên cầm cố có trách nhiệm bổ sung Tài sản, thay thế bằng biện pháp bảo đảm khác hoặc trả bớt nợ vay cho NGÂN HÀNG trong những trường hợp sau:
 - Giá trị Tài sản tại thời điểm định giá gần nhất đã giảm xuống dưới 75% so với Giá trị định giá ban đầu;
 - Khi Bên phát hành Tài sản cầm cố thực hiện việc giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể hoặc bị phá sản.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của NGÂN HÀNG

21. NGÂN HÀNG có các quyền sau:

- aaa) Được khai thác công dụng Tài sản và hưởng hoa lợi, lợi tức từ Tài sản, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.
- bbb) Được yêu cầu Bên cầm cố cung cấp thông tin về thực trạng Tài sản và giám sát, kiểm tra đột xuất hoặc định kỳ Tài sản;
- ccc) Được quyền yêu cầu bên thứ ba giữ Tài sản giao Tài sản cho mình để xử lý thu hồi nợ trong trường hợp đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà Bên cầm cố không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đủ các nghĩa vụ cam kết.
- ddd) Được xử lý tài sản, chuyển giao quyền thu hồi nợ hoặc uỷ quyền cho bên thứ ba xử lý Tài sản theo quy định của Hợp đồng này hoặc quy định pháp luật có liên quan để thu hồi nợ.
- eee) Các quyền khác theo thoả thuận hoặc quy định của pháp luật.

22. NGÂN HÀNG có các nghĩa vụ sau:

- a) Bảo quản và lưu giữ an toàn Tài sản và bản gốc các giấy tờ chứng minh quyền sử dụng, quyền sở hữu và các giấy tờ khác có liên quan đến Tài sản của Bên cầm cố.
- b) Trả lại bản gốc các giấy tờ về Tài sản khi Bên cầm cố đã hoàn thành nghĩa vụ bảo đảm hoặc Tài sản được thay thế bằng tài sản bảo đảm khác hoặc

giao cho người mua Tài sản khi Tài sản được xử lý theo quy định của Hợp đồng này và quy định pháp luật liên quan.

- c) Trả lại bản gốc các giấy tờ về tài sản (nếu có) tương ứng với số nợ Bên cầm cố đã trả, nếu việc giải chấp một phần tài sản không ảnh hưởng đến tính chất, tính năng sử dụng ban đầu và giá trị của tài sản cầm cố còn lại.
- d) Bồi thường thiệt hại nếu làm hư hỏng, mất bản gốc các giấy tờ về Tài sản của Bên cầm cố.

Điều 18. Xử lý Tài sản

43. Các trường hợp xử lý Tài sản:

jjjj) Khi đến thời hạn trả nợ (kể cả trường hợp phải trả nợ trước hạn) theo Hợp đồng tín dụng mà Bên cầm cố không thực hiện, thực hiện không đúng, không đủ hoặc vi phạm nghĩa vụ trả nợ NGÂN HÀNG;

kkkk) Khi tài sản cầm cố hư hỏng, xuống cấp, giảm giá trị theo quy định của Hợp đồng này nhưng Bên cầm cố không khôi phục, bổ sung, thay thế được tài sản khác theo yêu cầu của NGÂN HÀNG hoặc khôi phục, bổ sung, thay thế không đủ giá trị cầm cố ban đầu;

llll) Các trường hợp pháp luật quy định Tài sản phải được xử lý để Bên cầm cố thực hiện nghĩa vụ khác đã đến hạn.

mmmm) Bên cầm cố⁴³ thực hiện chuyển đổi (cổ phần hoá, chia, tách, sáp nhập, chuyển nhượng hoặc thay đổi loại hình tổ chức hoạt động) mà:

- Không trả hết nợ gốc và lãi vay được bảo đảm bằng tài sản cho NGÂN HÀNG trong vòng 30 ngày kể từ khi có quyết định chuyển đổi; hoặc
- Không thông báo bằng văn bản cho NGÂN HÀNG về việc chuyển đổi và đề nghị cho chuyển nghĩa vụ được bảo đảm bằng tài sản cầm cố sang tổ chức mới trong trường hợp không thể trả hết nợ theo quy định trên; hoặc
- Không có văn bản đồng ý nhận nợ của doanh nghiệp hình thành từ chuyển đổi hoặc văn bản đồng ý nhận nợ trên không được NGÂN HÀNG chấp thuận;

nnnn) Bên cầm cố bị phá sản, giải thể trước khi đến hạn trả nợ hoặc không còn khả năng thanh toán nợ.

oooo) Bên cầm cố bị tuyên bố hạn chế, mất năng lực hành vi và năng lực pháp luật theo quy định của pháp luật, bị chết hoặc bị tuyên bố chết, bị mất tích hoặc bị tuyên bố mất tích, bị khởi tố, ly hôn hoặc liên quan đến các vụ kiện làm ảnh hưởng đến Tài sản.

⁴³ Trường hợp Bên cầm cố là cá nhân, vợ chồng hoặc hộ gia đình thì bỏ các quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 1 Điều 7 Hợp đồng này.

pppp) Các trường hợp mà NGÂN HÀNG đơn phương xét thấy cần thiết phải xử lý Tài sản để thu hồi nợ vay trước hạn.

qqqq) Các trường hợp khác do các bên thoả thuận hoặc theo quy định pháp luật.

rrrr) Trong các trường hợp trên, mọi khoản nợ của Bên cầm cố tại NGÂN HÀNG chưa đến hạn cũng được coi là đến hạn và Tài sản đã cầm cố sẽ được xử lý để thu nợ.

44. Các phương thức xử lý Tài sản:

Trong trường hợp phải xử lý Tài sản để thu hồi nợ theo một trong các trường hợp nêu tại Khoản 1 Điều này thì Bên cầm cố bằng Hợp đồng này uỷ quyền không huỷ ngang, vô điều kiện và không hạn chế thời gian cho NGÂN HÀNG đại diện Bên cầm cố để:

qq) Lựa chọn phương thức bán Tài sản là đưa ra bán trực tiếp hoặc uỷ quyền cho cá nhân, cơ quan, tổ chức bán trực tiếp.

rr) Bán Tài sản với giá thấp nhất do NGÂN HÀNG xác định căn cứ vào Biên bản định giá, định giá lại Tài sản của NGÂN HÀNG tại thời điểm gần nhất hoặc giá thị trường liên quan (thị trường chứng khoán, thị trường liên ngân hàng,...) tại thời điểm bán Tài sản.

ss) NGÂN HÀNG trực tiếp nhận các khoản tiền, tài sản từ bên thứ ba trong trường hợp bên thứ ba đồng ý trả thay cho Bên cầm cố.

tt) NGÂN HÀNG nhận chính Tài sản để thay thế cho việc thanh toán một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ được bảo đảm. Giá nhận Tài sản do hai bên thoả thuận trên cơ sở tham khảo giá thị trường và quy định có liên quan của NGÂN HÀNG về xử lý tài sản bảo đảm.

uu) Thay mặt Bên cầm cố lập, ký tên trên các văn bản, giấy tờ, tài liệu, hợp đồng liên quan tới Tài sản và việc bán Tài sản với các cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan.

vv) Trường hợp Tài sản bao gồm nhiều vật, nhiều phần hoặc có thể tách riêng, NGÂN HÀNG được chọn tài sản cụ thể để xử lý, đảm bảo thu hồi đủ số nợ, bao gồm nhưng không giới hạn là nợ gốc, nợ lãi (trong hạn, quá hạn), các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan (nếu có).

ww) Trong thời gian chờ bán Tài sản, NGÂN HÀNG được quyền khai thác, sử dụng và thu hoa lợi, lợi tức từ Tài sản để thu hồi nợ...

45. Số tiền thu được từ việc xử lý Tài sản, sẽ được NGÂN HÀNG tự động trích để thanh toán các khoản nợ mà Bên cầm cố phải trả cho NGÂN HÀNG bao gồm nhưng không giới hạn theo thứ tự ưu tiên như sau:

yy) Chi phí bảo quản, bán tài sản và các chi phí phát sinh khác có liên quan;

zz) Nợ lãi quá hạn;

aaa) Nợ lãi trong hạn;

bbb) Nợ gốc;

ccc) Số tiền còn dư sẽ trả lại cho Bên cầm cố, nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản không đủ để trả nợ thì Bên cầm cố phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho NGÂN HÀNG.

46. Bên cầm cố tự nguyện từ bỏ mọi quyền khiếu nại, khiếu kiện NGÂN HÀNG đối với việc NGÂN HÀNG thực hiện xử lý Tài sản theo các nội dung quy định tại Điều này. NGÂN HÀNG có toàn quyền thực hiện xử lý Tài sản như nêu trên mà không cần kiện ra Tòa án hay cơ quan có thẩm quyền khác. Mọi vấn đề khác có liên quan đến việc xử lý tài sản cầm cố được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp

21. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này, trước hết sẽ được các bên trực tiếp thương lượng để giải quyết trên tinh thần thiện chí, tôn trọng các quyền và lợi ích hợp pháp của nhau. Trường hợp thương lượng không thành thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án nhân dân có thẩm quyền nơi có trụ sở của NGÂN HÀNG hoặc Tòa án nhân dân nơi có Tài sản để giải quyết. Quyết định của Tòa án có hiệu lực bắt buộc đối với các bên theo quy định của pháp luật.

22. Hợp đồng này được xác lập, điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

Điều 20. Cam kết của các bên

21. Bên cầm cố cam kết những thông tin về nhân thân và Tài sản đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật và tại thời điểm ký Hợp đồng này, Tài sản nói trên:

bbb) Được phép cầm cố theo quy định của Pháp luật;

ccc) Hoàn toàn thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Bên cầm cố và không có bất kỳ sự tranh chấp nào;

ddd) Chưa được chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng dưới mọi hình thức hoặc dùng để bảo đảm cho bất kỳ nghĩa vụ dân sự nào;

eee) Không bị kê biên để bảo đảm thi hành án hoặc có bất kỳ quyết định nào của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hạn chế quyền sở hữu, quyền sử dụng ngoài những hạn chế đã được nêu tại Hợp đồng này;

fff) Không có giấy tờ nào khác ngoài giấy tờ nêu tại Điều 2 của Hợp đồng này.

22. Các bên cam kết:

v) Việc giao kết Hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối và cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận trong Hợp đồng này;

w) Đã tự đọc hoặc được nghe đọc đúng, hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này.

Điều 21. Hiệu lực của Hợp đồng

37. Trường hợp (các) Hợp đồng tín dụng đã ký giữa Bên vay vốn với NGÂN HÀNG được chuyển giao từ đơn vị kinh doanh (Bên nhận cầm cố) cho bất kỳ đơn vị kinh doanh nào khác trong hệ thống NGÂN HÀNG hoặc đơn vị kinh

doanh có sự thay đổi về tên gọi, mô hình tổ chức, hoạt động thì các bên không phải ký lại Hợp đồng cầm cố, chỉ cần lập văn bản ghi nhận về việc thay đổi Bên nhận cầm cố và phải đăng ký lại giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật (nếu có).

38. Trường hợp Bên cầm cố tổ chức lại pháp nhân (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi) khi Hợp đồng này vẫn còn thời hạn thực hiện thì các bên không phải ký kết lại Hợp đồng, chỉ cần lập văn bản ghi nhận về việc thay đổi Bên cầm cố và phải đăng ký lại giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật (nếu có).⁴⁴
39. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ khi tất cả các bên ký vào Hợp đồng và được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật (nếu có). Các Hợp đồng, phụ lục hợp đồng hoặc văn bản, tài liệu, giấy tờ được các bên thống nhất sửa đổi, bổ sung, thay thế một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng này hoặc liên quan đến Hợp đồng này là bộ phận kèm theo và có giá trị pháp lý theo Hợp đồng.
40. Các Hợp đồng được bảo đảm bằng Tài sản theo Hợp đồng cầm cố này nếu vô hiệu không làm Hợp đồng này vô hiệu. Trong trường hợp do có sự thay đổi về luật pháp, quy định hiện hành làm cho việc cầm cố tài sản đối với một hoặc một số tài sản nêu tại Điều 2 Hợp đồng này hoặc bất kỳ điều khoản nào trong Hợp đồng này vô hiệu, thì Hợp đồng này vẫn có hiệu lực với những tài sản, điều khoản còn lại.
41. Trường hợp Bản án, quyết định của tổ chức, cơ quan có Nhà nước có thẩm quyền khẳng định Hợp đồng này bị vô hiệu về hình thức, thủ tục thực hiện thì các nội dung đã được thoả thuận thống nhất theo Hợp đồng này vẫn có hiệu lực giữa các bên.
42. Hợp đồng này chỉ chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - oo) Bên cầm cố đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ trả nợ được bảo đảm của Hợp đồng cầm cố này;
 - pp) Các bên thoả thuận nghĩa vụ được bảo đảm theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng biện pháp khác;
 - qq) Tài sản cầm cố được xử lý để thu hồi nợ theo quy định của Hợp đồng này hoặc theo quy định pháp luật.
 - rr) Các trường hợp khác do các bên thoả thuận hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Điều khoản thi hành

21. Những vấn đề chưa được thoả thuận trong Hợp đồng này sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp luật.
22. Hợp đồng này được lập thành 04 bản chính, có giá trị pháp lý như nhau: NGÂN HÀNG giữ 02 bản, Bên cầm cố giữ 01 bản, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan giữ 01 bản (nếu có).

⁴⁴ Trường hợp Bên cầm cố là cá nhân, vợ chồng hoặc hộ gia đình thì bỏ nội dung này.

BÊN CẦM CỐ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu,
nếu có)

BÊN NHẬN CẦM CỐ

(Ký tên, đóng dấu)

HỢP ĐỒNG CẦM CỐ TÀI SẢN⁴⁵

Số:/...../BD

*Hôm nay, ngày tháng năm 200....., tại
.....chúng tôi gồm:*

21. **Bên cầm cố⁴⁶:**.....
- Địa chỉ :
 - Điện thoại.....: Fax:
 - ĐKKD số :Nơi cấp:ngày:
 - Người đại diện:.....Chức vụ:
 - CMND số:Nơi cấp:ngày:
 - Số tài khoản tiền gửi đồng VN:..... Tại Ngân hàng... ..
 - Số tài khoản tiền gửi ngoại tệ:..... Tại Ngân hàng... ..
 - Giấy uỷ quyền số: ngày : của :
22. **Bên nhận cầm cố: Ngân hàng**
- Địa chỉ :
 - Điện thoại.....: Fax:
 - ĐKKD số :Nơi cấp:ngày:
 - Đại diện :Chức vụ:
 - Giấy uỷ quyền số: ngày : của :
- (Dưới đây, Bên nhận cầm cố được gọi tắt là “NGÂN HÀNG”)*

Cùng nhau thỏa thuận và ký Hợp đồng cầm cố tài sản theo các nội dung dưới đây:

Điều 1. Nghĩa vụ được bảo đảm

34. Bên cầm cố đồng ý cầm cố tài sản thuộc quyền sở hữu của mình để bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ dân sự của Bên vay vốn (là Ông/bà:....., CMTND số:..... hoặc Công ty....., Giấy CNDKKD số:.....) đối với NGÂN HÀNG, bao gồm nhưng không

⁴⁵ Áp dụng trong trường hợp Bên vay vốn và Bên cầm cố là 02 chủ thể độc lập

⁴⁶ Nếu Bên cầm cố là một hoặc nhiều cá nhân đồng sở hữu thì cần sửa đổi, bổ sung thêm thông tin cho phù hợp như : Hộ khẩu thường trú, Số CMTND/Hộ chiếu. Trường hợp Bên cầm cố là hộ gia đình thì ghi thông tin về hộ gia đình đó và bổ sung thêm thông tin về người đại diện.

giới hạn là: Tiền vay (nợ gốc), lãi vay, lãi quá hạn, chi phí xử lý Tài sản, các khoản chi phí khác và tiền bồi thường thiệt hại theo (các) Hợp đồng tín dụng ký với NGÂN HÀNG kể từ ngày các bên ký Hợp đồng này.

35. Nghĩa vụ được bảo đảm đối với các Hợp đồng tín dụng theo thoả thuận tại khoản 1 của Điều này bao gồm cả các nghĩa vụ quy định tại các Phụ lục trong trường hợp Hợp đồng tín dụng được gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hoặc có sự sửa đổi, bổ sung làm thay đổi nghĩa vụ được bảo đảm.
36. Tổng giá trị nghĩa vụ được bảo đảm sẽ giảm theo mức độ giảm giá trị của tài sản cầm cố được xác định lại trong các Biên bản định giá lại hoặc các phụ lục hợp đồng được ký giữa các bên và cũng được sử dụng theo nguyên tắc trên. Tổng mức cho vay trong trường hợp này cũng giảm tương ứng mà không cần có sự đồng ý của Bên cầm cố.

Điều 2. Tài sản cầm cố

Tài sản cầm cố là thuộc quyền sở hữu của Bên cầm cố (dưới đây gọi tắt là “Tài sản”), chi tiết về Tài sản được mô tả đầy đủ theo các văn bản (Hợp đồng, giấy tờ, tài liệu) dưới đây:

1. Tài sản cầm cố thuộc quyền sở hữu của Bên cầm cố gồm:

ố	Tên và đặc điểm của tài sản	Số lượng	Giấy tờ về tài sản (kể cả giấy tờ bảo hiểm)	Giá trị được định giá
7.				
8.				
9.				

2. Toàn bộ lợi tức và lợi ích vật chất phát sinh từ, liên quan đến Tài sản, các khoản tiền bảo hiểm (nếu có) và toàn bộ vật phụ, cây trồng, trang thiết bị kèm theo, phần giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng thêm gắn liền với Tài sản cũng đều thuộc Tài sản theo Hợp đồng này trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác.

Điều 3. Giá trị Tài sản

23. Tổng giá trị Tài sản nêu tại Điều 2 Hợp đồng này do Bên cầm cố và NGÂN HÀNG thoả thuận xác định là đồng theo Biên bản định giá tài sản ngày Mức giá định giá trên chỉ được làm mức giá trị tham chiếu để xác định mức cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng, không sử dụng để áp dụng trong trường hợp xử lý tài sản.
24. Với giá trị tài sản này, NGÂN HÀNG đồng ý cho Bên vay vốn vay tổng số tiền (nợ gốc) cao nhất là đồng.

Điều 4. Bàn giao, quản lý Tài sản

34. Trước hoặc ngay sau khi ký kết Hợp đồng này, Bên cầm cố phải bàn giao đầy đủ Tài sản kèm theo toàn bộ giấy tờ gốc về chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng, quản lý tài sản cầm cố và các giấy tờ khác có liên quan cho NGÂN HÀNG hoặc Bên thứ ba được NGÂN HÀNG uỷ quyền/thuê gửi giữ.
35. Bên cầm cố và NGÂN HÀNG sẽ ký Biên bản bàn giao Tài sản và giấy tờ tài sản cầm cố theo mẫu của NGÂN HÀNG. Biên bản bàn giao là một phần không thể tách rời của Hợp đồng cầm cố này.
36. NGÂN HÀNG có toàn quyền quản lý, bảo quản Tài sản và các giấy tờ gốc về Tài sản hoặc chuyển giao, uỷ quyền cho Bên thứ ba quản lý, bảo quản Tài sản. Mọi chi phí quản lý, bảo quản và/hoặc gửi giữ phát sinh giữa NGÂN HÀNG với Bên thứ ba do Bên cầm cố chịu trách nhiệm thanh toán, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên cầm cố

23. Bên cầm cố có các quyền sau:

- hh) Được nhận lại Tài sản đã giao cho NGÂN HÀNG khi Bên vay vốn hoặc tự mình hoàn thành nghĩa vụ trả nợ nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này.
- ii) Được yêu cầu NGÂN HÀNG hoặc Bên thứ ba bồi thường thiệt hại nếu làm mất, hư hỏng Tài sản.
- jj) Được bổ sung, thay thế Tài sản bằng một tài sản khác, được bán, trao đổi, tặng, cho, góp vốn liên doanh bằng Tài sản khi được NGÂN HÀNG chấp thuận trước bằng văn bản. Trường hợp bán Tài sản thì NGÂN HÀNG phải được nhận số tiền thu được từ việc bán Tài sản để thanh toán nghĩa vụ trả nợ đã cam kết theo Hợp đồng này.

24. Bên cầm cố có các nghĩa vụ sau:

- xx) Bàn giao Tài sản cho NGÂN HÀNG trước hoặc ngay khi ký Hợp đồng này.
- yy) Thanh toán mọi chi phí quản lý, bảo quản và/hoặc gửi giữ Tài sản, giấy tờ về Tài sản phát sinh giữa NGÂN HÀNG với Bên thứ ba theo Hợp đồng gửi giữ Tài sản hoặc thoả thuận liên quan, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.
- zz) Phải thông báo bằng văn bản cho NGÂN HÀNG về quyền của Bên thứ ba đối với Tài sản (nếu có). Trong trường hợp không thông báo hoặc thông báo không đúng, không đầy đủ thì căn cứ vào mức độ nghiêm trọng của vi phạm NGÂN HÀNG có quyền yêu cầu bổ sung, thay thế tài sản bảo đảm, huỷ hợp đồng cầm cố và yêu cầu bồi thường thiệt hại đồng thời áp dụng các biện pháp khác để ngừng giải ngân và thu hồi nợ trước hạn
- aaa) Không được sử dụng Tài sản để cầm cố hoặc bảo đảm cho nghĩa vụ khác; không được chuyển nhượng, trao đổi, tặng cho, góp vốn hoặc có bất kỳ hình thức nào chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng Tài sản, trừ trường hợp có sự chấp thuận bằng văn bản của NGÂN HÀNG.

- bbb) Mua và chịu chi phí mua bảo hiểm vật chất đối với Tài sản trong suốt thời gian vay vốn theo yêu cầu của NGÂN HÀNG. Hợp đồng bảo hiểm được mua với hình thức có thể chuyển nhượng được và ký hậu theo lệnh/ký hậu đích danh NGÂN HÀNG; hoặc hợp đồng bảo hiểm nêu rõ người thụ hưởng là NGÂN HÀNG; đồng thời lập văn bản ủy quyền cho NGÂN HÀNG được hưởng tiền bảo hiểm; giao bản chính hợp đồng bảo hiểm và văn bản ủy quyền cho NGÂN HÀNG giữ. Trường hợp xảy ra các sự kiện bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm đối với Tài sản thì Bên cầm cố phải phối hợp với NGÂN HÀNG để tiến hành các thủ tục nhận tiền bảo hiểm từ tổ chức bảo hiểm để trả nợ cho NGÂN HÀNG. Trường hợp Bên cầm cố, Bên vay vốn không mua, thì NGÂN HÀNG mua bảo hiểm thay cho Bên cầm cố và được tự động khấu trừ vào số tiền trả nợ của Bên vay vốn.
- ccc) Khi tài sản cầm cố bị hư hỏng, huỷ hoại, mất mát, giảm sút giá trị thì Bên cầm cố trong thời hạn 10 ngày hoặc thời hạn khác theo yêu cầu của NGÂN HÀNG, phải sửa chữa hoặc thay thế bằng tài sản khác có giá trị tương đương, nếu không thực hiện được, thì Bên vay vốn phải trả nợ NGÂN HÀNG trước hạn.
- ddd) Bên cầm cố có trách nhiệm bổ sung Tài sản, thay thế bằng biện pháp bảo đảm khác hoặc trả bớt nợ vay cho NGÂN HÀNG trong những trường hợp sau:
- Giá trị Tài sản tại thời điểm định giá gần nhất đã giảm xuống dưới 75% so với Giá trị định giá ban đầu.
 - Khi Bên phát hành Tài sản cầm cố thực hiện việc giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể hoặc bị phá sản.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của NGÂN HÀNG

23. NGÂN HÀNG có các quyền sau:

- fff) Được khai thác công dụng Tài sản và hưởng hoa lợi, lợi tức từ Tài sản, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.
- ggg) Được yêu cầu Bên cầm cố cung cấp thông tin về thực trạng Tài sản và giám sát, kiểm tra đột xuất hoặc định kỳ Tài sản;
- hhh) Được quyền yêu cầu bên thứ ba giữ Tài sản giao Tài sản cho mình để xử lý thu hồi nợ trong trường hợp đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà Bên vay vốn hoặc Bên cầm cố không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đủ các nghĩa vụ cam kết.
- iii) Được xử lý tài sản, chuyển giao quyền thu hồi nợ hoặc uỷ quyền cho bên thứ ba xử lý Tài sản theo quy định của Hợp đồng này hoặc quy định pháp luật có liên quan để thu hồi nợ.
- jjj) Các quyền khác theo thoả thuận hoặc quy định của pháp luật.

24. NGÂN HÀNG có các nghĩa vụ sau:

- a) Bảo quản và lưu giữ an toàn Tài sản và bản gốc các giấy tờ chứng minh quyền sử dụng, quyền sở hữu và các giấy tờ khác có liên quan đến Tài sản của Bên cầm cố.
- b) Trả lại bản gốc các giấy tờ về Tài sản khi Bên vay vốn đã hoàn thành nghĩa vụ bảo đảm hoặc Tài sản được thay thế bằng tài sản bảo đảm khác hoặc giao cho người mua Tài sản khi Tài sản được xử lý theo quy định của Hợp đồng này và quy định pháp luật liên quan.
- c) Trả lại bản gốc các giấy tờ về tài sản (nếu có) tương ứng với số nợ Bên vay vốn hoặc Bên cầm cố đã trả, nếu việc giải chấp một phần tài sản không ảnh hưởng đến tính chất, tính năng sử dụng ban đầu và giá trị của tài sản cầm cố còn lại.
- d) Bồi thường thiệt hại nếu làm hư hỏng, mất bản gốc các giấy tờ về Tài sản của Bên cầm cố.

Điều 7. Xử lý Tài sản

47. Các trường hợp xử lý Tài sản:

- ssss) Khi đến thời hạn trả nợ (kể cả trường hợp phải trả nợ trước hạn) theo Hợp đồng tín dụng mà Bên vay vốn không thực hiện, thực hiện không đúng, không đủ hoặc vi phạm nghĩa vụ trả nợ NGÂN HÀNG;
- tttt) Khi tài sản cầm cố hư hỏng, xuống cấp, giảm giá trị theo quy định của Hợp đồng này nhưng Bên vay vốn và/hoặc Bên cầm cố không khôi phục, bổ sung, thay thế được tài sản khác theo yêu cầu của NGÂN HÀNG hoặc khôi phục, bổ sung, thay thế không đủ giá trị cầm cố ban đầu;
- uuuu) Các trường hợp pháp luật quy định Tài sản phải được xử lý để Bên cầm cố, Bên vay vốn thực hiện nghĩa vụ khác đã đến hạn.
- vvvv) Bên cầm cố hoặc Bên vay vốn⁴⁷ thực hiện chuyển đổi (cổ phần hoá, chia, tách, sáp nhập, chuyển nhượng hoặc thay đổi loại hình tổ chức hoạt động) mà:
 - Không trả hết nợ gốc và lãi vay được bảo đảm bằng tài sản cho NGÂN HÀNG trong vòng 30 ngày kể từ khi có quyết định chuyển đổi; hoặc
 - Không thông báo bằng văn bản cho NGÂN HÀNG về việc chuyển đổi và đề nghị cho chuyển nghĩa vụ được bảo đảm bằng tài sản cầm cố sang tổ chức mới trong trường hợp không thể trả hết nợ theo quy định trên; hoặc
 - Không có văn bản đồng ý nhận nợ của doanh nghiệp hình thành từ chuyển đổi hoặc văn bản đồng ý nhận nợ trên không được NGÂN HÀNG chấp thuận;

⁴⁷ Trường hợp Bên cầm cố, Bên vay vốn đều là cá nhân, vợ chồng hoặc hộ gia đình thì bỏ các quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 1 Điều 7 Hợp đồng này.

- wwww)..... Bên cầm cố hoặc Bên vay vốn bị phá sản, giải thể trước khi đến hạn trả nợ hoặc không còn khả năng thanh toán nợ.
- xxxx) Bên cầm cố hoặc Bên vay vốn bị tuyên bố hạn chế, mất năng lực hành vi và năng lực pháp luật theo quy định của pháp luật, bị chết hoặc bị tuyên bố chết, bị mất tích hoặc bị tuyên bố mất tích, bị khởi tố, ly hôn hoặc liên quan đến các vụ kiện làm ảnh hưởng đến Tài sản.
- yyyy) Các trường hợp mà NGÂN HÀNG đơn phương xét thấy cần thiết phải xử lý Tài sản để thu hồi nợ vay trước hạn.
- zzzz) Các trường hợp khác do các bên thoả thuận hoặc theo quy định pháp luật.
- aaaa) Trong các trường hợp trên, mọi khoản nợ của Bên vay vốn tại NGÂN HÀNG chưa đến hạn cũng được coi là đến hạn và Tài sản đã cầm cố sẽ được xử lý để thu nợ.

48. Các phương thức xử lý Tài sản:

Trong trường hợp phải xử lý Tài sản để thu hồi nợ theo một trong các trường hợp nêu tại Khoản 1 Điều này thì Bên cầm cố bằng Hợp đồng này uỷ quyền không huỷ ngang, uỷ quyền vô điều kiện và không hạn chế thời gian cho NGÂN HÀNG đại diện Bên cầm cố để:

- xx) Lựa chọn phương thức bán Tài sản là đưa ra bán trực tiếp hoặc uỷ quyền cho cá nhân, cơ quan, tổ chức bán trực tiếp.
- yy) Bán Tài sản với giá thấp nhất do NGÂN HÀNG xác định căn cứ vào Biên bản định giá, định giá lại Tài sản của NGÂN HÀNG tại thời điểm gần nhất hoặc giá thị trường liên quan (thị trường chứng khoán, thị trường liên ngân hàng,...) tại thời điểm bán Tài sản.
- zz) NGÂN HÀNG trực tiếp nhận các khoản tiền, tài sản từ bên thứ ba trong trường hợp bên thứ ba đồng ý trả thay cho Bên cầm cố.
- aaa) NGÂN HÀNG nhận chính Tài sản để thay thế cho việc thanh toán một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ được bảo đảm. Giá nhận Tài sản do hai bên thoả thuận trên cơ sở tham khảo giá thị trường và quy định có liên quan của NGÂN HÀNG về xử lý tài sản bảo đảm.
- bbb) Thay mặt Bên cầm cố lập, ký tên trên các văn bản, giấy tờ, tài liệu, hợp đồng liên quan tới Tài sản và việc bán Tài sản với các cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan.
- ccc) Trường hợp Tài sản bao gồm nhiều vật hoặc có thể tách riêng, NGÂN HÀNG được chọn tài sản cụ thể để xử lý, đảm bảo thu hồi đủ số nợ, bao gồm nhưng không giới hạn là nợ gốc, nợ lãi (trong hạn, quá hạn), các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan (nếu có).
- ddd) Trong thời gian chờ bán Tài sản, NGÂN HÀNG được quyền khai thác, sử dụng và thu hoa lợi, lợi tức từ Tài sản để thu hồi nợ.

49. Số tiền thu được từ việc xử lý Tài sản, sẽ được NGÂN HÀNG tự động trích để thanh toán các khoản nợ mà Bên cầm cố phải trả cho NGÂN HÀNG bao gồm nhưng không giới hạn theo thứ tự ưu tiên như sau:

- ddd) Chi phí bảo quản, bán tài sản và các chi phí phát sinh khác có liên quan;

eee) Nợ lãi quá hạn;

fff) Nợ lãi trong hạn;

ggg) Nợ gốc;

hhh) Số tiền còn dư sẽ trả lại cho Bên cầm cố, nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản không đủ để trả nợ thì Bên cầm cố, Bên vay vốn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho NGÂN HÀNG.

50. Bên cầm cố tự nguyện từ bỏ mọi quyền khiếu nại, khiếu kiện NGÂN HÀNG đối với việc NGÂN HÀNG thực hiện xử lý Tài sản theo các nội dung quy định tại Điều này. NGÂN HÀNG có toàn quyền thực hiện xử lý Tài sản như nêu trên mà không cần kiện ra Tòa án hay cơ quan có thẩm quyền khác. Mọi vấn đề khác có liên quan đến việc xử lý tài sản cầm cố được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp

23. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này, trước hết sẽ được các bên trực tiếp thương lượng để giải quyết trên tinh thần thiện chí, tôn trọng các quyền và lợi ích hợp pháp của nhau. Trường hợp thương lượng không thành thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án nhân dân có thẩm quyền nơi có trụ sở của NGÂN HÀNG hoặc Tòa án nhân dân nơi có Tài sản để giải quyết. Quyết định của Tòa án có hiệu lực bắt buộc đối với các bên theo quy định của pháp luật.

24. Hợp đồng này được xác lập, điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

Điều 9. Cam kết của các bên

23. Bên cầm cố cam kết những thông tin về nhân thân và Tài sản đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật và tại thời điểm ký Hợp đồng này, Tài sản nói trên:

ggg) Được phép cầm cố theo quy định của Pháp luật;

hhh) Hoàn toàn thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Bên cầm cố và không có bất kỳ sự tranh chấp nào;

iii) Chưa được chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng dưới mọi hình thức hoặc dùng để bảo đảm cho bất kỳ nghĩa vụ dân sự nào;

jjj) Không bị kê biên để bảo đảm thi hành án hoặc có bất kỳ quyết định nào của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hạn chế quyền sở hữu, quyền sử dụng ngoài những hạn chế đã được nêu tại Hợp đồng này;

kkk) Không có giấy tờ nào khác ngoài giấy tờ nêu tại Điều 2 của Hợp đồng này.

24. Các bên cam kết:

x) Việc giao kết Hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối và cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận trong Hợp đồng này;

y) Đã tự đọc hoặc được nghe đọc đúng, hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này.

Điều 10. Hiệu lực của Hợp đồng

43. Trường hợp (các) Hợp đồng tín dụng đã ký giữa Bên vay vốn với NGÂN HÀNG được chuyển giao từ đơn vị kinh doanh (Bên nhận cầm cố) cho bất kỳ đơn vị kinh doanh nào khác trong hệ thống NGÂN HÀNG hoặc đơn vị kinh doanh có sự thay đổi về tên gọi, mô hình tổ chức, hoạt động thì các bên không phải ký lại Hợp đồng cầm cố, chỉ cần lập văn bản ghi nhận về việc thay đổi Bên nhận cầm cố và phải đăng ký lại giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật (nếu có).
44. Trường hợp Bên cầm cố tổ chức lại pháp nhân (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi) khi Hợp đồng này vẫn còn thời hạn thực hiện thì các bên không phải ký kết lại Hợp đồng, chỉ cần lập văn bản ghi nhận về việc thay đổi Bên cầm cố và phải đăng ký lại giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật (nếu có).⁴⁸
45. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ khi tất cả các bên ký vào Hợp đồng và được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật (nếu có). Các Hợp đồng, phụ lục hợp đồng hoặc văn bản, tài liệu, giấy tờ được các bên thống nhất sửa đổi, bổ sung, thay thế một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng này hoặc liên quan đến Hợp đồng này là bộ phận kèm theo và có giá trị pháp lý theo Hợp đồng.
46. Các Hợp đồng được bảo đảm bằng Tài sản theo Hợp đồng cầm cố này nếu vô hiệu không làm Hợp đồng này vô hiệu. Trong trường hợp do có sự thay đổi về luật pháp, quy định hiện hành làm cho việc cầm cố tài sản đối với một hoặc một số tài sản nêu tại Điều 2 Hợp đồng này hoặc bất kỳ điều khoản nào trong Hợp đồng này vô hiệu, thì Hợp đồng này vẫn có hiệu lực với những tài sản, điều khoản còn lại.
47. Trường hợp Bản án, quyết định của tổ chức, cơ quan có Nhà nước có thẩm quyền khẳng định Hợp đồng này bị vô hiệu về hình thức, thủ tục thực hiện thì các nội dung đã được thoả thuận thống nhất theo Hợp đồng này vẫn có hiệu lực giữa các bên.
48. Hợp đồng này chỉ chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
- ss) Bên cầm cố hoặc Bên vay vốn đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ trả nợ được bảo đảm của Hợp đồng cầm cố này;
 - tt) Các bên thoả thuận nghĩa vụ được bảo đảm theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng biện pháp khác;
 - uu) Tài sản cầm cố được xử lý để thu hồi nợ theo quy định của Hợp đồng này hoặc theo quy định pháp luật.
 - vv) Các trường hợp khác do các bên thoả thuận hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Điều khoản thi hành

⁴⁸ Trường hợp Bên cầm cố là cá nhân, vợ chồng hoặc hộ gia đình thì bỏ nội dung này.

23. Những vấn đề chưa được thoả thuận trong Hợp đồng này sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp luật.

24. Hợp đồng này được lập thành 05 bản chính, có giá trị pháp lý như nhau: NGÂN HÀNG giữ 02 bản, Bên cầm cố giữ 01 bản, Bên vay vốn 01 bản, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan giữ 01 bản (nếu có).

BÊN CẦM CỐ

(Ký, ghi rõ họ tên và
đóng dấu, nếu có)

BÊN NHẬN CẦM CỐ

(Ký tên, đóng dấu)

HỢP ĐỒNG CẦM CỐ TÀI SẢN⁴⁹

Số:/...../BD

Hôm nay, ngày tháng năm 200....., tại chúng tôi gồm:

23. Bên cầm cố⁵⁰:.....

- Địa chỉ :
- Điện thoại.....: Fax:
- ĐKKD số: Nơi cấp: ngày:
- Người đại diện:..... Chức vụ:
- CMND số: Nơi cấp: ngày:
- Số tài khoản tiền gửi đồng VN: Tại Ngân hàng... ..
- Số tài khoản tiền gửi ngoại tệ:..... Tại Ngân hàng... ..
- Giấy uỷ quyền số: ngày : của :

24. Bên nhận cầm cố: Ngân hàng

- Địa chỉ :
 - Điện thoại.....: Fax:
 - ĐKKD số: Nơi cấp: ngày:
 - Đại diện : Chức vụ:
 - Giấy uỷ quyền số: ngày : của :
- (Dưới đây, Bên nhận cầm cố được gọi tắt là “NGÂN HÀNG”)

25. Bên vay vốn:

- Địa chỉ :
- Điện thoại.....: Fax:
- ĐKKD số: Nơi cấp: ngày:

⁴⁹ Áp dụng đối với trường hợp cả 03 bên: Bên vay vốn, Bên cầm cố và NGÂN HÀNG cùng ký Hợp đồng.

⁵⁰ Nếu Bên cầm cố là một hoặc nhiều cá nhân đồng sở hữu thì cần sửa đổi, bổ sung thêm thông tin cho phù hợp như : Hộ khẩu thường trú, Số CMTND/Hộ chiếu. Trường hợp Bên cầm cố là hộ gia đình thì ghi thông tin về hộ gia đình đó và bổ sung thêm thông tin về người đại diện.

- Đại diện : Chức vụ:
- CMND số: Nơi cấp: ngày:
- Giấy uỷ quyền số: ngày : của :

Cùng nhau thỏa thuận và ký Hợp đồng cầm cố tài sản theo các nội dung dưới đây:

Điều 12. Nghĩa vụ được bảo đảm

37. Bên cầm cố đồng ý cầm cố tài sản thuộc quyền sở hữu của mình để bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ dân sự của Bên vay vốn đối với NGÂN HÀNG, bao gồm nhưng không giới hạn là: Tiền vay (nợ gốc), lãi vay, lãi quá hạn, chi phí xử lý Tài sản, các khoản chi phí khác và tiền bồi thường thiệt hại theo (các) Hợp đồng tín dụng ký với NGÂN HÀNG kể từ ngày các bên ký Hợp đồng này.
38. Nghĩa vụ được bảo đảm đối với các Hợp đồng tín dụng theo thỏa thuận tại khoản 1 của Điều này bao gồm cả các nghĩa vụ quy định tại các Phụ lục trong trường hợp Hợp đồng tín dụng được gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hoặc có sự sửa đổi, bổ sung làm thay đổi nghĩa vụ được bảo đảm.
39. Tổng giá trị nghĩa vụ được bảo đảm sẽ giảm theo mức độ giảm giá trị của tài sản cầm cố được xác định lại trong các Biên bản định giá lại hoặc các phụ lục hợp đồng được ký giữa các bên và cũng được sử dụng theo nguyên tắc trên. Tổng mức cho vay trong trường hợp này cũng giảm tương ứng mà không cần có sự đồng ý của Bên cầm cố.

Điều 13. Tài sản cầm cố

Tài sản cầm cố là thuộc quyền sở hữu của Bên cầm cố (dưới đây gọi tắt là “Tài sản”), chi tiết về Tài sản được mô tả đầy đủ theo các văn bản (Hợp đồng, giấy tờ, tài liệu) dưới đây:

3. Tài sản cầm cố thuộc quyền sở hữu của Bên cầm cố gồm:

	Tên và đặc	Số	Giấy tờ về tài sản	Giá
10.				
11.				
12.				

4. Toàn bộ lợi tức và lợi ích vật chất phát sinh từ, liên quan đến Tài sản, các khoản tiền bảo hiểm (nếu có) và toàn bộ vật phụ, cây trồng, trang thiết bị kèm theo, phần giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng thêm gắn liền với Tài sản cũng đều thuộc Tài sản theo Hợp đồng này trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

Điều 14. Giá trị Tài sản

25. Tổng giá trị Tài sản nêu tại Điều 2 Hợp đồng này do Bên cầm cố và NGÂN HÀNG thoả thuận xác định là đồng theo Biên bản định giá tài sản ngày Mức giá định giá trên chỉ được làm mức giá trị tham chiếu để xác định mức cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng, không sử dụng để áp dụng trong trường hợp xử lý tài sản.
26. Với giá trị tài sản này, NGÂN HÀNG đồng ý cho Bên vay vốn vay tổng số tiền (nợ gốc) cao nhất là đồng.

Điều 15. Bàn giao, quản lý Tài sản

37. Trước hoặc ngay sau khi ký kết Hợp đồng này, Bên cầm cố phải bàn giao đầy đủ Tài sản kèm theo toàn bộ giấy tờ gốc về chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng, quản lý tài sản cầm cố và các giấy tờ khác có liên quan cho NGÂN HÀNG hoặc Bên thứ ba được NGÂN HÀNG uỷ quyền/thuê gửi giữ.
38. Bên cầm cố và NGÂN HÀNG sẽ ký Biên bản bàn giao Tài sản và giấy tờ tài sản cầm cố theo mẫu của NGÂN HÀNG. Biên bản bàn giao là một phần không thể tách rời của Hợp đồng cầm cố này.
39. NGÂN HÀNG có toàn quyền quản lý, bảo quản Tài sản và các giấy tờ gốc về Tài sản hoặc chuyển giao, uỷ quyền cho Bên thứ ba quản lý, bảo quản Tài sản. Mọi chi phí quản lý, bảo quản và/hoặc gửi giữ phát sinh giữa NGÂN HÀNG với Bên thứ ba do Bên cầm cố chịu trách nhiệm thanh toán, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Bên cầm cố

25. Bên cầm cố có các quyền sau:
- kk) Được nhận lại Tài sản đã giao cho NGÂN HÀNG khi Bên vay vốn hoặc tự mình hoàn thành nghĩa vụ trả nợ nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này.
 - ll) Được yêu cầu NGÂN HÀNG hoặc Bên thứ ba bồi thường thiệt hại nếu làm mất, hư hỏng Tài sản.
 - mm) Được bổ sung, thay thế Tài sản bằng một tài sản khác, được bán, trao đổi, tặng, cho, góp vốn liên doanh bằng Tài sản khi được NGÂN HÀNG chấp thuận trước bằng văn bản. Trường hợp bán Tài sản thì NGÂN HÀNG phải được nhận số tiền thu được từ việc bán Tài sản để thanh toán nghĩa vụ trả nợ đã cam kết theo Hợp đồng này.
26. Bên cầm cố có các nghĩa vụ sau:
- eee) Bàn giao Tài sản cho NGÂN HÀNG trước hoặc ngay khi ký Hợp đồng này.
 - fff) Thanh toán mọi chi phí quản lý, bảo quản và/hoặc gửi giữ Tài sản, giấy tờ về Tài sản phát sinh giữa NGÂN HÀNG với Bên thứ ba theo Hợp đồng gửi giữ Tài sản hoặc thoả thuận liên quan, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.

- ggg) Phải thông báo bằng văn bản cho NGÂN HÀNG về quyền của Bên thứ ba đối với Tài sản (nếu có). Trong trường hợp không thông báo hoặc thông báo không đúng, không đầy đủ thì căn cứ vào mức độ nghiêm trọng của vi phạm NGÂN HÀNG có quyền yêu cầu bổ sung, thay thế tài sản bảo đảm, huỷ hợp đồng cầm cố và yêu cầu bồi thường thiệt hại đồng thời áp dụng các biện pháp khác để ngừng giải ngân và thu hồi nợ trước hạn
- hhh) Không được sử dụng Tài sản để cầm cố hoặc bảo đảm cho nghĩa vụ khác; không được chuyển nhượng, trao đổi, tặng cho, góp vốn hoặc có bất kỳ hình thức nào chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng Tài sản, trừ trường hợp có sự chấp thuận bằng văn bản của NGÂN HÀNG.
- iii) Mua và chịu chi phí mua bảo hiểm vật chất đối với Tài sản trong suốt thời gian vay vốn theo yêu cầu của NGÂN HÀNG. Hợp đồng bảo hiểm được mua với hình thức có thể chuyển nhượng được và ký hậu theo lệnh/ký hậu đích danh NGÂN HÀNG; hoặc hợp đồng bảo hiểm nêu rõ người thụ hưởng là NGÂN HÀNG; đồng thời lập văn bản ủy quyền cho NGÂN HÀNG được hưởng tiền bảo hiểm; giao bản chính hợp đồng bảo hiểm và văn bản ủy quyền cho NGÂN HÀNG giữ. Trường hợp xảy ra các sự kiện bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm đối với Tài sản thì Bên cầm cố phải phối hợp với NGÂN HÀNG để tiến hành các thủ tục nhận tiền bảo hiểm từ tổ chức bảo hiểm để trả nợ cho NGÂN HÀNG. Trường hợp Bên cầm cố, Bên vay vốn không mua, thì NGÂN HÀNG mua bảo hiểm thay cho Bên cầm cố và được tự động khấu trừ vào số tiền trả nợ của Bên vay vốn.
- jjj) Khi tài sản cầm cố bị hư hỏng, huỷ hoại, mất mát, giảm sút giá trị thì Bên cầm cố trong thời hạn 10 ngày hoặc thời hạn khác theo yêu cầu của NGÂN HÀNG, phải sửa chữa hoặc thay thế bằng tài sản khác có giá trị tương đương, nếu không thực hiện được, thì Bên vay vốn phải trả nợ NGÂN HÀNG trước hạn.
- kkk) Bên cầm cố có trách nhiệm bổ sung Tài sản, thay thế bằng biện pháp bảo đảm khác hoặc trả bớt nợ vay cho NGÂN HÀNG trong những trường hợp sau:
- Giá trị Tài sản tại thời điểm định giá gần nhất đã giảm xuống dưới 75% so với Giá trị định giá ban đầu;
 - Khi Bên phát hành Tài sản cầm cố thực hiện việc giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể hoặc bị phá sản.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của NGÂN HÀNG

25. NGÂN HÀNG có các quyền sau:

- kkk) Được khai thác công dụng Tài sản và hưởng hoa lợi, lợi tức từ Tài sản, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.
- lll) Được yêu cầu Bên cầm cố cung cấp thông tin về thực trạng Tài sản và giám sát, kiểm tra đột xuất hoặc định kỳ Tài sản;

mmm) Được quyền yêu cầu bên thứ ba giữ Tài sản giao Tài sản cho mình để xử lý thu hồi nợ trong trường hợp đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà Bên vay vốn hoặc Bên cầm cố không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đủ các nghĩa vụ cam kết.

nnn) Được xử lý tài sản, chuyển giao quyền thu hồi nợ hoặc uỷ quyền cho bên thứ ba xử lý Tài sản theo quy định của Hợp đồng này hoặc quy định pháp luật có liên quan để thu hồi nợ.

ooo) Các quyền khác theo thoả thuận hoặc quy định của pháp luật.

26. NGÂN HÀNG có các nghĩa vụ sau:

a) Bảo quản và lưu giữ an toàn Tài sản và bản gốc các giấy tờ chứng minh quyền sử dụng, quyền sở hữu và các giấy tờ khác có liên quan đến Tài sản của Bên cầm cố.

b) Trả lại bản gốc các giấy tờ về Tài sản khi Bên vay vốn đã hoàn thành nghĩa vụ bảo đảm hoặc Tài sản được thay thế bằng tài sản bảo đảm khác hoặc giao cho người mua Tài sản khi Tài sản được xử lý theo quy định của Hợp đồng này và quy định pháp luật liên quan.

c) Trả lại bản gốc các giấy tờ về tài sản (nếu có) tương ứng với số nợ Bên vay vốn hoặc Bên cầm cố đã trả, nếu việc giải chấp một phần tài sản không ảnh hưởng đến tính chất, tính năng sử dụng ban đầu và giá trị của tài sản cầm cố còn lại.

d) Bồi thường thiệt hại nếu làm hư hỏng, mất bản gốc các giấy tờ về Tài sản của Bên cầm cố.

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của Bên vay vốn

4. Được vay vốn theo các điều kiện tại Hợp đồng tín dụng ký với NGÂN HÀNG và Hợp đồng này;

5. Cùng Bên cầm cố thực hiện công chứng, chứng thực Hợp đồng cầm cố, đăng ký, xoá đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật hoặc theo yêu cầu của NGÂN HÀNG, chịu trách nhiệm thanh toán các chi phí liên quan đến việc đăng ký cầm cố theo quy định của Pháp luật, kể cả trường hợp gia hạn, sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cầm cố này.

6. Thực hiện quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại Hợp đồng này, Hợp đồng tín dụng đã ký với NGÂN HÀNG và của Pháp luật.

Điều 19. Xử lý Tài sản

51. Các trường hợp xử lý Tài sản:

bbbbbb) Khi đến thời hạn trả nợ (kể cả trường hợp phải trả nợ trước hạn) theo Hợp đồng tín dụng mà Bên vay vốn không thực hiện, thực hiện không đúng, không đủ hoặc vi phạm nghĩa vụ trả nợ NGÂN HÀNG;

cccccc) Khi tài sản cầm cố hư hỏng, xuống cấp, giảm giá trị theo quy định của Hợp đồng này nhưng Bên vay vốn và/hoặc

Bên cầm cố không khôi phục, bổ sung, thay thế được tài sản khác theo yêu cầu của NGÂN HÀNG hoặc khôi phục, bổ sung, thay thế không đủ giá trị cầm cố ban đầu;

ddddd) Các trường hợp pháp luật quy định Tài sản phải được xử lý để Bên cầm cố, Bên vay vốn thực hiện nghĩa vụ khác đã đến hạn.

eeee) Bên cầm cố, Bên vay vốn⁵¹ thực hiện chuyển đổi (cổ phần hoá, chia, tách, sáp nhập, chuyển nhượng hoặc thay đổi loại hình tổ chức hoạt động) mà:

- Không trả hết nợ gốc và lãi vay được bảo đảm bằng tài sản cho NGÂN HÀNG trong vòng 30 ngày kể từ khi có quyết định chuyển đổi; hoặc
- Không thông báo bằng văn bản cho NGÂN HÀNG về việc chuyển đổi và đề nghị cho chuyển nghĩa vụ được bảo đảm bằng tài sản cầm cố sang tổ chức mới trong trường hợp không thể trả hết nợ theo quy định trên; hoặc
- Không có văn bản đồng ý nhận nợ của doanh nghiệp hình thành từ chuyển đổi hoặc văn bản đồng ý nhận nợ trên không được NGÂN HÀNG chấp thuận;

ffff) Bên cầm cố, Bên vay vốn bị phá sản, giải thể trước khi đến hạn trả nợ hoặc không còn khả năng thanh toán nợ.

gggg) Bên cầm cố hoặc Bên vay vốn bị tuyên bố hạn chế, mất năng lực hành vi và năng lực pháp luật theo quy định của pháp luật, bị chết hoặc bị tuyên bố chết, bị mất tích hoặc bị tuyên bố mất tích, bị khởi tố, ly hôn hoặc liên quan đến các vụ kiện làm ảnh hưởng đến Tài sản.

hhhh) Các trường hợp mà NGÂN HÀNG đơn phương xét thấy cần thiết phải xử lý Tài sản để thu hồi nợ vay trước hạn.

iiii) Các trường hợp khác do các bên thoả thuận hoặc theo quy định pháp luật.

jjjj) Trong các trường hợp trên, mọi khoản nợ của Bên vay vốn tại NGÂN HÀNG chưa đến hạn cũng được coi là đến hạn và Tài sản đã cầm cố sẽ được xử lý để thu nợ.

52. Các phương thức xử lý Tài sản:

Trong trường hợp phải xử lý Tài sản để thu hồi nợ theo một trong các trường hợp nêu tại Khoản 1 Điều này thì Bên cầm cố bằng Hợp đồng này uỷ quyền không huỷ ngang, uỷ quyền vô điều kiện và không hạn chế thời gian cho NGÂN HÀNG đại diện Bên cầm cố để:

eee) Lựa chọn phương thức bán Tài sản là đưa ra bán trực tiếp hoặc uỷ quyền cho cá nhân, cơ quan, tổ chức bán trực tiếp.

⁵¹ Trường hợp Bên cầm cố, Bên vay vốn là cá nhân, vợ chồng hoặc hộ gia đình thì bỏ các quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 1 Điều 8 Hợp đồng này.

- fff) Bán Tài sản với giá thấp nhất do NGÂN HÀNG xác định căn cứ vào Biên bản định giá, định giá lại Tài sản của NGÂN HÀNG tại thời điểm gần nhất hoặc giá thị trường liên quan (thị trường chứng khoán, thị trường liên ngân hàng,...) tại thời điểm bán Tài sản.
- ggg) NGÂN HÀNG trực tiếp nhận các khoản tiền, tài sản từ bên thứ ba trong trường hợp bên thứ ba đồng ý trả thay cho Bên cầm cố.
- hhh) NGÂN HÀNG nhận chính Tài sản để thay thế cho việc thanh toán một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ được bảo đảm. Giá nhận Tài sản do hai bên thoả thuận trên cơ sở tham khảo giá thị trường và quy định có liên quan của NGÂN HÀNG về xử lý tài sản bảo đảm
- iii) Thay mặt Bên cầm cố lập, ký tên trên các văn bản, giấy tờ, tài liệu, hợp đồng liên quan tới Tài sản và việc bán Tài sản với các cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan..
- jjj) Trường hợp Tài sản bao gồm nhiều vật hoặc có thể tách riêng, NGÂN HÀNG được chọn tài sản cụ thể để xử lý, đảm bảo thu hồi đủ số nợ, bao gồm nhưng không giới hạn là nợ gốc, nợ lãi (trong hạn, quá hạn), các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan (nếu có).
- kkk) Trong thời gian chờ bán Tài sản, NGÂN HÀNG được quyền khai thác, sử dụng và thu hoa lợi, lợi tức từ Tài sản để thu hồi nợ.
53. Số tiền thu được từ việc xử lý Tài sản, sẽ được NGÂN HÀNG tự động trích để thanh toán các khoản nợ mà Bên cầm cố phải trả cho NGÂN HÀNG bao gồm nhưng không giới hạn theo thứ tự ưu tiên như sau:
- iii) Chi phí bảo quản, bán tài sản và các chi phí phát sinh khác có liên quan;
- jjj) Nợ lãi quá hạn;
- kkk) Nợ lãi trong hạn;
- lll) Nợ gốc;
- mmm) Số tiền còn dư sẽ trả lại cho Bên cầm cố, nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản không đủ để trả nợ thì Bên cầm cố, Bên vay vốn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho NGÂN HÀNG.
54. Bên cầm cố tự nguyện từ bỏ mọi quyền khiếu nại, khiếu kiện NGÂN HÀNG đối với việc NGÂN HÀNG thực hiện xử lý Tài sản theo các nội dung quy định tại Điều này. NGÂN HÀNG có toàn quyền thực hiện xử lý Tài sản như nêu trên mà không cần kiện ra Toà án hay cơ quan có thẩm quyền khác. Mọi vấn đề khác có liên quan đến việc xử lý tài sản cầm cố được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp

25. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này, trước hết sẽ được các bên trực tiếp thương lượng để giải quyết trên tinh thần thiện chí, tôn trọng các quyền và lợi ích hợp pháp của nhau. Trường hợp thương lượng không thành thì các bên có quyền yêu cầu Toà án nhân dân có thẩm quyền nơi có trụ sở của NGÂN HÀNG hoặc Toà án nhân dân nơi có Tài

sản để giải quyết. Quyết định của Tòa án có hiệu lực bắt buộc đối với các bên theo quy định của pháp luật.

26. Hợp đồng này được xác lập, điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

Điều 21. Cam kết của các bên

25. Bên cầm cố cam kết những thông tin về nhân thân và Tài sản đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật và tại thời điểm ký Hợp đồng này, Tài sản nói trên:

III) Được phép cầm cố theo quy định của Pháp luật;

mmm) Hoàn toàn thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Bên cầm cố và không có bất kỳ sự tranh chấp nào;

nnn) Chưa được chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng dưới mọi hình thức hoặc dùng để bảo đảm cho bất kỳ nghĩa vụ dân sự nào;

ooo) Không bị kê biên để bảo đảm thi hành án hoặc có bất kỳ quyết định nào của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hạn chế quyền sở hữu, quyền sử dụng ngoài những hạn chế đã được nêu tại Hợp đồng này;

ppp) Không có giấy tờ nào khác ngoài giấy tờ nêu tại Điều 2 của Hợp đồng này.

26. Các bên cam kết:

z) Việc giao kết Hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối và cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận trong Hợp đồng này;

aa) Đã tự đọc hoặc được nghe đọc đúng, hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này.

Điều 22. Hiệu lực của Hợp đồng

49. Trường hợp (các) Hợp đồng tín dụng đã ký giữa Bên vay vốn với NGÂN HÀNG được chuyển giao từ đơn vị kinh doanh (Bên nhận cầm cố) cho bất kỳ đơn vị kinh doanh nào khác trong hệ thống NGÂN HÀNG hoặc đơn vị kinh doanh có sự thay đổi về tên gọi, mô hình tổ chức, hoạt động thì các bên không phải ký lại Hợp đồng cầm cố, chỉ cần lập văn bản ghi nhận về việc thay đổi Bên nhận cầm cố và phải đăng ký lại giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật (nếu có).

50. Trường hợp Bên cầm cố tổ chức lại pháp nhân (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi) khi Hợp đồng này vẫn còn thời hạn thực hiện thì các bên không phải ký kết lại Hợp đồng, chỉ cần lập văn bản ghi nhận về việc thay đổi Bên cầm cố và phải đăng ký lại giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật (nếu có).⁵²

51. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ khi tất cả các bên ký vào Hợp đồng và được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật (nếu có). Các Hợp đồng, phụ lục hợp đồng hoặc văn bản, tài liệu, giấy tờ được các bên thống nhất sửa đổi, bổ sung, thay thế một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng này

⁵² Trường hợp Bên cầm cố là cá nhân, vợ chồng hoặc hộ gia đình thì bỏ nội dung này.

hoặc liên quan đến Hợp đồng này là bộ phận kèm theo và có giá trị pháp lý theo Hợp đồng.

52. Các Hợp đồng được bảo đảm bằng Tài sản theo Hợp đồng cầm cố này nếu vô hiệu không làm Hợp đồng này vô hiệu. Trong trường hợp do có sự thay đổi về luật pháp, quy định hiện hành làm cho việc cầm cố tài sản đối với một hoặc một số tài sản nêu tại Điều 2 Hợp đồng này hoặc bất kỳ điều khoản nào trong Hợp đồng này vô hiệu, thì Hợp đồng này vẫn có hiệu lực với những tài sản, điều khoản còn lại.
53. Trường hợp Bản án, quyết định của tổ chức, cơ quan có Nhà nước có thẩm quyền khẳng định Hợp đồng này bị vô hiệu về hình thức, thủ tục thực hiện thì các nội dung đã được thoả thuận thống nhất theo Hợp đồng này vẫn có hiệu lực giữa các bên.
54. Hợp đồng này chỉ chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
- ww) Bên cầm cố hoặc Bên vay vốn đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ trả nợ được bảo đảm của Hợp đồng cầm cố này;
 - xx) Các bên thoả thuận nghĩa vụ được bảo đảm theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng biện pháp khác;
 - yy) Tài sản cầm cố được xử lý để thu hồi nợ theo quy định của Hợp đồng này hoặc theo quy định pháp luật.
 - zz) Các trường hợp khác do các bên thoả thuận hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Điều khoản thi hành

25. Những vấn đề chưa được thoả thuận trong Hợp đồng này sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp luật.
26. Hợp đồng này được lập thành 05 bản chính, có giá trị pháp lý như nhau: NGÂN HÀNG giữ 02 bản, Bên cầm cố giữ 01 bản, Bên vay vốn giữ 01 bản, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan giữ 01 bản (nếu có).

BÊN CẦM CỐ

(Ký, ghi rõ họ tên và
đóng dấu, nếu có)

BÊN VAY VỐN

(Ký, ghi rõ họ tên và
đóng dấu, nếu có)

BÊN NHẬN CẦM CỐ

(Ký tên, đóng dấu)

**HỢP ĐỒNG CẦM CỐ TÀI SẢN HÌNH THÀNH
TRONG TƯƠNG LAI⁵³**

Số:/...../BD

*Hôm nay, ngày tháng năm 200....., tại
..... chúng tôi gồm:*

26. **Bên cầm cố⁵⁴:**.....

- Địa chỉ :
- Điện thoại.....: Fax:
- ĐKKD số:Nơi cấp:ngày:
- Người đại diện:.....Chức vụ:
- CMND số:Nơi cấp:ngày:
- Số tài khoản tiền gửi đồng VN:..... Tại Ngân hàng... ..
- Số tài khoản tiền gửi ngoại tệ:..... Tại Ngân hàng... ..
- Giấy uỷ quyền số:ngày :của :

27. **Bên nhận cầm cố: Ngân hàng**

- Địa chỉ :
 - Điện thoại.....: Fax:
 - ĐKKD số:Nơi cấp:ngày:
 - Đại diện :Chức vụ:
 - Giấy uỷ quyền số:ngày :của :
- (Dưới đây, Bên nhận cầm cố được gọi tắt là “NGÂN HÀNG”)*

Cùng nhau thỏa thuận và ký Hợp đồng cầm cố tài sản theo các nội dung dưới đây:

Điều 23. Nghĩa vụ được bảo đảm

40. Bên cầm cố đồng ý cầm cố tài sản hình thành trong tương lai thuộc quyền sở hữu của mình để bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ dân sự của mình đối với

⁵³ Áp dụng trong trường hợp Bên vay vốn là Bên cầm cố

⁵⁴ Nếu Bên cầm cố là một hoặc nhiều cá nhân đồng sở hữu thì cần sửa đổi, bổ sung thêm thông tin cho phù hợp như : Hộ khẩu thường trú, Số CMTND/Hộ chiếu. Trường hợp Bên cầm cố là hộ gia đình thì ghi thông tin về hộ gia đình đó và bổ sung thêm thông tin về người đại diện.

NGÂN HÀNG, bao gồm nhưng không giới hạn là: Tiền vay (nợ gốc), lãi vay, lãi quá hạn, chi phí xử lý Tài sản, các khoản chi phí khác và tiền bồi thường thiệt hại theo (các) Hợp đồng tín dụng ký với NGÂN HÀNG kể từ ngày các bên ký Hợp đồng này.

41. Nghĩa vụ được bảo đảm đối với các Hợp đồng tín dụng theo thoả thuận tại khoản 1 của Điều này bao gồm cả các nghĩa vụ quy định tại các Phụ lục trong trường hợp Hợp đồng tín dụng được gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hoặc có sự sửa đổi, bổ sung làm thay đổi nghĩa vụ được bảo đảm.
42. Tổng giá trị nghĩa vụ được bảo đảm sẽ giảm theo mức độ giảm giá trị của tài sản cầm cố được xác định lại trong các Biên bản định giá lại hoặc các phụ lục hợp đồng được ký giữa các bên và cũng được sử dụng theo nguyên tắc trên. Tổng mức cho vay trong trường hợp này cũng giảm tương ứng mà không cần có sự đồng ý của Bên cầm cố.

Điều 24. Tài sản cầm cố

Tài sản cầm cố làthuộc quyền sở hữu của Bên cầm cố (dưới đây gọi tắt là “Tài sản”), được hình thành sau thời điểm các bên xác lập và ký kết Hợp đồng này, chi tiết về Tài sản được mô tả đầy đủ theo các văn bản (Hợp đồng, giấy tờ, tài liệu) dưới đây:

5. Tài sản cầm cố thuộc quyền sở hữu của Bên cầm cố gồm:

	Tên và đặc	Số	Giấy tờ về tài sản	Giá
13.				
14.				
15.				

6. Toàn bộ lợi tức và lợi ích vật chất phát sinh từ, liên quan đến Tài sản, các khoản tiền bảo hiểm (nếu có) và toàn bộ vật phụ, cây trồng, trang thiết bị kèm theo, phần giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng thêm gắn liền với Tài sản cũng đều thuộc Tài sản theo Hợp đồng này trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác.

Điều 25. Giá trị Tài sản

27. Tổng giá trị Tài sản nêu tại Điều 2 Hợp đồng này do Bên cầm cố và NGÂN HÀNG thoả thuận xác định là đồng theo Biên bản định giá tài sản ngày Mức giá định giá trên chỉ được làm mức giá trị tham chiếu để xác định mức cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng, không sử dụng để áp dụng trong trường hợp xử lý tài sản.

28. Với giá trị tài sản này, NGÂN HÀNG đồng ý cho Bên cầm cố vay tổng số tiền (nợ gốc) cao nhất là đồng.

Điều 26. Bàn giao, quản lý Tài sản

40. Trước hoặc ngay sau khi ký kết Hợp đồng này, Bên cầm cố phải bàn giao đầy đủ Tài sản kèm theo toàn bộ giấy tờ gốc về chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng, quản lý tài sản cầm cố và các giấy tờ khác có liên quan cho NGÂN HÀNG hoặc Bên thứ ba được NGÂN HÀNG uỷ quyền/thuê gửi giữ.

41. Bên cầm cố và NGÂN HÀNG sẽ ký Biên bản bàn giao Tài sản và giấy tờ tài sản cầm cố theo mẫu của NGÂN HÀNG. Biên bản bàn giao là một phần không thể tách rời của Hợp đồng cầm cố này.

42. NGÂN HÀNG có toàn quyền quản lý, bảo quản Tài sản và các giấy tờ gốc về Tài sản hoặc chuyển giao, uỷ quyền cho Bên thứ ba quản lý, bảo quản Tài sản. Mọi chi phí quản lý, bảo quản và/hoặc gửi giữ phát sinh giữa NGÂN HÀNG với Bên thứ ba do Bên cầm cố chịu trách nhiệm thanh toán, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.

Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Bên cầm cố

27. Bên cầm cố có các quyền sau:

nn) Được nhận lại Tài sản đã giao cho NGÂN HÀNG khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này.

oo) Được yêu cầu NGÂN HÀNG hoặc Bên thứ ba bồi thường thiệt hại nếu làm mất, hư hỏng Tài sản.

pp) Được bổ sung, thay thế Tài sản bằng một tài sản khác, được bán, trao đổi, tặng, cho, góp vốn liên doanh bằng Tài sản khi được NGÂN HÀNG chấp thuận trước bằng văn bản. Trường hợp bán Tài sản thì NGÂN HÀNG phải được nhận số tiền thu được từ việc bán Tài sản để thanh toán nghĩa vụ trả nợ đã cam kết theo Hợp đồng này.

28. Bên cầm cố có các nghĩa vụ sau:

qqq) Phải thông báo cho NGÂN HÀNG về quá trình hình thành tài sản. Khi tài sản cầm cố hình thành và thuộc sở hữu của mình, thì bên cầm cố có nghĩa vụ phải giao tài sản cho NGÂN HÀNG trong thời hạn 3 ngày kể từ khi nhận được tài sản và giao giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản cho NGÂN HÀNG trong thời hạn 3 ngày kể từ khi nhận được tài sản và kể từ khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc nhận được từ các nơi khác;

rrr) Phải phối hợp với NGÂN HÀNG đăng ký giao dịch bảo đảm và chịu mọi chi phí liên quan đến việc đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của Pháp luật, kể cả trường hợp gia hạn, sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cầm cố tài sản;

sss) Phải thông báo bằng văn bản cho NGÂN HÀNG về quyền của Bên thứ ba đối với Tài sản (nếu có). Trong trường hợp không thông báo hoặc thông

báo không đúng, không đầy đủ thì căn cứ vào mức độ nghiêm trọng của vi phạm NGÂN HÀNG có quyền yêu cầu bổ sung, thay thế tài sản bảo đảm, huỷ hợp đồng cầm cố và yêu cầu bồi thường thiệt hại đồng thời áp dụng các biện pháp khác để ngừng giải ngân và thu hồi nợ trước hạn

- ttt) Thanh toán mọi chi phí quản lý, bảo quản và/hoặc gửi giữ Tài sản, giấy tờ về Tài sản phát sinh giữa NGÂN HÀNG với Bên thứ ba theo Hợp đồng gửi giữ Tài sản hoặc thoả thuận liên quan, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.
- uuu) Không được sử dụng Tài sản để cầm cố hoặc bảo đảm cho nghĩa vụ khác; không được chuyển nhượng, trao đổi, tặng cho, góp vốn hoặc có bất kỳ hình thức nào chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng Tài sản, trừ trường hợp có sự chấp thuận bằng văn bản của NGÂN HÀNG.
- vvv) Mua và chịu chi phí mua bảo hiểm vật chất đối với Tài sản trong suốt thời gian vay vốn theo yêu cầu của NGÂN HÀNG. Hợp đồng bảo hiểm được mua với hình thức có thể chuyển nhượng được và ký hậu theo lệnh/ký hậu đích danh NGÂN HÀNG; hoặc hợp đồng bảo hiểm nêu rõ người thụ hưởng là NGÂN HÀNG; đồng thời lập văn bản ủy quyền cho NGÂN HÀNG được hưởng tiền bảo hiểm; giao bản chính hợp đồng bảo hiểm và văn bản ủy quyền cho NGÂN HÀNG giữ. Trường hợp xảy ra các sự kiện bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm đối với Tài sản thì Bên cầm cố phải phối hợp với NGÂN HÀNG để tiến hành các thủ tục nhận tiền bảo hiểm từ tổ chức bảo hiểm để trả nợ cho NGÂN HÀNG. Trường hợp Bên cầm cố không mua, thì NGÂN HÀNG mua bảo hiểm thay cho Bên cầm cố và được tự động khấu trừ vào số tiền trả nợ.
- www) Khi tài sản cầm cố bị hư hỏng, huỷ hoại, mất mát, giảm sút giá trị thì Bên cầm cố trong thời hạn 10 ngày hoặc thời hạn khác theo yêu cầu của NGÂN HÀNG, phải sửa chữa hoặc thay thế bằng tài sản khác có giá trị tương đương, nếu không thực hiện được, thì phải trả nợ NGÂN HÀNG trước hạn.
- xxx) Bên cầm cố có trách nhiệm bổ sung Tài sản, thay thế bằng biện pháp bảo đảm khác hoặc trả bớt nợ vay cho NGÂN HÀNG trong những trường hợp sau:
- Giá trị Tài sản tại thời điểm định giá gần nhất đã giảm xuống dưới 75% so với Giá trị định giá ban đầu;
 - Khi Bên phát hành Tài sản cầm cố thực hiện việc giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể hoặc bị phá sản.

Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của NGÂN HÀNG

27. NGÂN HÀNG có các quyền sau:

- ppp) Được giám sát, kiểm tra quá trình hình thành tài sản cầm cố;

- qqq) Được yêu cầu Bên cầm cố cung cấp thông tin về thực trạng tài sản cầm cố và xem xét, kiểm tra trực tiếp tài sản cầm cố;
- rrr) Được khai thác công dụng Tài sản và hưởng hoa lợi, lợi tức từ Tài sản, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.
- sss) Được quyền yêu cầu bên thứ ba giữ Tài sản giao Tài sản cho mình để xử lý thu hồi nợ trong trường hợp đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà Bên cầm cố không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đủ các nghĩa vụ cam kết.
- ttt) Được xử lý tài sản, chuyển giao quyền thu hồi nợ hoặc uỷ quyền cho bên thứ ba xử lý Tài sản theo quy định của Hợp đồng này hoặc quy định pháp luật có liên quan để thu hồi nợ.
- uuu) Các quyền khác theo thoả thuận hoặc quy định của pháp luật.

28. NGÂN HÀNG có các nghĩa vụ sau:

- a) Bảo quản và lưu giữ an toàn Tài sản và bản gốc các giấy tờ chứng minh quyền sử dụng, quyền sở hữu và các giấy tờ khác có liên quan đến Tài sản của Bên cầm cố.
- b) Trả lại bản gốc các giấy tờ về Tài sản khi Bên cầm cố đã hoàn thành nghĩa vụ bảo đảm hoặc Tài sản được thay thế bằng tài sản bảo đảm khác hoặc giao cho người mua Tài sản khi Tài sản được xử lý theo quy định của Hợp đồng này và quy định pháp luật liên quan.
- c) Trả lại bản gốc các giấy tờ về tài sản (nếu có) tương ứng với số nợ Bên cầm cố đã trả, nếu việc giải chấp một phần tài sản không ảnh hưởng đến tính chất, tính năng sử dụng ban đầu và giá trị của tài sản cầm cố còn lại.
- d) Bồi thường thiệt hại nếu làm hư hỏng, mất bản gốc các giấy tờ về Tài sản của Bên cầm cố.

Điều 29. Xử lý Tài sản

55. Các trường hợp xử lý Tài sản:

- kkkkk) Khi đến thời hạn trả nợ (kể cả trường hợp phải trả nợ trước hạn) theo Hợp đồng tín dụng mà Bên cầm cố không thực hiện, thực hiện không đúng, không đủ hoặc vi phạm nghĩa vụ trả nợ NGÂN HÀNG;
- lllll) Khi tài sản cầm cố hư hỏng, xuống cấp, giảm giá trị theo quy định của Hợp đồng này nhưng Bên cầm cố không khôi phục, bổ sung, thay thế được tài sản khác theo yêu cầu của NGÂN HÀNG hoặc khôi phục, bổ sung, thay thế không đủ giá trị cầm cố ban đầu;
- mmmmm) Các trường hợp pháp luật quy định Tài sản phải được xử lý để Bên cầm cố thực hiện nghĩa vụ khác đã đến hạn.

nnnnn) Bên cầm cố⁵⁶ thực hiện chuyển đổi (cổ phần hoá, chia, tách, sáp nhập, chuyển nhượng hoặc thay đổi loại hình tổ chức hoạt động) mà:

- Không trả hết nợ gốc và lãi vay được bảo đảm bằng tài sản cho NGÂN HÀNG trong vòng 30 ngày kể từ khi có quyết định chuyển đổi; hoặc
- Không thông báo bằng văn bản cho NGÂN HÀNG về việc chuyển đổi và đề nghị cho chuyển nghĩa vụ được bảo đảm bằng tài sản cầm cố sang tổ chức mới trong trường hợp không thể trả hết nợ theo quy định trên; hoặc
- Không có văn bản đồng ý nhận nợ của doanh nghiệp hình thành từ chuyển đổi hoặc văn bản đồng ý nhận nợ trên không được NGÂN HÀNG chấp thuận;

ooooo) Bên cầm cố bị phá sản, giải thể trước khi đến hạn trả nợ hoặc không còn khả năng thanh toán nợ.

ppppp) Bên cầm cố bị tuyên bố hạn chế, mất năng lực hành vi và năng lực pháp luật theo quy định của pháp luật, bị chết hoặc bị tuyên bố chết, bị mất tích hoặc bị tuyên bố mất tích, bị khởi tố, ly hôn hoặc liên quan đến các vụ kiện làm ảnh hưởng đến Tài sản.

qqqqq) Các trường hợp mà NGÂN HÀNG đơn phương xét thấy cần thiết phải xử lý Tài sản để thu hồi nợ vay trước hạn.

rrrrr) Các trường hợp khác do các bên thoả thuận hoặc theo quy định pháp luật.

sssss) Trong các trường hợp trên, mọi khoản nợ của Bên cầm cố tại NGÂN HÀNG chưa đến hạn cũng được coi là đến hạn và Tài sản đã cầm cố sẽ được xử lý để thu nợ.

56. Các phương thức xử lý Tài sản:

Trong trường hợp phải xử lý Tài sản để thu hồi nợ theo một trong các trường hợp nêu tại Khoản 1 Điều này thì Bên cầm cố bằng Hợp đồng này uỷ quyền không huỷ ngang, vô điều kiện và không hạn chế thời gian cho NGÂN HÀNG đại diện Bên cầm cố để:

lll) Lựa chọn phương thức bán Tài sản là đưa ra bán trực tiếp hoặc uỷ quyền cho cá nhân, cơ quan, tổ chức bán trực tiếp.

mmm) Bán Tài sản với giá thấp nhất do NGÂN HÀNG xác định căn cứ vào Biên bản định giá, định giá lại Tài sản của NGÂN HÀNG tại thời điểm gần nhất hoặc giá thị trường liên quan (thị trường chứng khoán, thị trường liên ngân hàng,...) tại thời điểm bán Tài sản.

nnn) NGÂN HÀNG trực tiếp nhận các khoản tiền, tài sản từ bên thứ ba trong trường hợp bên thứ ba đồng ý trả thay cho Bên cầm cố.

⁵⁶ Trường hợp Bên cầm cố là cá nhân, vợ chồng hoặc hộ gia đình thì bỏ các quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 1 Điều 7 Hợp đồng này.

- ooo) NGÂN HÀNG nhận chính Tài sản để thay thế cho việc thanh toán một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ được bảo đảm. Giá nhận Tài sản do hai bên thoả thuận trên cơ sở tham khảo giá thị trường và quy định có liên quan của NGÂN HÀNG về xử lý tài sản bảo đảm.
 - ppp) Thay mặt Bên cầm cố lập, ký tên trên các văn bản, giấy tờ, tài liệu, hợp đồng liên quan tới Tài sản và việc bán Tài sản với các cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan..
 - qqq) Trường hợp Tài sản bao gồm nhiều vật, nhiều phần hoặc có thể tách riêng, NGÂN HÀNG được chọn tài sản cụ thể để xử lý, đảm bảo thu hồi đủ số nợ, bao gồm nhưng không giới hạn là nợ gốc, nợ lãi (trong hạn, quá hạn), các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan (nếu có).
 - rrr) Trong thời gian chờ bán Tài sản, NGÂN HÀNG được quyền khai thác, sử dụng và thu hoa lợi, lợi tức từ Tài sản để thu hồi nợ.
57. Số tiền thu được từ việc xử lý Tài sản, sẽ được NGÂN HÀNG tự động trích để thanh toán các khoản nợ mà Bên cầm cố phải trả cho NGÂN HÀNG bao gồm nhưng không giới hạn theo thứ tự ưu tiên như sau:
- nnn) Chi phí bảo quản, bán tài sản và các chi phí phát sinh khác có liên quan;
 - ooo) Nợ lãi quá hạn;
 - ppp) Nợ lãi trong hạn;
 - qqq) Nợ gốc;
 - rrr) Số tiền còn dư sẽ trả lại cho Bên cầm cố, nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản không đủ để trả nợ thì Bên cầm cố phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho NGÂN HÀNG.
58. Bên cầm cố tự nguyện từ bỏ mọi quyền khiếu nại, khiếu kiện NGÂN HÀNG đối với việc NGÂN HÀNG thực hiện xử lý Tài sản theo các nội dung quy định tại Điều này. NGÂN HÀNG có toàn quyền thực hiện xử lý Tài sản như nêu trên mà không cần kiện ra Toà án hay cơ quan có thẩm quyền khác. Mọi vấn đề khác có liên quan đến việc xử lý tài sản cầm cố được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp

27. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này, trước hết sẽ được các bên trực tiếp thương lượng để giải quyết trên tinh thần thiện chí, tôn trọng các quyền và lợi ích hợp pháp của nhau. Trường hợp thương lượng không thành thì các bên có quyền yêu cầu Toà án nhân dân có thẩm quyền nơi có trụ sở của NGÂN HÀNG hoặc Toà án nhân dân nơi có Tài sản để giải quyết. Quyết định của Toà án có hiệu lực bắt buộc đối với các bên theo quy định của pháp luật.
28. Hợp đồng này được xác lập, điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

Điều 31. Cam kết của các bên

27. Bên cầm cố cam kết những thông tin về nhân thân và Tài sản đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật và tại thời điểm ký Hợp đồng này, Tài sản nói trên:
- bb) Được phép cầm cố theo quy định của Pháp luật;
 - cc) Hoàn toàn thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Bên cầm cố và không có bất kỳ sự tranh chấp nào;
 - dd) Chưa được chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng dưới mọi hình thức hoặc dùng để bảo đảm cho bất kỳ nghĩa vụ dân sự nào;
 - ee) Không bị kê biên để bảo đảm thi hành án hoặc có bất kỳ quyết định nào của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hạn chế quyền sở hữu, quyền sử dụng ngoài những hạn chế đã được nêu tại Hợp đồng này;
 - ff) Không có giấy tờ nào khác ngoài giấy tờ nêu tại Điều 2 của Hợp đồng này.
28. Các bên cam kết:
- a) Việc giao kết Hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối và cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận trong Hợp đồng này;
 - b) Sau khi Tài sản được hình thành xong, NGÂN HÀNG sẽ quyết định việc ký lại Hợp đồng hoặc Phụ lục Hợp đồng cầm cố trừ trường hợp phải thực hiện theo quy định của Pháp luật. Trường hợp Bên cầm cố vì bất kỳ lý do gì từ chối ký lại Hợp đồng hoặc Phụ lục Hợp đồng cầm cố theo quy định của Pháp luật thì Hợp đồng này vẫn đương nhiên giữ nguyên hiệu lực và có giá trị pháp lý ràng buộc giữa các bên. Bên cầm cố phải chịu mọi trách nhiệm trước Pháp luật và NGÂN HÀNG về việc từ chối thực hiện nghĩa vụ nói trên .
 - c) Đã tự đọc hoặc được nghe đọc đúng, hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này.

Điều 32. Hiệu lực của Hợp đồng

55. Trường hợp (các) Hợp đồng tín dụng đã ký giữa Bên vay vốn với NGÂN HÀNG được chuyển giao từ đơn vị kinh doanh (Bên nhận cầm cố) cho bất kỳ đơn vị kinh doanh nào khác trong hệ thống NGÂN HÀNG hoặc đơn vị kinh doanh có sự thay đổi về tên gọi, mô hình tổ chức, hoạt động thì các bên không phải ký lại Hợp đồng cầm cố, chỉ cần lập văn bản ghi nhận về việc thay đổi Bên nhận cầm cố và phải đăng ký lại giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật (nếu có).
56. Trường hợp Bên cầm cố tổ chức lại pháp nhân (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi) khi Hợp đồng này vẫn còn thời hạn thực hiện thì các bên không phải ký kết lại Hợp đồng, chỉ cần lập văn bản ghi nhận về việc thay đổi Bên cầm cố và phải đăng ký lại giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật (nếu có).⁵⁷
57. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ khi tất cả các bên ký vào Hợp đồng và được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật (nếu có).

⁵⁷ Trường hợp Bên cầm cố là cá nhân, vợ chồng hoặc hộ gia đình thì bỏ nội dung này.

Các Hợp đồng, phụ lục hợp đồng hoặc văn bản, tài liệu, giấy tờ được các bên thống nhất sửa đổi, bổ sung, thay thế một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng này hoặc liên quan đến Hợp đồng này là bộ phận kèm theo và có giá trị pháp lý theo Hợp đồng.

58. Các Hợp đồng được bảo đảm bằng Tài sản theo Hợp đồng cầm cố này nếu vô hiệu không làm Hợp đồng này vô hiệu. Trong trường hợp do có sự thay đổi về luật pháp, quy định hiện hành làm cho việc cầm cố tài sản đối với một hoặc một số tài sản nêu tại Điều 2 Hợp đồng này hoặc bất kỳ điều khoản nào trong Hợp đồng này vô hiệu, thì Hợp đồng này vẫn có hiệu lực với những tài sản, điều khoản còn lại.
59. Trường hợp Bản án, quyết định của tổ chức, cơ quan có Nhà nước có thẩm quyền khẳng định Hợp đồng này bị vô hiệu về hình thức, thủ tục thực hiện thì các nội dung đã được thoả thuận thống nhất theo Hợp đồng này vẫn có hiệu lực giữa các bên.
60. Hợp đồng này chỉ chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
- aaa) Bên cầm cố đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ trả nợ được bảo đảm của Hợp đồng cầm cố này;
 - bbb) Các bên thoả thuận nghĩa vụ được bảo đảm theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng biện pháp khác;
 - ccc) Tài sản cầm cố được xử lý để thu hồi nợ theo quy định của Hợp đồng này hoặc theo quy định pháp luật.
 - ddd) Các trường hợp khác do các bên thoả thuận hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Điều khoản thi hành

27. Những vấn đề chưa được thoả thuận trong Hợp đồng này sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp luật.
28. Hợp đồng này được lập thành 04 bản chính, có giá trị pháp lý như nhau: NGÂN HÀNG giữ 02 bản, Bên cầm cố giữ 01 bản, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan giữ 01 bản (nếu có).

BÊN CẦM CỐ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu,
nếu có)

BÊN NHẬN CẦM CỐ

(Ký tên, đóng dấu)

HỢP ĐỒNG CẦM CỐ THẺ TIẾT KIỆM NGÂN HÀNG⁵⁸

Số:/...../BD

*Hôm nay, ngày tháng năm 200....., tại
chúng tôi gồm:*

28. **Bên cầm cố⁵⁹:**.....

- Địa chỉ :
- Điện thoại.....: Fax:
- ĐKKD số: Nơi cấp: ngày:
- Người đại diện:..... Chức vụ:
- CMND số: Nơi cấp: ngày:
- Số tài khoản tiền gửi đồng VN: Tại Ngân hàng... ..
- Số tài khoản tiền gửi ngoại tệ:..... Tại Ngân hàng... ..
- Giấy uỷ quyền số: ngày : của :

29. **Bên nhận cầm cố: Ngân hàng**

-
- Địa chỉ :
 - Điện thoại.....: Fax:
 - ĐKKD số: Nơi cấp: ngày:
 - Đại diện : Chức vụ:
 - Giấy uỷ quyền số: ngày : của :
- (Dưới đây, Bên nhận cầm cố được gọi tắt là “NGÂN HÀNG”)*

***Cùng nhau thỏa thuận và ký Hợp đồng cầm cố Thẻ tiết kiệm NGÂN HÀNG
theo các nội dung dưới đây:***

Điều 1. Nghĩa vụ được bảo đảm

43. Bên cầm cố đồng ý cầm cố Thẻ tiết kiệm thuộc quyền sở hữu của mình do NGÂN HÀNG phát hành để bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ dân sự của mình đối với NGÂN HÀNG, bao gồm nhưng không giới hạn là: Tiền vay (nợ

⁵⁸ Áp dụng trong trường hợp Bên vay vốn là Bên cầm cố

⁵⁹ Nếu Bên cầm cố là một hoặc nhiều cá nhân đồng sở hữu thì cần sửa đổi, bổ sung thêm thông tin cho phù hợp như : Hộ khẩu thường trú, Số CMTND/Hộ chiếu. Trường hợp Bên cầm cố là hộ gia đình thì ghi thông tin về hộ gia đình đó và bổ sung thêm thông tin về người đại diện.

gốc), lãi vay, lãi quá hạn, chi phí xử lý Tài sản, các khoản chi phí khác và tiền bồi thường thiệt hại theo (các) Hợp đồng tín dụng ký với NGÂN HÀNG kể từ ngày các bên ký Hợp đồng này.

44. Nghĩa vụ được bảo đảm đối với các Hợp đồng tín dụng theo thoả thuận tại khoản 1 của Điều này bao gồm cả các nghĩa vụ quy định tại các Phụ lục trong trường hợp Hợp đồng tín dụng được gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hoặc có sự sửa đổi, bổ sung làm thay đổi nghĩa vụ được bảo đảm.

45. Tổng giá trị nghĩa vụ được bảo đảm sẽ giảm theo mức độ giảm giá trị của tài sản cầm cố được xác định lại trong các Biên bản định giá lại hoặc các phụ lục hợp đồng được ký giữa các bên và cũng được sử dụng theo nguyên tắc trên. Tổng mức cho vay trong trường hợp này cũng giảm tương ứng mà không cần có sự đồng ý của Bên cầm cố.

Điều 12. Tài sản cầm cố

Tài sản cầm cố là Thẻ tiết kiệm do NGÂN HÀNG phát hành thuộc quyền sở hữu của Bên cầm cố (dưới đây gọi tắt là “Tài sản”), chi tiết về Tài sản được mô tả đầy đủ theo các văn bản (Hợp đồng, giấy tờ, tài liệu) dưới đây:

19. Thẻ tiết kiệm thuộc quyền sở hữu của Bên cầm cố gồm:

TT	Số, ký hiệu của Thẻ tiết kiệm	Số tiền gửi (.....)	Ngày gửi	Kỳ hạn	Ghi chú
10
11
12
	Tổng cộng:			

20. Toàn bộ số tiền lãi và lợi ích vật chất khác phát sinh từ Tài sản cũng là tài sản cầm cố trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.

Điều 13. Giá trị Tài sản

29. Tổng giá trị Tài sản nêu tại Điều 2 Hợp đồng này do Bên cầm cố và NGÂN HÀNG thoả thuận xác định là đồng theo Biên bản định giá tài sản ngày Mức giá định giá trên chỉ được làm mức giá trị tham chiếu để xác định mức cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng, không sử dụng để áp dụng trong trường hợp xử lý tài sản.

30. Với giá trị tài sản này, NGÂN HÀNG đồng ý cho Bên cầm cố vay tổng số tiền (nợ gốc) cao nhất là đồng.

Điều 14. Bàn giao, quản lý Tài sản

43. Trước hoặc ngay sau khi ký kết Hợp đồng này, Bên cầm cố phải bàn giao đầy đủ Tài sản kèm theo toàn bộ giấy tờ gốc về chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng,

quản lý tài sản cầm cố và các giấy tờ khác có liên quan cho NGÂN HÀNG hoặc Bên thứ ba được NGÂN HÀNG uỷ quyền/thuê gửi giữ.

44. Bên cầm cố và NGÂN HÀNG sẽ ký Biên bản bàn giao Tài sản và giấy tờ tài sản cầm cố theo mẫu của NGÂN HÀNG. Biên bản bàn giao là một phần không thể tách rời của Hợp đồng cầm cố này.

45. NGÂN HÀNG có toàn quyền quản lý, bảo quản Tài sản và các giấy tờ gốc về Tài sản hoặc chuyển giao, uỷ quyền cho Bên thứ ba quản lý, bảo quản Tài sản. Mọi chi phí quản lý, bảo quản và/hoặc gửi giữ phát sinh giữa NGÂN HÀNG với Bên thứ ba do Bên cầm cố chịu trách nhiệm thanh toán, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Bên cầm cố

29. Bên cầm cố có các quyền sau:

qq) Được nhận lại Tài sản đã giao cho NGÂN HÀNG khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này.

rr) Được yêu cầu NGÂN HÀNG hoặc Bên thứ ba bồi thường thiệt hại nếu làm mất, hư hỏng Tài sản.

ss) Được bổ sung, thay thế Tài sản bằng một tài sản khác, được bán, trao đổi, tặng, cho, góp vốn liên doanh bằng Tài sản khi được NGÂN HÀNG chấp thuận trước bằng văn bản. Trường hợp bán Tài sản thì NGÂN HÀNG phải được nhận số tiền thu được từ việc bán Tài sản để thanh toán nghĩa vụ trả nợ đã cam kết theo Hợp đồng này.

30. Bên cầm cố có các nghĩa vụ sau:

lll) Bàn giao Tài sản cho NGÂN HÀNG trước hoặc ngay khi ký Hợp đồng này.

mmm) Thanh toán mọi chi phí quản lý, bảo quản và/hoặc gửi giữ Tài sản, giấy tờ về Tài sản phát sinh giữa NGÂN HÀNG với Bên thứ ba theo Hợp đồng gửi giữ Tài sản hoặc thoả thuận liên quan, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.

nnn) Phải thông báo bằng văn bản cho NGÂN HÀNG về quyền của Bên thứ ba đối với Tài sản (nếu có). Trong trường hợp không thông báo hoặc thông báo không đúng, không đầy đủ thì căn cứ vào mức độ nghiêm trọng của vi phạm NGÂN HÀNG có quyền yêu cầu bổ sung, thay thế tài sản bảo đảm, huỷ hợp đồng cầm cố và yêu cầu bồi thường thiệt hại đồng thời áp dụng các biện pháp khác để ngừng giải ngân và thu hồi nợ trước hạn

ooo) Không được sử dụng Tài sản để cầm cố hoặc bảo đảm cho nghĩa vụ khác; không được chuyển nhượng, trao đổi, tặng cho, góp vốn hoặc có bất kỳ hình thức nào chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng Tài sản, trừ trường hợp có sự chấp thuận bằng văn bản của NGÂN HÀNG.

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của NGÂN HÀNG

29. NGÂN HÀNG có các quyền sau:

- vvv) Được khai thác công dụng Tài sản và hưởng hoa lợi, lợi tức từ Tài sản, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.
- www) Được yêu cầu Bên cầm cố cung cấp thông tin về thực trạng Tài sản và giám sát, kiểm tra đột xuất hoặc định kỳ Tài sản;
- xxx) Được quyền yêu cầu bên thứ ba giữ Tài sản giao Tài sản cho mình để xử lý thu hồi nợ trong trường hợp đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà Bên cầm cố không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đủ các nghĩa vụ cam kết.
- yyy) Được xử lý tài sản, chuyển giao quyền thu hồi nợ hoặc uỷ quyền cho bên thứ ba xử lý Tài sản theo quy định của Hợp đồng này hoặc quy định pháp luật có liên quan để thu hồi nợ.
- zzz) Các quyền khác theo thoả thuận hoặc quy định của pháp luật.

30. NGÂN HÀNG có các nghĩa vụ sau:

- a) Bảo quản và lưu giữ an toàn Tài sản và bản gốc các giấy tờ chứng minh quyền sử dụng, quyền sở hữu và các giấy tờ khác có liên quan đến Tài sản của Bên cầm cố.
- b) Trả lại bản gốc các giấy tờ về Tài sản khi Bên cầm cố đã hoàn thành nghĩa vụ bảo đảm hoặc Tài sản được thay thế bằng tài sản bảo đảm khác hoặc giao cho người mua Tài sản khi Tài sản được xử lý theo quy định của Hợp đồng này và quy định pháp luật liên quan.
- c) Trả lại bản gốc các giấy tờ về tài sản (nếu có) tương ứng với số nợ Bên cầm cố đã trả, nếu việc giải chấp một phần tài sản không ảnh hưởng đến tính chất, tính năng sử dụng ban đầu và giá trị của tài sản cầm cố còn lại.
- d) Bồi thường thiệt hại nếu làm hư hỏng, mất bản gốc các giấy tờ về Tài sản của Bên cầm cố.

Điều 17. Xử lý Tài sản

59. Các trường hợp xử lý Tài sản:

- ttttt) Khi đến thời hạn trả nợ (kể cả trường hợp phải trả nợ trước hạn) theo Hợp đồng tín dụng mà Bên cầm cố không thực hiện, thực hiện không đúng, không đủ hoặc vi phạm nghĩa vụ trả nợ NGÂN HÀNG;
- uuuuu) Các trường hợp pháp luật quy định Tài sản phải được xử lý để Bên cầm cố thực hiện nghĩa vụ khác đã đến hạn.
- vvvvv) Bên cầm cố bị tuyên bố hạn chế, mất năng lực hành vi và năng lực pháp luật theo quy định của pháp luật, bị chết hoặc bị tuyên bố chết, bị mất tích hoặc bị tuyên bố mất tích, bị khởi tố, ly hôn hoặc liên quan đến các vụ kiện làm ảnh hưởng đến Tài sản.
- wwwww) Các trường hợp mà NGÂN HÀNG đơn phương xét thấy cần thiết phải xử lý Tài sản để thu hồi nợ vay trước hạn.
- xxxxx) Các trường hợp khác do các bên thoả thuận hoặc theo quy định pháp luật.

yyyyy) Trong các trường hợp trên, mọi khoản nợ của Bên cầm cố tại NGÂN HÀNG chưa đến hạn cũng được coi là đến hạn và Tài sản đã cầm cố sẽ được xử lý để thu nợ.

60. Phương thức xử lý Tài sản: Trong trường hợp phải xử lý Tài sản để thu hồi nợ theo một trong các trường hợp nêu tại Khoản 1 Điều này thì Bên cầm cố bằng Hợp đồng này uỷ quyền không huỷ ngang, vô điều kiện và không hạn chế thời gian cho NGÂN HÀNG đại diện Bên cầm cố để lĩnh tiền và tất toán Tài sản tại đơn vị NGÂN HÀNG phát hành Thẻ tiết kiệm.

61. Số tiền thu được từ việc xử lý Tài sản, sẽ được NGÂN HÀNG tự động trích để thanh toán các khoản nợ mà Bên cầm cố phải trả cho NGÂN HÀNG bao gồm nhưng không giới hạn theo thứ tự ưu tiên như sau:

sss) Chi phí bảo quản, bán tài sản và các chi phí phát sinh khác có liên quan;

ttt) Nợ lãi quá hạn;

uuu) Nợ lãi trong hạn;

vvv) Nợ gốc;

www) Số tiền còn dư sẽ trả lại cho Bên cầm cố, nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản không đủ để trả nợ thì Bên cầm cố phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho NGÂN HÀNG.

62. Bên cầm cố tự nguyện từ bỏ mọi quyền khiếu nại, khiếu kiện NGÂN HÀNG đối với việc NGÂN HÀNG thực hiện xử lý Tài sản theo các nội dung quy định tại Điều này. NGÂN HÀNG có toàn quyền thực hiện xử lý Tài sản như nêu trên mà không cần kiện ra Tòa án hay cơ quan có thẩm quyền khác. Mọi vấn đề khác có liên quan đến việc xử lý tài sản cầm cố được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp

29. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này, trước hết sẽ được các bên trực tiếp thương lượng để giải quyết trên tinh thần thiện chí, tôn trọng các quyền và lợi ích hợp pháp của nhau. Trường hợp thương lượng không thành thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án nhân dân có thẩm quyền nơi có trụ sở của NGÂN HÀNG hoặc Tòa án nhân dân nơi có Tài sản để giải quyết. Quyết định của Tòa án có hiệu lực bắt buộc đối với các bên theo quy định của pháp luật.

30. Hợp đồng này được xác lập, điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

Điều 19. Cam kết của các bên

29. Bên cầm cố cam kết những thông tin về nhân thân và Tài sản đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật và tại thời điểm ký Hợp đồng này, Tài sản nói trên:

yyy) Được phép cầm cố theo quy định của Pháp luật;

zzz) Hoàn toàn thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Bên cầm cố và không có bất kỳ sự tranh chấp nào;

- aaaa) Chưa được chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng dưới mọi hình thức hoặc dùng để bảo đảm cho bất kỳ nghĩa vụ dân sự nào;
- bbbb) Không bị kê biên để bảo đảm thi hành án hoặc có bất kỳ quyết định nào của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hạn chế quyền sở hữu, quyền sử dụng ngoài những hạn chế đã được nêu tại Hợp đồng này;
- cccc) Không có giấy tờ nào khác ngoài giấy tờ nêu tại Điều 2 của Hợp đồng này.

30. Các bên cam kết:

- gg) Việc giao kết Hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối và cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận trong Hợp đồng này;
- hh) Đã tự đọc hoặc được nghe đọc đúng, hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này.

Điều 20. Hiệu lực của Hợp đồng

- 61. Trường hợp (các) Hợp đồng tín dụng đã ký giữa Bên vay vốn với NGÂN HÀNG được chuyển giao từ đơn vị kinh doanh (Bên nhận cầm cố) cho bất kỳ đơn vị kinh doanh nào khác trong hệ thống NGÂN HÀNG hoặc đơn vị kinh doanh có sự thay đổi về tên gọi, mô hình tổ chức, hoạt động thì các bên không phải ký lại Hợp đồng cầm cố, chỉ cần lập văn bản ghi nhận về việc thay đổi Bên nhận cầm cố và phải đăng ký lại giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật (nếu có).
- 62. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ khi tất cả các bên ký vào Hợp đồng và được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật (nếu có). Các Hợp đồng, phụ lục hợp đồng hoặc văn bản, tài liệu, giấy tờ được các bên thống nhất sửa đổi, bổ sung, thay thế một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng này hoặc liên quan đến Hợp đồng này là bộ phận kèm theo và có giá trị pháp lý theo Hợp đồng.
- 63. Các Hợp đồng được bảo đảm bằng Tài sản theo Hợp đồng cầm cố này nếu vô hiệu không làm Hợp đồng này vô hiệu. Trong trường hợp do có sự thay đổi về luật pháp, quy định hiện hành làm cho việc cầm cố tài sản đối với một hoặc một số tài sản nêu tại Điều 2 Hợp đồng này hoặc bất kỳ điều khoản nào trong Hợp đồng này vô hiệu, thì Hợp đồng này vẫn có hiệu lực với những tài sản, điều khoản còn lại.
- 64. Trường hợp Bản án, quyết định của tổ chức, cơ quan có Nhà nước có thẩm quyền khẳng định Hợp đồng này bị vô hiệu về hình thức, thủ tục thực hiện thì các nội dung đã được thoả thuận thống nhất theo Hợp đồng này vẫn có hiệu lực giữa các bên.
- 65. Hợp đồng này chỉ chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - eee) Bên cầm cố đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ trả nợ được bảo đảm của Hợp đồng cầm cố này;
 - fff) Các bên thoả thuận nghĩa vụ được bảo đảm theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng biện pháp khác;

ggg) Tài sản cầm cố được xử lý để thu hồi nợ theo quy định của Hợp đồng này hoặc theo quy định pháp luật.

hhh) Các trường hợp khác do các bên thoả thuận hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Điều khoản thi hành

29. Những vấn đề chưa được thoả thuận trong Hợp đồng này sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp luật.

30. Hợp đồng này được lập thành 04 bản chính, có giá trị pháp lý như nhau: NGÂN HÀNG giữ 02 bản, Bên cầm cố giữ 01 bản, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan giữ 01 bản (nếu có).

BÊN CẦM CỐ

(Ký, ghi rõ họ tên, gồm cả
đồng sở hữu, nếu có)

BÊN NHẬN CẦM CỐ

(Ký tên, đóng dấu)

HỢP ĐỒNG CẦM CỐ THẺ TIẾT KIỆM⁶⁰⁶¹

Số:/...../BD

**Hôm nay, ngày tháng năm 200....., tại Ngân hàng
..... chúng tôi gồm:**

30. Bên cầm cố⁶²:.....

- Địa chỉ :
- Điện thoại.....: Fax:
- ĐKKD số: Nơi cấp: ngày:
- Người đại diện:..... Chức vụ:
- CMND số: Nơi cấp: ngày:
- Số tài khoản tiền gửi đồng VN: Tại Ngân hàng... ..
- Số tài khoản tiền gửi ngoại tệ:..... Tại Ngân hàng... ..
- Giấy uỷ quyền số: ngày : của :

31. Bên nhận cầm cố: Ngân hàng

- Địa chỉ :
 - Điện thoại.....: Fax:
 - ĐKKD số: Nơi cấp: ngày:
 - Đại diện : Chức vụ:
 - Giấy uỷ quyền số: ngày : của :
- (Dưới đây, Bên nhận cầm cố được gọi tắt là “NGÂN HÀNG”)*

Cùng nhau thỏa thuận và ký Hợp đồng cầm cố Thẻ tiết kiệm theo các nội dung dưới đây:

Điều 1. Nghĩa vụ được bảo đảm

46. Bên cầm cố đồng ý cầm cố Thẻ tiết kiệm thuộc quyền sở hữu của mình để bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ dân sự của Bên vay vốn (là Ông/bà:....., CMTND số:..... hoặc Công ty....., Giấy

⁶⁰ Áp dụng trong trường hợp Bên vay vốn là Bên cầm cố

⁶¹ Ghi tên đơn vị phát hành

⁶² Nếu Bên cầm cố là một hoặc nhiều cá nhân đồng sở hữu thì cần sửa đổi, bổ sung thêm thông tin cho phù hợp như : Hộ khẩu thường trú, Số CMTND/Hộ chiếu. Trường hợp Bên cầm cố là hộ gia đình thì ghi thông tin về hộ gia đình đó và bổ sung thêm thông tin về người đại diện.

CNDKKD số:.....) đối với NGÂN HÀNG, bao gồm nhưng không giới hạn là: Tiền vay (nợ gốc), lãi vay, lãi quá hạn, chi phí xử lý Tài sản, các khoản chi phí khác và tiền bồi thường thiệt hại theo (các) Hợp đồng tín dụng ký với NGÂN HÀNG kể từ ngày các bên ký Hợp đồng này.

47. Nghĩa vụ được bảo đảm đối với các Hợp đồng tín dụng theo thoả thuận tại khoản 1 của Điều này bao gồm cả các nghĩa vụ quy định tại các Phụ lục trong trường hợp Hợp đồng tín dụng được gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hoặc có sự sửa đổi, bổ sung làm thay đổi nghĩa vụ được bảo đảm.

48. Tổng giá trị nghĩa vụ được bảo đảm sẽ giảm theo mức độ giảm giá trị của tài sản cầm cố được xác định lại trong các Biên bản định giá lại hoặc các phụ lục hợp đồng được ký giữa các bên và cũng được sử dụng theo nguyên tắc trên. Tổng mức cho vay trong trường hợp này cũng giảm tương ứng mà không cần có sự đồng ý của Bên cầm cố.

Điều 2. Tài sản cầm cố

Tài sản cầm cố là Thẻ tiết kiệm thuộc quyền sở hữu của Bên cầm cố (dưới đây gọi tắt là “Tài sản”), chi tiết về Tài sản được mô tả đầy đủ theo các văn bản (Hợp đồng, giấy tờ, tài liệu) dưới đây:

21. Thẻ tiết kiệm thuộc quyền sở hữu của Bên cầm cố gồm:

TT	Số, ký hiệu, nơi phát hành Thẻ tiết kiệm	Số tiền gửi (.....)	Ngày gửi	Kỳ hạn	Ghi chú
13
14
15
Tổng cộng:				

22. Toàn bộ số tiền lãi và lợi ích vật chất khác phát sinh từ Tài sản cũng là tài sản cầm cố trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.

Điều 3. Giá trị Tài sản

31. Tổng giá trị Tài sản nêu tại Điều 2 Hợp đồng này do Bên cầm cố và NGÂN HÀNG thoả thuận xác định là đồng theo Biên bản định giá tài sản ngày Mức giá định giá trên chỉ được làm mức giá trị tham chiếu để xác định mức cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng, không sử dụng để áp dụng trong trường hợp xử lý tài sản.

32. Với giá trị tài sản này, NGÂN HÀNG đồng ý cho Bên vay vốn vay tổng số tiền (nợ gốc) cao nhất là đồng.

Điều 4. Bàn giao, quản lý Tài sản

46. Trước hoặc ngay sau khi ký kết Hợp đồng này, Bên cầm cố phải bàn giao đầy đủ Tài sản kèm theo toàn bộ giấy tờ gốc về chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng, quản lý tài sản cầm cố và các giấy tờ khác có liên quan cho NGÂN HÀNG hoặc Bên thứ ba được NGÂN HÀNG uỷ quyền/thuê gửi giữ.
47. Bên cầm cố và NGÂN HÀNG sẽ ký Biên bản bàn giao Tài sản và giấy tờ tài sản cầm cố theo mẫu của NGÂN HÀNG. Biên bản bàn giao là một phần không thể tách rời của Hợp đồng cầm cố này.
48. NGÂN HÀNG có toàn quyền quản lý, bảo quản Tài sản và các giấy tờ gốc về Tài sản hoặc chuyển giao, uỷ quyền cho Bên thứ ba quản lý, bảo quản Tài sản. Mọi chi phí quản lý, bảo quản và/hoặc gửi giữ phát sinh giữa NGÂN HÀNG với Bên thứ ba do Bên cầm cố chịu trách nhiệm thanh toán, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên cầm cố

31. Bên cầm cố có các quyền sau:

- tt) Được nhận lại Tài sản đã giao cho NGÂN HÀNG khi Bên vay vốn hoặc tự mình hoàn thành nghĩa vụ trả nợ nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này.
- uu) Được yêu cầu NGÂN HÀNG hoặc Bên thứ ba bồi thường thiệt hại nếu làm mất, hư hỏng Tài sản.
- vv) Được bổ sung, thay thế Tài sản bằng một tài sản khác, được bán, trao đổi, tặng, cho, góp vốn liên doanh bằng Tài sản khi được NGÂN HÀNG chấp thuận trước bằng văn bản. Trường hợp bán Tài sản thì NGÂN HÀNG phải được nhận số tiền thu được từ việc bán Tài sản để thanh toán nghĩa vụ trả nợ đã cam kết theo Hợp đồng này.

32. Bên cầm cố có các nghĩa vụ sau:

- ppp) Bàn giao Tài sản cho NGÂN HÀNG trước hoặc ngay khi ký Hợp đồng này.
- qqq) Thanh toán mọi chi phí quản lý, bảo quản và/hoặc gửi giữ Tài sản, giấy tờ về Tài sản phát sinh giữa NGÂN HÀNG với Bên thứ ba theo Hợp đồng gửi giữ Tài sản hoặc thoả thuận liên quan, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.
- rrr) Phải thông báo bằng văn bản cho NGÂN HÀNG về quyền của Bên thứ ba đối với Tài sản (nếu có). Trong trường hợp không thông báo hoặc thông báo không đúng, không đầy đủ thì căn cứ vào mức độ nghiêm trọng của vi phạm NGÂN HÀNG có quyền yêu cầu bổ sung, thay thế tài sản bảo đảm, huỷ hợp đồng cầm cố và yêu cầu bồi thường thiệt hại đồng thời áp dụng các biện pháp khác để ngừng giải ngân và thu hồi nợ trước hạn
- sss) Không được sử dụng Tài sản để cầm cố hoặc bảo đảm cho nghĩa vụ khác; không được chuyển nhượng, trao đổi, tặng cho, góp vốn hoặc có bất kỳ hình thức nào chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng Tài sản, trừ trường hợp có sự chấp thuận bằng văn bản của NGÂN HÀNG.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của NGÂN HÀNG

31. NGÂN HÀNG có các quyền sau:

- aaaa) Được khai thác công dụng Tài sản và hưởng hoa lợi, lợi tức từ Tài sản, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.
- bbbb) Được yêu cầu Bên cầm cố cung cấp thông tin về thực trạng Tài sản và giám sát, kiểm tra đột xuất hoặc định kỳ Tài sản;
- cccc) Được quyền yêu cầu bên thứ ba giữ Tài sản giao Tài sản cho mình để xử lý thu hồi nợ trong trường hợp đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà Bên vay vốn hoặc Bên cầm cố không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đủ các nghĩa vụ cam kết.
- dddd) Được xử lý tài sản, chuyển giao quyền thu hồi nợ hoặc uỷ quyền cho bên thứ ba xử lý Tài sản theo quy định của Hợp đồng này hoặc quy định pháp luật có liên quan để thu hồi nợ.
- eeee) Các quyền khác theo thoả thuận hoặc quy định của pháp luật.

32. NGÂN HÀNG có các nghĩa vụ sau:

- a) Bảo quản và lưu giữ an toàn Tài sản và bản gốc các giấy tờ chứng minh quyền sử dụng, quyền sở hữu và các giấy tờ khác có liên quan đến Tài sản của Bên cầm cố.
- b) Trả lại bản gốc các giấy tờ về Tài sản khi Bên vay vốn đã hoàn thành nghĩa vụ bảo đảm hoặc Tài sản được thay thế bằng tài sản bảo đảm khác hoặc giao cho người mua Tài sản khi Tài sản được xử lý theo quy định của Hợp đồng này và quy định pháp luật liên quan.
- c) Trả lại bản gốc các giấy tờ về tài sản (nếu có) tương ứng với số nợ Bên vay vốn hoặc Bên cầm cố đã trả, nếu việc giải chấp một phần tài sản không ảnh hưởng đến tính chất, tính năng sử dụng ban đầu và giá trị của tài sản cầm cố còn lại.
- d) Bồi thường thiệt hại nếu làm hư hỏng, mất bản gốc các giấy tờ về Tài sản của Bên cầm cố.

Điều 7. Xử lý Tài sản

63. Các trường hợp xử lý Tài sản:

zzzzz) Khi đến thời hạn trả nợ (kể cả trường hợp phải trả nợ trước hạn) theo Hợp đồng tín dụng mà Bên vay vốn không thực hiện, thực hiện không đúng, không đủ hoặc vi phạm nghĩa vụ trả nợ NGÂN HÀNG;

aaaaaa) Các trường hợp pháp luật quy định Tài sản phải được xử lý để Bên cầm cố, Bên vay vốn thực hiện nghĩa vụ khác đã đến hạn.

bbbbbb) Bên cầm cố hoặc Bên vay vốn bị tuyên bố hạn chế, mất năng lực hành vi và năng lực pháp luật theo quy định của pháp luật, bị chết hoặc bị tuyên bố chết, bị mất tích hoặc bị tuyên bố mất tích, bị khởi tố, ly hôn hoặc liên quan đến các vụ kiện làm ảnh hưởng đến Tài sản.

cccccc)..... Các trường hợp mà NGÂN HÀNG đơn phương xét thấy cần thiết phải xử lý Tài sản để thu hồi nợ vay trước hạn.

dddddd) Các trường hợp khác do các bên thoả thuận hoặc theo quy định pháp luật.

eeeeee)..... Trong các trường hợp trên, mọi khoản nợ của Bên vay vốn tại NGÂN HÀNG chưa đến hạn cũng được coi là đến hạn và Tài sản đã cầm cố sẽ được xử lý để thu nợ.

64. Phương thức xử lý Tài sản: Trong trường hợp phải xử lý Tài sản để thu hồi nợ theo một trong các trường hợp nêu tại Khoản 1 Điều này thì Bên cầm cố bằng Hợp đồng này uỷ quyền không huỷ ngang, vô điều kiện và không hạn chế thời gian cho NGÂN HÀNG đại diện Bên cầm cố để lĩnh tiền và tất toán Tài sản tại các tổ chức, cơ quan liên quan.

65. Số tiền thu được từ việc xử lý Tài sản, sẽ được NGÂN HÀNG tự động trích để thanh toán các khoản nợ mà Bên cầm cố phải trả cho NGÂN HÀNG bao gồm nhưng không giới hạn theo thứ tự ưu tiên như sau:

xxx) Chi phí bảo quản, bán tài sản và các chi phí phát sinh khác có liên quan;

yyy) Nợ lãi quá hạn;

zzz) Nợ lãi trong hạn;

aaaa) Nợ gốc;

bbbb) Số tiền còn dư sẽ trả lại cho Bên cầm cố, nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản không đủ để trả nợ thì Bên cầm cố, Bên vay vốn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho NGÂN HÀNG.

66. Bên cầm cố tự nguyện từ bỏ mọi quyền khiếu nại, khiếu kiện NGÂN HÀNG đối với việc NGÂN HÀNG thực hiện xử lý Tài sản theo các nội dung quy định tại Điều này. NGÂN HÀNG có toàn quyền thực hiện xử lý Tài sản như nêu trên mà không cần kiện ra Toà án hay cơ quan có thẩm quyền khác. Mọi vấn đề khác có liên quan đến việc xử lý tài sản cầm cố được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp

31. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này, trước hết sẽ được các bên trực tiếp thương lượng để giải quyết trên tinh thần thiện chí, tôn trọng các quyền và lợi ích hợp pháp của nhau. Trường hợp thương lượng không thành thì các bên có quyền yêu cầu Toà án nhân dân có thẩm quyền nơi có trụ sở của NGÂN HÀNG hoặc Toà án nhân dân nơi có Tài sản để giải quyết. Quyết định của Toà án có hiệu lực bắt buộc đối với các bên theo quy định của pháp luật.

32. Hợp đồng này được xác lập, điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

Điều 9. Cam kết của các bên

31. Bên cầm cố cam kết những thông tin về nhân thân và Tài sản đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật và tại thời điểm ký Hợp đồng này, Tài sản nói trên:

- dddd)Được phép cầm cố theo quy định của Pháp luật;
- eeee) Hoàn toàn thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Bên cầm cố và không có bất kỳ sự tranh chấp nào;
- ffff) Chưa được chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng dưới mọi hình thức hoặc dùng để bảo đảm cho bất kỳ nghĩa vụ dân sự nào;
- gggg)Không bị kê biên để bảo đảm thi hành án hoặc có bất kỳ quyết định nào của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hạn chế quyền sở hữu, quyền sử dụng ngoài những hạn chế đã được nêu tại Hợp đồng này;
- hhhh)Không có giấy tờ nào khác ngoài giấy tờ nêu tại Điều 2 của Hợp đồng này.

32.Các bên cam kết:

- ii) Việc giao kết Hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối và cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận trong Hợp đồng này;
- jj) Đã tự đọc hoặc được nghe đọc đúng, hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này.

Điều 10. Hiệu lực của Hợp đồng

- 66.Trường hợp (các) Hợp đồng tín dụng đã ký giữa Bên vay vốn với NGÂN HÀNG được chuyển giao từ đơn vị kinh doanh (Bên nhận cầm cố) cho bất kỳ đơn vị kinh doanh nào khác trong hệ thống NGÂN HÀNG hoặc đơn vị kinh doanh có sự thay đổi về tên gọi, mô hình tổ chức, hoạt động thì các bên không phải ký lại Hợp đồng cầm cố, chỉ cần lập văn bản ghi nhận về việc thay đổi Bên nhận cầm cố và phải đăng ký lại giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật (nếu có).
- 67.Hợp đồng này có hiệu lực kể từ khi tất cả các bên ký vào Hợp đồng và được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật (nếu có). Các Hợp đồng, phụ lục hợp đồng hoặc văn bản, tài liệu, giấy tờ được các bên thống nhất sửa đổi, bổ sung, thay thế một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng này hoặc liên quan đến Hợp đồng này là bộ phận kèm theo và có giá trị pháp lý theo Hợp đồng.
- 68.Các Hợp đồng được bảo đảm bằng Tài sản theo Hợp đồng cầm cố này nếu vô hiệu không làm Hợp đồng này vô hiệu. Trong trường hợp do có sự thay đổi về luật pháp, quy định hiện hành làm cho việc cầm cố tài sản đối với một hoặc một số tài sản nêu tại Điều 2 Hợp đồng này hoặc bất kỳ điều khoản nào trong Hợp đồng này vô hiệu, thì Hợp đồng này vẫn có hiệu lực với những tài sản, điều khoản còn lại.
- 69.Trường hợp Bản án, quyết định của tổ chức, cơ quan có Nhà nước có thẩm quyền khẳng định Hợp đồng này bị vô hiệu về hình thức, thủ tục thực hiện thì các nội dung đã được thoả thuận thống nhất theo Hợp đồng này vẫn có hiệu lực giữa các bên.
- 70.Hợp đồng này chỉ chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- iii) Bên cầm cố hoặc Bên vay vốn đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ trả nợ được bảo đảm của Hợp đồng cầm cố này;
 - jjj) Các bên thoả thuận nghĩa vụ được bảo đảm theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng biện pháp khác;
 - kkk) Tài sản cầm cố được xử lý để thu hồi nợ theo quy định của Hợp đồng này hoặc theo quy định pháp luật.
- lll) Các trường hợp khác do các bên thoả thuận hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Điều khoản thi hành

31. Những vấn đề chưa được thoả thuận trong Hợp đồng này sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp luật.
32. Hợp đồng này được lập thành 05 bản chính, có giá trị pháp lý như nhau: NGÂN HÀNG giữ 02 bản, Bên cầm cố giữ 01 bản, Bên vay vốn giữ 01 bản, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan giữ 01 bản (nếu có).

BÊN CẦM CỐ

(Ký, ghi rõ họ tên, gồm cả đồng sở hữu, nếu có)

BÊN NHẬN CẦM CỐ

(Ký tên, đóng dấu)

HỢP ĐỒNG CẦM CỐ THẺ TIẾT KIỆM⁶³

Số:/...../BD

Hôm nay, ngày tháng năm 200....., tại
chúng tôi gồm:

4. **Bên cầm cố⁶⁴:**.....

- Địa chỉ :

- Điện thoại.....: Fax:

- ĐKKD số: Nơi cấp: ngày:

- Người đại diện:..... Chức vụ:

- CMND số: Nơi cấp: ngày:

- Số tài khoản tiền gửi đồng VN: Tại Ngân hàng... ..

- Số tài khoản tiền gửi ngoại tệ:..... Tại Ngân hàng... ..

- Giấy uỷ quyền số: ngày : của :

5. **Bên nhận cầm cố: Ngân hàng**

- Địa chỉ :

- Điện thoại.....: Fax:

- ĐKKD số: Nơi cấp: ngày:

- Đại diện : Chức vụ:

- Giấy uỷ quyền số: ngày : của :

(Dưới đây, Bên nhận cầm cố được gọi tắt là “NGÂN HÀNG”)

6. **Bên vay vốn:**

- Địa chỉ :

- Điện thoại.....: Fax:

- ĐKKD số: Nơi cấp: ngày:

⁶³ Áp dụng đối với trường hợp cả 03 bên: Bên vay vốn, Bên cầm cố và NGÂN HÀNG cùng ký Hợp đồng.

⁶⁴ Nếu Bên cầm cố là một hoặc nhiều cá nhân đồng sở hữu thì cần sửa đổi, bổ sung thêm thông tin cho phù hợp như : Hộ khẩu thường trú, Số CMTND/Hộ chiếu. Trường hợp Bên cầm cố là hộ gia đình thì ghi thông tin về hộ gia đình đó và bổ sung thêm thông tin về người đại diện.

- Đại diện : Chức vụ:
- CMND số: Nơi cấp: ngày:
- Giấy uỷ quyền số: ngày : của :

Cùng nhau thỏa thuận và ký Hợp đồng cầm cố Thẻ tiết kiệm theo các nội dung dưới đây:

Điều 1. Nghĩa vụ được bảo đảm

49. Bên cầm cố đồng ý cầm cố Thẻ tiết kiệm thuộc quyền sở hữu của mình để bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ dân sự của Bên vay vốn đối với NGÂN HÀNG, bao gồm nhưng không giới hạn là: Tiền vay (nợ gốc), lãi vay, lãi quá hạn, chi phí xử lý Tài sản, các khoản chi phí khác và tiền bồi thường thiệt hại theo (các) Hợp đồng tín dụng ký với NGÂN HÀNG kể từ ngày các bên ký Hợp đồng này.
50. Nghĩa vụ được bảo đảm đối với các Hợp đồng tín dụng theo thỏa thuận tại khoản 1 của Điều này bao gồm cả các nghĩa vụ quy định tại các Phụ lục trong trường hợp Hợp đồng tín dụng được gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hoặc có sự sửa đổi, bổ sung làm thay đổi nghĩa vụ được bảo đảm.
51. Tổng giá trị nghĩa vụ được bảo đảm sẽ giảm theo mức độ giảm giá trị của tài sản cầm cố được xác định lại trong các Biên bản định giá lại hoặc các phụ lục hợp đồng được ký giữa các bên và cũng được sử dụng theo nguyên tắc trên. Tổng mức cho vay trong trường hợp này cũng giảm tương ứng mà không cần có sự đồng ý của Bên cầm cố.

Điều 2. Tài sản cầm cố

Tài sản cầm cố là Thẻ tiết kiệm thuộc quyền sở hữu của Bên cầm cố (dưới đây gọi tắt là “Tài sản”), chi tiết về Tài sản được mô tả đầy đủ theo các văn bản (Hợp đồng, giấy tờ, tài liệu) dưới đây:

23. Thẻ tiết kiệm thuộc quyền sở hữu của Bên cầm cố gồm:

TT	Số, ký hiệu, nơi phát hành Thẻ tiết kiệm	Số tiền gửi (.....)	Ngày gửi	Kỳ hạn	Ghi chú
16
17
18
Tổng cộng:				

24. Toàn bộ số tiền lãi và lợi ích vật chất khác phát sinh từ Tài sản cũng là tài sản cầm cố trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác bằng văn bản.

Điều 3. Giá trị Tài sản

33. Tổng giá trị Tài sản nêu tại Điều 2 Hợp đồng này do Bên cầm cố và NGÂN HÀNG thoả thuận xác định là đồng theo Biên bản định giá tài sản ngày Mức giá định giá trên chỉ được làm mức giá trị tham chiếu để xác định mức cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng, không sử dụng để áp dụng trong trường hợp xử lý tài sản.
34. Với giá trị tài sản này, NGÂN HÀNG đồng ý cho Bên vay vốn vay tổng số tiền (nợ gốc) cao nhất là đồng.

Điều 4. Bàn giao, quản lý Tài sản

49. Trước hoặc ngay sau khi ký kết Hợp đồng này, Bên cầm cố phải bàn giao đầy đủ Tài sản kèm theo toàn bộ giấy tờ gốc về chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng, quản lý tài sản cầm cố và các giấy tờ khác có liên quan cho NGÂN HÀNG hoặc Bên thứ ba được NGÂN HÀNG uỷ quyền/thuê gửi giữ.
50. Bên cầm cố và NGÂN HÀNG sẽ ký Biên bản bàn giao Tài sản và giấy tờ tài sản cầm cố theo mẫu của NGÂN HÀNG. Biên bản bàn giao là một phần không thể tách rời của Hợp đồng cầm cố này.
51. NGÂN HÀNG có toàn quyền quản lý, bảo quản Tài sản và các giấy tờ gốc về Tài sản hoặc chuyển giao, uỷ quyền cho Bên thứ ba quản lý, bảo quản Tài sản. Mọi chi phí quản lý, bảo quản và/hoặc gửi giữ phát sinh giữa NGÂN HÀNG với Bên thứ ba do Bên cầm cố chịu trách nhiệm thanh toán, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên cầm cố

33. Bên cầm cố có các quyền sau:

- ww) Được nhận lại Tài sản đã giao cho NGÂN HÀNG khi Bên vay vốn hoặc tự mình hoàn thành nghĩa vụ trả nợ nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này.
- xx) Được yêu cầu NGÂN HÀNG hoặc Bên thứ ba bồi thường thiệt hại nếu làm mất, hư hỏng Tài sản.
- yy) Được bổ sung, thay thế Tài sản bằng một tài sản khác, được bán, trao đổi, tặng, cho, góp vốn liên doanh bằng Tài sản khi được NGÂN HÀNG chấp thuận trước bằng văn bản. Trường hợp bán Tài sản thì NGÂN HÀNG phải được nhận số tiền thu được từ việc bán Tài sản để thanh toán nghĩa vụ trả nợ đã cam kết theo Hợp đồng này.

34. Bên cầm cố có các nghĩa vụ sau:

- ttt) Bàn giao Tài sản cho NGÂN HÀNG trước hoặc ngay khi ký Hợp đồng này.
- uuu) Thanh toán mọi chi phí quản lý, bảo quản và/hoặc gửi giữ Tài sản, giấy tờ về Tài sản phát sinh giữa NGÂN HÀNG với Bên thứ ba theo Hợp đồng gửi giữ Tài sản hoặc thoả thuận liên quan, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.
- vvv) Phải thông báo bằng văn bản cho NGÂN HÀNG về quyền của Bên thứ ba đối với Tài sản (nếu có). Trong trường hợp không thông báo hoặc thông báo không đúng, không đầy đủ thì căn cứ vào mức độ nghiêm trọng

của vi phạm NGÂN HÀNG có quyền yêu cầu bổ sung, thay thế tài sản bảo đảm, huỷ hợp đồng cầm cố và yêu cầu bồi thường thiệt hại đồng thời áp dụng các biện pháp khác để ngừng giải ngân và thu hồi nợ trước hạn

www) Không được sử dụng Tài sản để cầm cố hoặc bảo đảm cho nghĩa vụ khác; không được chuyển nhượng, trao đổi, tặng cho, góp vốn hoặc có bất kỳ hình thức nào chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng Tài sản, trừ trường hợp có sự chấp thuận bằng văn bản của NGÂN HÀNG.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của NGÂN HÀNG

33. NGÂN HÀNG có các quyền sau:

ffff) Được khai thác công dụng Tài sản và hưởng hoa lợi, lợi tức từ Tài sản, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.

gggg) Được yêu cầu Bên cầm cố cung cấp thông tin về thực trạng Tài sản và giám sát, kiểm tra đột xuất hoặc định kỳ Tài sản;

hhhh) Được quyền yêu cầu bên thứ ba giữ Tài sản giao Tài sản cho mình để xử lý thu hồi nợ trong trường hợp đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà Bên vay vốn hoặc Bên cầm cố không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đủ các nghĩa vụ cam kết.

iiii) Được xử lý tài sản, chuyển giao quyền thu hồi nợ hoặc uỷ quyền cho bên thứ ba xử lý Tài sản theo quy định của Hợp đồng này hoặc quy định pháp luật có liên quan để thu hồi nợ.

jjjj) Các quyền khác theo thoả thuận hoặc quy định của pháp luật.

34. NGÂN HÀNG có các nghĩa vụ sau:

a) Bảo quản và lưu giữ an toàn Tài sản và bản gốc các giấy tờ chứng minh quyền sử dụng, quyền sở hữu và các giấy tờ khác có liên quan đến Tài sản của Bên cầm cố.

b) Trả lại bản gốc các giấy tờ về Tài sản khi Bên vay vốn đã hoàn thành nghĩa vụ bảo đảm hoặc Tài sản được thay thế bằng tài sản bảo đảm khác hoặc giao cho người mua Tài sản khi Tài sản được xử lý theo quy định của Hợp đồng này và quy định pháp luật liên quan.

c) Trả lại bản gốc các giấy tờ về tài sản (nếu có) tương ứng với số nợ Bên vay vốn hoặc Bên cầm cố đã trả, nếu việc giải chấp một phần tài sản không ảnh hưởng đến tính chất, tính năng sử dụng ban đầu và giá trị của tài sản cầm cố còn lại.

d) Bồi thường thiệt hại nếu làm hư hỏng, mất bản gốc các giấy tờ về Tài sản của Bên cầm cố.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Bên vay vốn

7. Được vay vốn theo các điều kiện tại Hợp đồng tín dụng ký với NGÂN HÀNG và Hợp đồng này;

8. Cùng Bên cầm cố thực hiện công chứng, chứng thực Hợp đồng cầm cố, đăng ký, xoá đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật hoặc theo

yêu cầu của NGÂN HÀNG, chịu trách nhiệm thanh toán các chi phí liên quan đến việc đăng ký cầm cố theo quy định của Pháp luật, kể cả trường hợp gia hạn, sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cầm cố này.

9. Thực hiện quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại Hợp đồng này, Hợp đồng tín dụng đã ký với NGÂN HÀNG và của Pháp luật.

Điều 8. Xử lý Tài sản

67. Các trường hợp xử lý Tài sản:

ffffff) Khi đến thời hạn trả nợ (kể cả trường hợp phải trả nợ trước hạn) theo Hợp đồng tín dụng mà Bên vay vốn không thực hiện, thực hiện không đúng, không đủ hoặc vi phạm nghĩa vụ trả nợ NGÂN HÀNG;

gggggg) Các trường hợp pháp luật quy định Tài sản phải được xử lý để Bên cầm cố, Bên vay vốn thực hiện nghĩa vụ khác đã đến hạn.

hhhhh) Bên cầm cố hoặc Bên vay vốn bị tuyên bố hạn chế, mất năng lực hành vi và năng lực pháp luật theo quy định của pháp luật, bị chết hoặc bị tuyên bố chết, bị mất tích hoặc bị tuyên bố mất tích, bị khởi tố, ly hôn hoặc liên quan đến các vụ kiện làm ảnh hưởng đến Tài sản.

iiiiii) Các trường hợp mà NGÂN HÀNG đơn phương xét thấy cần thiết phải xử lý Tài sản để thu hồi nợ vay trước hạn.

jjjjjj) Các trường hợp khác do các bên thỏa thuận hoặc theo quy định pháp luật.

kkkkkk) Trong các trường hợp trên, mọi khoản nợ của Bên vay vốn tại NGÂN HÀNG chưa đến hạn cũng được coi là đến hạn và Tài sản đã cầm cố sẽ được xử lý để thu nợ.

68. Phương thức xử lý Tài sản: Trong trường hợp phải xử lý Tài sản để thu hồi nợ theo một trong các trường hợp nêu tại Khoản 1 Điều này thì Bên cầm cố bằng Hợp đồng này uỷ quyền không huỷ ngang, vô điều kiện và không hạn chế thời gian cho NGÂN HÀNG đại diện Bên cầm cố để lĩnh tiền và tất toán Tài sản tại các tổ chức, cơ quan liên quan.

69. Số tiền thu được từ việc xử lý Tài sản, sẽ được NGÂN HÀNG tự động trích để thanh toán các khoản nợ mà Bên cầm cố phải trả cho NGÂN HÀNG bao gồm nhưng không giới hạn theo thứ tự ưu tiên như sau:

cccc) Chi phí bảo quản, bán tài sản và các chi phí phát sinh khác có liên quan;

dddd) Nợ lãi quá hạn;

eeee) Nợ lãi trong hạn;

ffff) Nợ gốc;

gggg) Số tiền còn dư sẽ trả lại cho Bên cầm cố, nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản không đủ để trả nợ thì Bên cầm cố, Bên vay vốn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho NGÂN HÀNG.

70. Bên cầm cố tự nguyện từ bỏ mọi quyền khiếu nại, khiếu kiện NGÂN HÀNG đối với việc NGÂN HÀNG thực hiện xử lý Tài sản theo các nội dung quy định

tại Điều này. NGÂN HÀNG có toàn quyền thực hiện xử lý Tài sản như nêu trên mà không cần kiện ra Toà án hay cơ quan có thẩm quyền khác. Mọi vấn đề khác có liên quan đến việc xử lý tài sản cầm cố được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp

33. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này, trước hết sẽ được các bên trực tiếp thương lượng để giải quyết trên tinh thần thiện chí, tôn trọng các quyền và lợi ích hợp pháp của nhau. Trường hợp thương lượng không thành thì các bên có quyền yêu cầu Toà án nhân dân có thẩm quyền nơi có trụ sở của NGÂN HÀNG hoặc Toà án nhân dân nơi có Tài sản để giải quyết. Quyết định của Toà án có hiệu lực bắt buộc đối với các bên theo quy định của pháp luật.

34. Hợp đồng này được xác lập, điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

Điều 10. Cam kết của các bên

33. Bên cầm cố cam kết những thông tin về nhân thân và Tài sản đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật và tại thời điểm ký Hợp đồng này, Tài sản nói trên:

iiii) Được phép cầm cố theo quy định của Pháp luật;

jjjj) Hoàn toàn thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Bên cầm cố và không có bất kỳ sự tranh chấp nào;

kkkk) Chưa được chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng dưới mọi hình thức hoặc dùng để bảo đảm cho bất kỳ nghĩa vụ dân sự nào;

llll) Không bị kê biên để bảo đảm thi hành án hoặc có bất kỳ quyết định nào của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hạn chế quyền sở hữu, quyền sử dụng ngoài những hạn chế đã được nêu tại Hợp đồng này;

mmmm) Không có giấy tờ nào khác ngoài giấy tờ nêu tại Điều 2 của Hợp đồng này.

34. Các bên cam kết:

kk) Việc giao kết Hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối và cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận trong Hợp đồng này;

ll) Đã tự đọc hoặc được nghe đọc đúng, hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này.

Điều 11. Hiệu lực của Hợp đồng

71. Trường hợp (các) Hợp đồng tín dụng đã ký giữa Bên vay vốn với NGÂN HÀNG được chuyển giao từ đơn vị kinh doanh (Bên nhận cầm cố) cho bất kỳ đơn vị kinh doanh nào khác trong hệ thống NGÂN HÀNG hoặc đơn vị kinh doanh có sự thay đổi về tên gọi, mô hình tổ chức, hoạt động thì các bên không phải ký lại Hợp đồng cầm cố, chỉ cần lập văn bản ghi nhận về việc thay đổi Bên nhận cầm cố và phải đăng ký lại giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật (nếu có).

72. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ khi tất cả các bên ký vào Hợp đồng và được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật (nếu có). Các Hợp đồng, phụ lục hợp đồng hoặc văn bản, tài liệu, giấy tờ được các bên thống nhất sửa đổi, bổ sung, thay thế một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng này hoặc liên quan đến Hợp đồng này là bộ phận kèm theo và có giá trị pháp lý theo Hợp đồng.
73. Các Hợp đồng được bảo đảm bằng Tài sản theo Hợp đồng cầm cố này nếu vô hiệu không làm Hợp đồng này vô hiệu. Trong trường hợp do có sự thay đổi về luật pháp, quy định hiện hành làm cho việc cầm cố tài sản đối với một hoặc một số tài sản nêu tại Điều 2 Hợp đồng này hoặc bất kỳ điều khoản nào trong Hợp đồng này vô hiệu, thì Hợp đồng này vẫn có hiệu lực với những tài sản, điều khoản còn lại.
74. Trường hợp Bản án, quyết định của tổ chức, cơ quan có Nhà nước có thẩm quyền khẳng định Hợp đồng này bị vô hiệu về hình thức, thủ tục thực hiện thì các nội dung đã được thoả thuận thống nhất theo Hợp đồng này vẫn có hiệu lực giữa các bên.
75. Hợp đồng này chỉ chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
- mmm) Bên cầm cố hoặc Bên vay vốn đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ trả nợ được bảo đảm của Hợp đồng cầm cố này;
 - nnn) Các bên thoả thuận nghĩa vụ được bảo đảm theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng biện pháp khác;
 - ooo) Tài sản cầm cố được xử lý để thu hồi nợ theo quy định của Hợp đồng này hoặc theo quy định pháp luật.
 - ppp) Các trường hợp khác do các bên thoả thuận hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Điều khoản thi hành

33. Những vấn đề chưa được thoả thuận trong Hợp đồng này sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp luật.
34. Hợp đồng này được lập thành 05 bản chính, có giá trị pháp lý như nhau: NGÂN HÀNG giữ 02 bản, Bên cầm cố giữ 01 bản, Bên vay vốn giữ 01 bản, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan giữ 01 bản (nếu có).

BÊN CẦM CỐ
(Ký, ghi rõ họ tên, gồm cả
đồng sở hữu, nếu có)

BÊN VAY VỐN
(Ký, ghi rõ họ tên)

**BÊN NHẬN CẦM
CỐ**
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CÀM CỐ SỔ TIẾT KIỆM

Số Công chứng: **Quyển số: 02 TP/CC-SCC/HĐGD.**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CẦM CỐ SỔ TIẾT KIỆM

Hôm nay, ngày tháng năm 2010, tại, chúng tôi gồm có:

BÊN CẦM CỐ:

Ông, sinh năm:, CMND số: do Công an cấp ngày và vợ là bà, sinh năm:, CMND số: do Công an cấp ngày

Cả hai ông bà cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại:

BÊN NHẬN CẦM CỐ:

CÔNG TY

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố cấp lần đầu ngày 24/11/2004

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Người đại diện: Ông Chức vụ: Giám đốc

- Ông có CMND số: do cấp ngày

Các bên thoả thuận, nhất trí ký Hợp đồng cầm cố sổ tiết kiệm theo các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NGHĨA VỤ ĐƯỢC BẢO ĐẢM

Bên Cầm cố đồng ý cầm cố và Bên Nhận Cầm cố đồng ý cầm cố tài sản bảo đảm quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này để bảo đảm cho tất cả các nghĩa vụ của Bên Cầm cố (ông/bà ... - sau đây gọi tắt là "**Tu Nghiệp sinh**") với Bên Nhận Cầm cố theo "**Hợp đồng đi tu nghiệp tại Nhật Bản**" số: NB .../KKK .../2009/HĐTN ký ngày giữa ông/bà với **Công ty** cùng các phụ lục kèm theo (nếu có).

ĐIỀU 2: TÀI SẢN CẦM CỐ

Tài sản dùng để cầm cố là sổ tiết kiệm số mở ngày tại Ngân hàng

ĐIỀU 3: GIÁ TRỊ TÀI SẢN CẦM CỐ

Giá trị của tài sản cầm cố tại thời điểm ký Hợp đồng này là: đồng (..... đồng) theo số dư tiền gửi được Ngân hàng xác nhận tại sổ tiết kiệm nêu tại Điều 2 Hợp đồng này.

ĐIỀU 4: THỜI HẠN CẦM CỐ

Thời hạn cầm cố tài sản nói trên là kể từ ngày ký hợp đồng này cho đến khi Bên Cầm cố thực hiện xong các nghĩa vụ của mình đối với Bên Nhận Cầm cố.

ĐIỀU 5: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN CẦM CỐ

5.1. Được hưởng lãi suất theo quy định của Ngân hàng, được trả lại sổ tiết kiệm nếu hoàn thành chương trình tu nghiệp, trở về nước đúng hạn có xác nhận hoàn thành hợp đồng của phía Nhật Bản và không được gây bất cứ thiệt hại nào cho Bên Nhận Cầm cố, phía Nhật Bản và các bên có liên quan khác;

5.2. Được hưởng các quyền lợi ghi trong “*Hợp đồng đi tu nghiệp tại Nhật Bản*” đã ký với Bên Nhận Cầm cố;

5.3. Giao cho Bên Nhận Cầm cố giữ tài sản cầm cố như đã nêu tại Điều 2 Hợp đồng này;

5.4. Thực hiện công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm (*nếu có*) và chịu mọi chi phí liên quan;

5.5. Trong thời hạn cầm cố, không được đưa tài sản cầm cố trên tham gia bất cứ giao dịch nào mà không có sự đồng ý của Bên Nhận Cầm cố;

5.6. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

ĐIỀU 6: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN NHẬN CẦM CỐ

6.1. Được quyền rút toàn bộ số tiền (*gốc và lãi*) trong sổ tiết kiệm nói trên để khắc phục các thiệt hại do việc Tu Nghiệp sinh vi phạm “*Hợp đồng đi tu nghiệp tại Nhật Bản*” gây ra (*nếu có*);

6.2. Được lưu giữ bản chính sổ tiết kiệm quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này;

6.3. Có trách nhiệm giữ và bảo quản sổ tiết kiệm nói trên trong suốt thời gian Tu Nghiệp sinh tu nghiệp/làm việc tại Nhật Bản theo hợp đồng đã ký;

6.4. Không được tự ý làm thủ tục với Ngân hàng để rút tiền trong sổ tiết kiệm nếu không có đầy đủ chứng cứ chứng minh Tu Nghiệp sinh vi phạm Hợp đồng đã ký;

6.5. Không được mang tài sản cầm cố đi cầm cố, thế chấp lại dưới bất kỳ hình thức nào;

6.6. Trả lại sổ tiết kiệm cho Bên Cầm cố nếu Tu Nghiệp sinh hoàn thành chương trình tu nghiệp, trở về nước đúng hạn có xác nhận hoàn thành hợp đồng của phía

Nhật Bản và không được gây bất cứ thiệt hại nào cho Bên Nhận Cầm cố, phía Nhật Bản và các bên có liên quan khác, đồng thời Tu Nghiệp sinh hoàn tất thủ tục thanh lý hợp đồng với Bên Nhận Cầm cố;

6.7. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 7: XỬ LÝ TÀI SẢN CẦM CỐ

7.1. Các trường hợp xử lý tài sản cầm cố:

7.1.1. Tu Nghiệp sinh bỏ trốn khỏi nơi tu nghiệp/làm việc theo quy định của phía Nhật Bản;

7.1.2. Tu Nghiệp sinh vi phạm nội qui, qui định của phía tiếp nhận Nhật Bản, gây thiệt hại về kinh tế cho phía Nhật Bản mà không tự bồi thường hoặc không có khả năng bồi thường những thiệt hại do Tu Nghiệp sinh vi phạm gây ra;

7.1.3. Tu Nghiệp sinh vi phạm hợp đồng tu nghiệp, hoặc vi phạm pháp luật Nhật Bản dẫn đến bị phía Nhật Bản quyết định đình chỉ tu nghiệp và trục xuất về nước;

7.1.4. Các trường hợp khác do các bên thoả thuận hoặc pháp luật có quy định.

7.2. Các chứng cứ chứng minh Tu Nghiệp sinh vi phạm:

Các chứng cứ pháp lý để chứng minh các vi phạm của tu nghiệp sinh là bản chính văn bản thông báo của phía tiếp nhận Nhật Bản (*Hiệp hội đức Kawaguchi - Kaikenkai - Nhật Bản*) đề cập đến một trong những nội dung như đã nêu tại khoản 7.1 nêu trên.

7.3. Phương thức xử lý tài sản:

Trong mọi trường hợp như quy định tại khoản 7.1 nêu trên, Bên Nhận Cầm cố có quyền chủ động xử lý tài sản cầm cố theo đúng quy định của pháp luật và theo thoả thuận giữa hai bên.

7.4. Tiền thu được từ việc xử lý tài sản cầm cố

Tiền thu được từ việc xử lý tài sản cầm cố, sau khi trừ đi các chi phí phát sinh trong quá trình xử lý tài sản sẽ được Bên Nhận Cầm cố sử dụng để chi trả các khoản chi phí, phạt (*nếu có*), bồi thường thiệt hại (*nếu có*) và các nghĩa vụ tài chính khác do việc Tu Nghiệp sinh vi phạm hợp đồng gây ra;

ĐIỀU 8: CAM KẾT CỦA CÁC BÊN

8.1. Bên Nhận Cầm cố có nghĩa vụ hoàn trả các giấy tờ về tài sản cầm cố cho Bên Cầm cố trong vòng 01 (*một*) tháng sau khi Tu Nghiệp sinh hoàn thành chương trình tu nghiệp/làm việc, về nước đúng hạn mà không gây ra bất kỳ thiệt hại về

kinh tế, và các thiệt hại khác cho Bên Nhận Chăm sóc và phía Nhật Bản, đồng thời xuất trình cho Bên Nhận Chăm sóc bản gốc văn bản chứng nhận đã hoàn thành chương trình tu nghiệp do phía tiếp nhận Nhật Bản cấp cho Tu Nghiệp sinh đồng thời hoàn tất các thủ tục thanh lý hợp đồng với Bên Nhận Chăm sóc;

8.2. Bên Chăm sóc cam kết thực hiện nghiêm túc các hợp đồng, văn bản đã ký với Bên Nhận Chăm sóc và phía tiếp nhận Nhật Bản, không vi phạm hợp đồng. Trường hợp Tu Nghiệp sinh vi phạm các hợp đồng đã ký thì phải chịu mọi trách nhiệm, nghĩa vụ đã cam kết với Bên Nhận Chăm sóc, với phía tiếp nhận Nhật Bản cũng như trước pháp luật Việt Nam và Nhật Bản;

8.3. Bên Chăm sóc cam kết những thông tin về nhân thân và tài sản chăm sóc đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật và tại thời điểm ký Hợp đồng này, tài sản chăm sóc nói trên:

a/ Được phép chăm sóc theo quy định của Pháp luật;

b/ Hoàn toàn thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Bên Chăm sóc và không có bất kỳ sự tranh chấp nào;

c/ Chưa được chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng dưới mọi hình thức hoặc dùng để bảo đảm cho bất kỳ nghĩa vụ dân sự nào;

d/ Không bị kê biên để bảo đảm thi hành án hoặc có bất kỳ quyết định nào của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hạn chế quyền sở hữu, quyền sử dụng ngoài những hạn chế đã được nêu tại Hợp đồng này;

e/ Không có giấy tờ nào khác ngoài giấy tờ nêu tại Điều 2 của Hợp đồng này.

8.4. Các bên cam kết:

a/ Việc giao kết Hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối và cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận trong Hợp đồng này;

b/ Đã tự đọc hoặc được nghe đọc đúng, hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này.

8.5. Hợp đồng này không huỷ ngang, mọi sửa đổi bổ sung nội dung Hợp đồng phải được hai bên thoả thuận bằng văn bản.

ĐIỀU 9: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG CHĂM SÓC

9.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm Bên Chăm sóc giao sổ tiết kiệm nêu tại Điều 2 của hợp đồng này cho Bên Nhận chăm sóc. Các Hợp đồng, phụ lục hợp đồng hoặc văn bản, tài liệu, giấy tờ được các bên thống nhất sửa đổi, bổ sung, thay thế một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng này hoặc liên quan đến Hợp đồng này là bộ phận kèm theo và có giá trị pháp lý theo Hợp đồng.

9.2. Các Hợp đồng được bảo đảm bằng Tài sản theo Hợp đồng cầm cố này nếu vô hiệu không làm Hợp đồng này vô hiệu. Trong trường hợp do có sự thay đổi về luật pháp, quy định hiện hành làm cho việc cầm cố tài sản đối với một hoặc một số tài sản nêu tại Điều 2 Hợp đồng này hoặc bất kỳ điều khoản nào trong Hợp đồng này vô hiệu, thì Hợp đồng này vẫn có hiệu lực với những tài sản, điều khoản còn lại.

9.3. Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Tu Nghiệp sinh hoàn thành chương trình tu nghiệp/làm việc, về nước đúng hạn mà không gây ra bất kỳ thiệt hại về kinh tế, và các thiệt hại khác cho Bên Nhận Cầm cố và phía Nhật Bản, đồng thời xuất trình cho Bên Nhận Cầm cố bản gốc văn bản chứng nhận đã hoàn thành chương trình tu nghiệp do phía tiếp nhận Nhật Bản cấp cho tu nghiệp sinh;
- Tài sản cầm cố đã được xử lý theo quy định tại Điều 7 của Hợp đồng này theo quy định của Pháp luật;
- Các bên thoả thuận áp dụng biện pháp bảo đảm khác;
- Các trường hợp khác mà pháp luật quy định.

ĐIỀU 10: TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không giải quyết được, thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu toà án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 11: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Hợp đồng này và các tài liệu kèm theo Hợp đồng này là bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng tu nghiệp tại Nhật Bản quy định tại Điều 1 của Hợp đồng này.

Hợp đồng này được lập thành 04 bản, đã được các bên đọc lại, hiểu và nhất trí ký tên dưới đây để làm bằng chứng.

BÊN CẦM CỐ

BÊN NHẬN CẦM CỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

-----o0o-----

HỢP ĐỒNG CẦM CỐ TÀI SẢN

Tại Phòng Công chứng số (Trường hợp việc công chứng được thực hiện ngoài trụ sở, thì ghi địa điểm thực hiện Công chứng và Phòng Công chứng), chúng tôi gồm có

BÊN CẦM CỐ TÀI SẢN (SAU ĐÂY GỌI LÀ BÊN A):

Ông (Bà):.....Sinh
ngày:.....

Chứng minh nhân dân số:.....cấp
ngày.....tại.....

Hộ khẩu thường trú (trường hợp không có hộ khẩu thường trú thì ghi đăng ký tạm trú):

.....
.....

Hoặc có thể chọn một trong các chủ thể sau:

1. Chủ thể là vợ chồng:

Ông:.....Sinh
ngày:.....

Chứng minh nhân dân số:.....cấp
ngày.....tại.....

Hộ khẩu thường trú (trường hợp không có hộ khẩu thường trú thì ghi đăng ký tạm trú):

.....
.....

Cùng vợ là Bà:.....Sinh
ngày:.....

Chứng minh nhân dân số:.....cấp
ngày.....tại.....

Hộ khẩu thường trú (*trường hợp không có hộ khẩu thường trú thì ghi đăng ký tạm trú*):

.....
.....

(*Trường hợp vợ chồng có hộ khẩu thường trú khác nhau, thì ghi hộ khẩu thường trú của từng người*).

2. Chủ thể là hộ gia đình:

Họ và tên chủ hộ:Sinh
ngày:.....

Chứng minh nhân dân số:.....cấp
ngày.....tại.....

Hộ khẩu thường trú (*trường hợp không có hộ khẩu thường trú thì ghi đăng ký tạm trú*):

.....
.....

.

Các thành viên của hộ gia đình:

Họ và tên:Sinh
ngày:.....

Chứng minh nhân dân số:.....cấp
ngày.....tại.....

Hộ khẩu thường trú (*trường hợp không có hộ khẩu thường trú thì ghi đăng ký tạm trú*):

.....
.....

* Trong trường hợp các chủ thể nêu trên có đại diện thì ghi:

Họ và tên người đại diện:Sinh
ngày:.....

Chứng minh nhân dân số:.....cấp
ngày.....tại.....

Hộ khẩu thường trú (*trường hợp không có hộ khẩu thường trú thì ghi đăng ký tạm trú*):

.....
.....

Theo giấy ủy quyền (*trường hợp đại diện theo ủy quyền*) số:ngàydolập.

3. Chủ thể là tổ chức:

Tên tổ chức:

.....

Trụ sở:

.....
..

Quyết định thành lập số:..... ngày.... tháng nămdocấp.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:.....ngày.... tháng nămdocấp.

Số Fax:Số điện thoại:.....

Họ và tên người đại diện: : Sinh ngày: :
.....

Chức vụ: :
.....

Chứng minh nhân dân số::cấp ngày:tại:
.....

Theo giấy ủy quyền (*trường hợp đại diện theo ủy quyền*) số: ...ngàydolập.

BÊN NHẬN CẦM CỐ TÀI SẢN (SAU ĐÂY GỌI LÀ BÊN B):

(*Chọn một trong các chủ thể nêu trên*)

.....
.....

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Hai bên đồng ý thực hiện việc vay tài sản với các thỏa thuận sau đây:

ĐIỀU 1: NGHĨA VỤ ĐƯỢC BẢO ĐẢM

1. Bên A đồng ý cầm cố tài sản thuộc quyền sở hữu của mình để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bên B (bao gồm: nợ gốc, lãi vay, lãi quá hạn và phí).

2. Số tiền mà bên B cho bên A vay là:

.....

(bằng chữ:.....đồng).

Các điều kiện chi tiết về việc cho vay số tiền nêu trên đã được ghi cụ thể trong Hợp đồng tín dụng.

ĐIỀU 2: TÀI SẢN CẦM CỐ

1. Tài sản cầm cố là, có đặc điểm như sau:

2. Theo

.....
.....
.....
.....
.....
.....

.....
.....

thì bên A là chủ sở hữu của tài sản cầm cố nêu trên.

3. Hai bên thỏa thuận tài sản cầm cố sẽ do Bên giữ.

(Nếu hai bên thỏa thuận giao tài sản cầm cố cho người thứ ba giữ thì ghi rõ chi tiết về bên giữ tài sản)

.....
.....
.....
.....
.....

ĐIỀU 3: GIÁ TRỊ TÀI SẢN CẦM CỐ

1. Giá trị của tài sản cầm cố nêu trên là:
đ

(Bằng chữ:
đồng)

2. Việc xác định giá trị của tài sản cầm cố nêu trên chỉ để làm cơ sở xác định mức cho vay của bên B, không áp dụng khi xử lý tài sản để thu hồi nợ.

ĐIỀU 4: NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN A

1. Nghĩa vụ của bên A:

- Giao tài sản cầm cố nêu trên cho bên B theo đúng thoả thuận; nếu có giấy tờ chứng nhận quyền sở hữu tài sản cầm cố, thì phải giao cho bên B bản gốc giấy tờ đó, trở trường hợp có thoả thuận khác;
- Báo cho bên B về quyền của người thứ ba đối với tài sản cầm cố, nếu có;
- Đăng ký việc cầm cố nếu tài sản cầm cố phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật;
- Thanh toán cho bên B chi phí cần thiết để bảo quản, giữ gìn tài sản cầm cố, trở trường hợp có thoả thuận khác;
- Trong trường hợp vẫn giữ tài sản cầm cố, thì phải bảo quản, khụng được bán, trao đổi, tặng cho, cho thuê, cho mượn và chỉ được sử dụng tài sản cầm cố, nếu

được sự đồng ý của bên B; nếu do sử dụng mà tài sản cầm cố có nguy cơ bị mất giá trị hoặc giảm sút giá trị, thì bên A không được tiếp tục sử dụng theo yêu cầu của bên B;

2. Quyền của bên A

- Yêu cầu bên B đình chỉ việc sử dụng tài sản cầm cố, nếu do sử dụng mà tài sản cầm cố có nguy cơ bị mất giá trị hoặc giảm giá trị;
- Yêu cầu bên B giữ tài sản cầm cố hoặc người thứ ba giữ tài sản cầm cố hoàn trả tài sản cầm cố sau khi nghĩa vụ đó được thực hiện; nếu bên B chỉ nhận giấy tờ chứng nhận quyền sở hữu tài sản cầm cố, thì yêu cầu hoàn trả giấy tờ đó;
- Yêu cầu bên B giữ tài sản cầm cố hoặc người thứ ba giữ tài sản cầm cố bồi thường thiệt hại xảy ra đối với tài sản cầm cố hoặc các giấy tờ về tài sản cầm cố.

ĐIỀU 5: NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN B

1. Nghĩa vụ của bên B :

- Giữ gìn, bảo quản tài sản cầm cố và các giấy tờ về tài sản cầm cố nêu trên, trong trường hợp làm mất, hư hỏng, thì phải bồi thường thiệt hại cho bên A;
- Không được bán, trao đổi, tặng cho, cho thuê, cho mượn hoặc dùng tài sản cầm cố để bảo đảm cho nghĩa vụ khác;
- Không được khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản cầm cố, nếu không được bên A đồng ý;
- Trả lại tài sản cầm cố và các giấy tờ về tài sản cầm cố nêu trên cho bên A khi nghĩa vụ bảo đảm bằng cầm cố chấm dứt hoặc được thay thế bằng biện pháp bảo đảm khác.

2. Quyền của bên B

- Yêu cầu người chiếm hữu, sử dụng trái pháp luật tài sản cầm cố hoàn trả tài sản đó;
- Yêu cầu bên A thực hiện đăng ký việc cầm cố, nếu tài sản cầm cố phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.
- Yêu cầu xử lý tài sản cầm cố theo phương thức đó thoả thuận hoặc theo quy định của pháp luật để thực hiện nghĩa vụ, nếu bên A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ;
- Được khai thác công dụng tài sản cầm cố và hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản cầm cố, nếu có thoả thuận;

- Được thanh toán chi phí hợp lý bảo quản tài sản cầm cố khi trả lại tài sản cho bên A.

ĐIỀU 6: VIỆC NỘP LỆ PHÍ CÔNG CHỨNG

Bên chịu trách nhiệm nộp lệ phí công chứng Hợp đồng này.

ĐIỀU 7: XỬ LÝ TÀI SẢN CẦM CỐ

1. Trong trường hợp hết thời hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà bên A không trả hoặc trả không hết nợ, thì bên B có quyền yêu cầu xử lý tài sản cầm cố nêu trên theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ với phương thức:

Chọn một hoặc một số phương thức sau đây:

- Bán đấu giá tài sản cầm cố
- Bên B nhận chính tài sản cầm cố để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm
- Bên B được nhận trực tiếp các khoản tiền hoặc tài sản từ bên thứ ba trong trường hợp bên thứ ba có nghĩa vụ trả tiền hoặc tài sản cho bên A

2. Việc xử lý tài sản cầm cố nêu trên được thực hiện để thanh toán cho bên B theo thứ tự nợ gốc, lãi vay, lãi quá hạn, các khoản phí khác (nếu có), sau khi đã trừ đi các chi phí bảo quản, chi phí bán đấu giá và các chi phí khác có liên quan đến việc xử lý tài sản cầm cố.

ĐIỀU 8: PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không giải quyết được, thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu toà án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 9: CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

1. Bên A cam đoan:

- a. Những thông tin về nhân thân và về tài sản cầm cố đã ghi trong hợp đồng này là đúng sự thật;

- b. Tài sản cầm cố nêu trên không có tranh chấp;
- c. Tài sản cầm cố không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định pháp luật;
- d. Việc giao kết hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hoặc ép buộc;
- e. Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này;
- g. Các cam đoan khác...

2. Bên B cam đoan:

- a. Những thông tin về nhân thân đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
- b. Đã xem xét kỹ, biết rõ về tài sản cầm cố nêu trên và các giấy tờ về tài sản cầm cố, đồng ý cho bên A vay số tiền nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này;
- c. Việc giao kết hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hoặc ép buộc;
- d. Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này;
- e. Các cam đoan khác...

ĐIỀU 10: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

1. Hai bên công nhận đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc giao kết hợp đồng này.
2. Hai bên đã đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của công chứng viên.

Hoặc chọn một trong các trường hợp sau đây:

- Hai bên đã đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký, điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của công chứng viên.
- Hai bên đã đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của công chứng viên.
- Hai bên đã nghe công chứng viên đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của công chứng viên.
- Hai bên đã nghe công chứng viên đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký, điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của công chứng viên.

- Hai bên đã nghe công chứng viên đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của công chứng viên.

- Hai bên đó nghe người làm chứng đọc Hợp đồng, đó hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Công chứng viên;

- Hai bên đó nghe người làm chứng đọc Hợp đồng, đó hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký, điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Công chứng viên;

- Hai bên đó nghe người làm chứng đọc Hợp đồng, đó hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của Công chứng viên;

3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ

BÊN A

(ký, điểm chỉ và ghi rõ họ tên)

BÊN B

(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Ngày.....tháng.....năm..... (bằng chữ))

(Trường hợp công chứng ngoài giờ làm việc hoặc theo đề nghị của người yêu cầu công chứng, thì ghi thêm giờ, phút và cũng ghi bằng chữ trong dấu ngoặc đơn)

tại Phòng Công chứng số.....

(Trường hợp việc công chứng được thực hiện ngoài trụ sở, thì ghi địa điểm thực hiện công chứng và Phòng Công chứng)

Tôi....., Công chứng viên Phòng Công chứng số.....

Chứng nhận:

Hợp đồng cầm cố tài sản được giao kết giữa bên A là

..... và bên B là

.....; các bên đã tự nguyện thoả thuận giao kết hợp đồng và cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung hợp đồng;

- Tại thời điểm công chứng, các bên đã giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật;

- Nội dung thoả thuận của các bên trong hợp đồng phù hợp với pháp luật, đạo đức xã hội;

- Các bên giao kết đã đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong hợp đồng và đã ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

Hoặc chọn một trong các trường hợp sau:

- Các bên giao kết đã đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong hợp đồng và đã ký và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong hợp đồng và đã điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã nghe công chứng viên đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong hợp đồng và đã ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã nghe công chứng viên đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong hợp đồng và đã ký và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đã nghe công chứng viên đọc Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong hợp đồng và đã điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đó nghe người làm chứng đọc Hợp đồng này, đó đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng đó ký và điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đó nghe người làm chứng đọc Hợp đồng này, đó đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đó điểm chỉ vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Các bên giao kết đó nghe người làm chứng đọc Hợp đồng này, đó đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đó ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Hợp đồng này được lập thành bản chính (mỗi bản chính gồm tờ,trang), cấp cho:

+ Bên A bản chính;

+ Bên B bản chính;

+ Lưu tại Phòng Công chứng một bản chính.

Số công chứng, quyển sốTP/CC-SCC/HĐGD.

VIÊN

tên)

CÔNG CHỨNG

(ký, đóng dấu và ghi rõ họ